



TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Địa chỉ: Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi,
phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân,
thành phố Hà Nội

Mã số DN: 0100106440

Số: 209 /2022/LICOGI-CBTT

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(V/v CBTT Báo cáo thường niên 2021)

Hà Nội, ngày 19 tháng 04 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

**Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội**

Công ty: **TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**
Địa chỉ trụ sở chính: nhà G1, số 491 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân
Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Điện thoại: 0243 8542 365
Fax: 0243 8542 655
Người thực hiện công bố thông tin: Ông Vũ Nguyên Vũ
Địa chỉ: nhà G1, số 491 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh
Xuân, thành phố Hà Nội
Điện thoại: 0912046454
Loại thông tin công bố: 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu
 định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Tổng công ty LICOGI-CTCP công bố thông tin về Báo cáo thường niên 2021 của
Tổng công ty Licogi – CTCP.

(Có Báo cáo kèm theo).

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty vào
ngày 19/04/2022 tại đường dẫn: <http://www.licogi.vn/>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn
chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

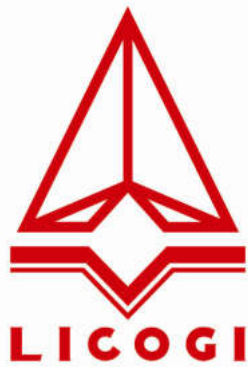
Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- HĐQT, BKS (để b/c);
- Ban TGD (để biết);
- Lưu VP HĐQT.

**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN
TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY LICOGI-CTCP**



Vũ Nguyên Vũ



2021 BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CÔNG TY CỔ PHẦN

MỤC LỤC

01

PHẦN MỞ ĐẦU

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị 04
Một số chỉ tiêu cơ bản 05

02

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin chung 08
Quá trình hình thành và phát triển 09
Tầm nhìn - Sứ mệnh 10
Sự kiện nổi bật 2021 11
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh 12
Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý 14
Giới thiệu Ban lãnh đạo 17
Vị trí của Tổng Công ty 18
Định hướng phát triển 20
Các rủi ro chính 22

03

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 28
Tổ chức và nhân sự 30
Tình hình đầu tư thực hiện dự án 32
Tình hình tài chính 34
Cổ đông và thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu 36

04

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 40
Tình hình tài chính 42
Cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý 44
Giải trình của Ban Tổng giám đốc về ý kiến kiểm toán ngoại ngữ 45

05

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của công ty 50
Kế hoạch, định hướng của HĐQT 54
Phương hướng thực hiện 55

06

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị 60
Ban kiểm soát 61
Giáo dục và thu lao 63

07

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Phát triển bền vững 64

08

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính 68

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Kính gửi Quý cổ đông, khách hàng, đối tác và toàn thể cán bộ công nhân viên,

Năm 2021 với nhiều khó khăn cơ bản do ảnh hưởng từ đại dịch Covid-19 không chỉ đối với nền kinh tế mà thế giới nói chung mà còn ảnh hưởng đến toàn ngành Xây dựng nói riêng đặc biệt là giá vật tư, nhiên liệu tăng cao. Hầu hết các hoạt động sản xuất kinh doanh bị ngưng trệ, doanh nghiệp, người dân đều gặp khó khăn. Cụ thể: trong năm 2021 Việt Nam đã chứng kiến mức tăng trưởng GDP 2020 ở 2,58%, lạm phát bình quân đạt 1,84%. Dù vậy, Việt Nam vẫn trở thành một trong số ít quốc gia trên thế giới vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng dương. Thành quả trên đến từ những nỗ lực chống dịch của Chính phủ, cùng với chính sách mở rộng tiền tệ và tài khóa phù hợp, giúp hỗ trợ tăng trưởng kinh tế nhưng vẫn kiểm soát tốt lạm phát và duy trì tỷ giá ổn định.

Ngành Xây dựng Việt Nam là ngành có tính chu kỳ cao có những giai đoạn tăng - giảm tốc độ

xen. Theo Tổng cục Thống kê cho biết, năm 2021 ngành Xây dựng cả nước tăng trưởng 5,61%. Vượt qua những khó khăn của nền kinh tế trong giai đoạn vừa qua, Tổng Công ty LICOGI vẫn duy trì được kết quả kinh doanh trong năm 2021 tương đối tốt: Doanh thu thuần đạt 1.988.415 triệu đồng giảm 9% so với năm 2020 (Năm 2020 đạt 2.187.967 triệu đồng); Lợi nhuận sau thuế đạt 103.187 triệu đồng tăng cao so với năm 2020.

Bước sang năm 2022 vẫn có những khó khăn thách thức lớn Tổng Công ty phải đổi mới phía trước. Với sự chuẩn bị kỹ lưỡng, chúng tôi đã sẵn sàng để đón nhận những cơ hội và phát triển mạnh mẽ trong thời gian tới. Ban lãnh đạo Tổng Công ty LICOGI - CTCP đã có những định hướng chiến lược thực tế, kịp thời và linh hoạt để tình hình hoạt động kinh doanh phát triển theo kế hoạch dài hạn đã đề ra. LICOGI vẫn tiếp tục tập trung phát triển 3 lĩnh vực nông cốt là: Xây lắp, sản xuất công nghiệp - vật liệu xây dựng và Đầu tư khu đô thị nhà ở. Ngoài ra, yếu tố con người luôn được LICOGI quan tâm chú trọng.

Thay mặt HĐQT, tôi tin rằng với chiến lược kinh doanh được chuẩn bị kỹ lưỡng và phù hợp, kế hoạch triển khai thực hiện linh động và cụ thể, đặc biệt là với một đội ngũ nhân sự có ý chí cao, trách nhiệm, sáng tạo và hợp tác, LICOGI chắc chắn sẽ đạt được những kết quả như mong đợi.

Cuối cùng, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến các thành viên HĐQT, Ban Điều hành và toàn thể cán bộ, công nhân viên LICOGI đã nỗ lực không ngừng để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Tôi xin cảm ơn sự tin tưởng và ủng hộ của khách hàng, sự đồng hành của đối tác và quý cổ đông trong năm qua.

Kính chúc Quý vị luôn mạnh khỏe, hạnh phúc và thành công!

**Chủ tịch Hội đồng quản trị
Đình Việt Hùng (đã ký)**

MỘT SỐ CHỈ TIÊU CƠ BẢN

Chỉ tiêu	Đơn vị	2019	2020	2021
Kết quả hoạt động kinh doanh				
Doanh thu thuần	Triệu đồng	2.305.321	2.187.968	1.988.415
Giá vốn hàng bán	Triệu đồng	2.093.984	1.921.516	1.763.928
Lợi nhuận gộp	Triệu đồng	211.336	266.452	224.486
Lợi nhuận thuần từ hoạt động tài chính	Triệu đồng	-7.381	-24.697	60.885
Chi phí hoạt động	Triệu đồng	235.252	234.257	194.896
Lãi lỗ công ty liên doanh, liên kết	Triệu đồng	-7.386	40.752	55.484
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	-38.683	48.249	145.959
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	Triệu đồng	-19.526	-13.595	-29.143
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	-58.209	34.655	116.816
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	-64.012	23.024	103.487
Bảng cân đối kế toán				
Tổng tài sản	Triệu đồng	4.368.392	4.461.994	4.542.159
Vốn điều lệ	Triệu đồng	900.000	900.000	900.000
Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	392.435	404.433	475.403
Nợ phải trả	Triệu đồng	3.975.957	4.057.561	4.066.755
Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu				
Thu nhập trên vốn cổ phần (ROE)	%	-15,00	5,78	23,52
Chỉ số đòn bẩy		10,09	5,28	5,06

Phần 02

THÔNG TIN CHUNG

- /08** Thông tin chung
- /09** Quá trình hình thành và phát triển
- /10** Tầm nhìn - Sứ mệnh
- /11** Sự kiện nổi bật 2021
- /12** Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- /14** Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- /17** Giới thiệu Ban lãnh đạo
- /18** Vị thế Tổng Công ty
- /20** Định hướng phát triển
- /22** Các rủi ro chính

THÔNG TIN CHUNG

Tên giao dịch

Tổng Công ty LICOGI - CTCP

Tên tiếng Anh

LICOGI Corporation - JSC

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Mã số doanh nghiệp: 0100106440 cấp ngày

24/11/2010 tại Thành phố Hà Nội, thay đổi lần thứ 7 ngày 11/01/2018

Địa chỉ

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Website

<http://www.licogi.com.vn/>

Số fax

+ 84 024 38542655

Số điện thoại

+ 84 024 38542365

Vốn điều lệ

900.000.000.000 VND

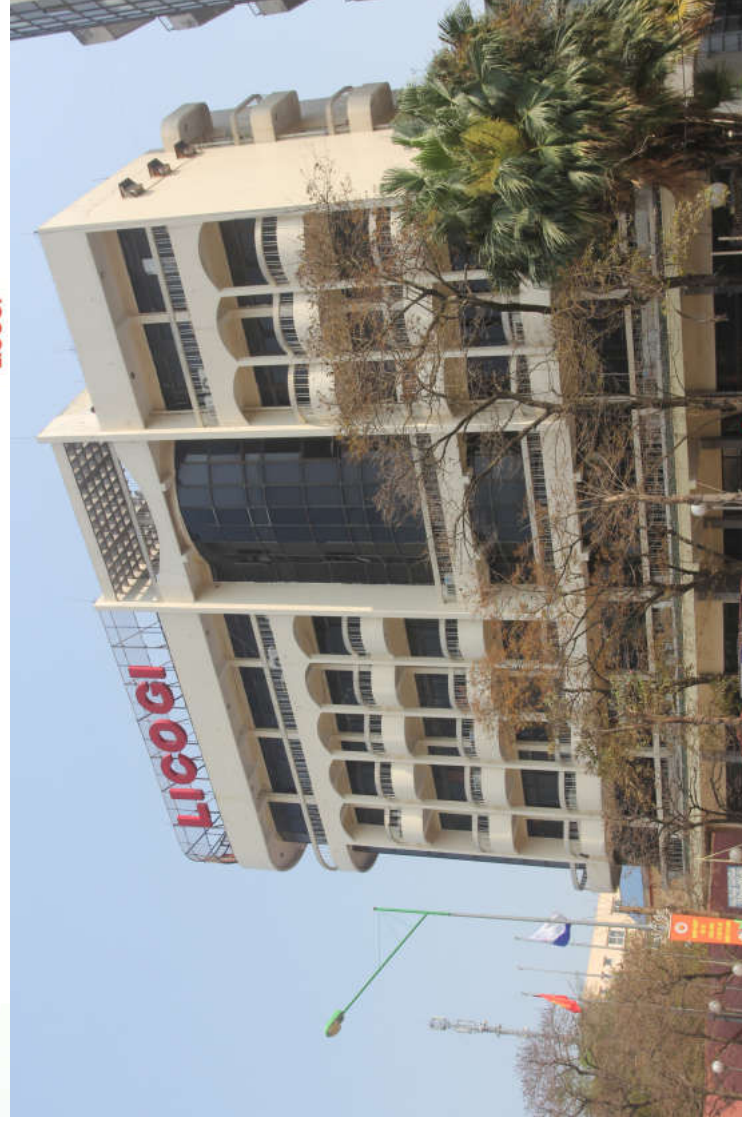
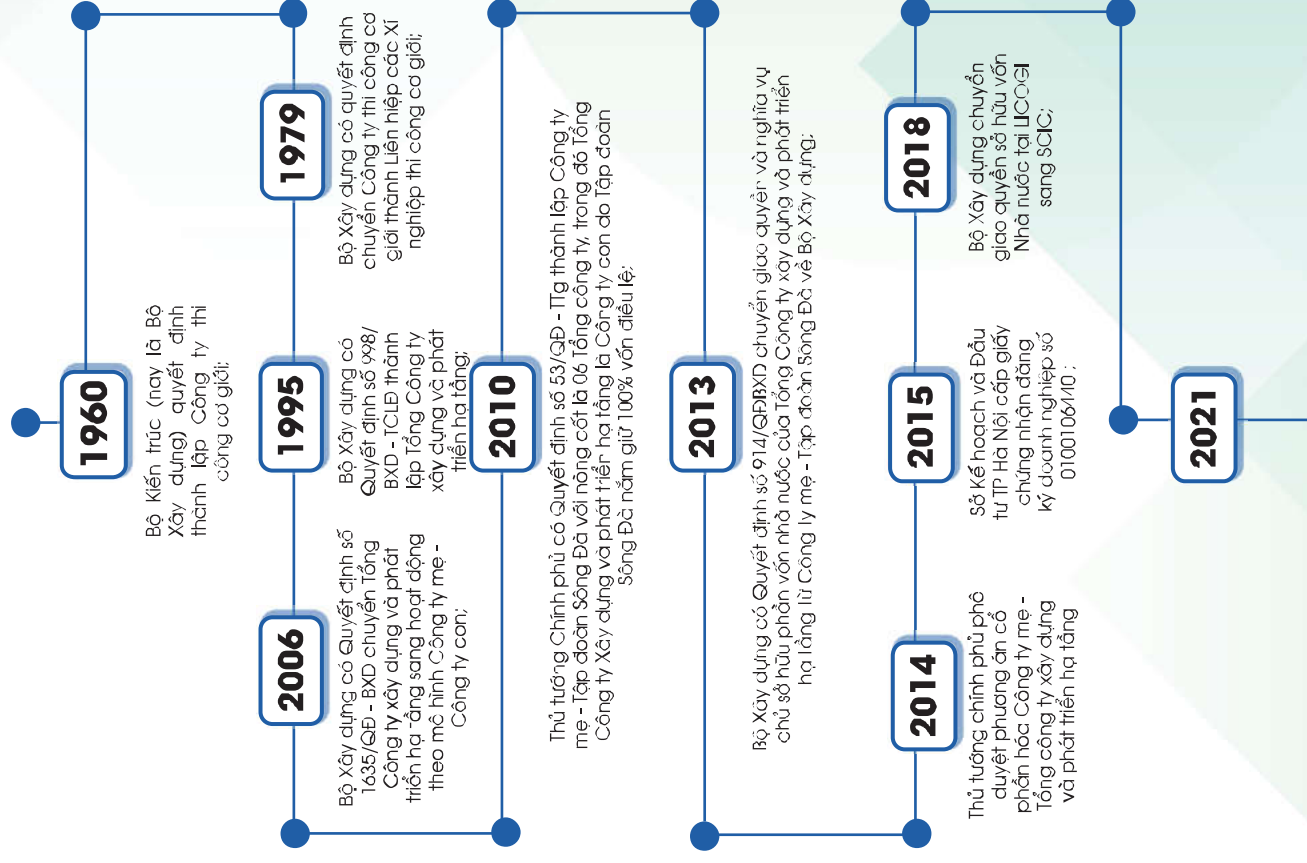
Mã cổ phiếu

LIC

Logo



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



TÂM NHÌN - SỨ MỆNH



- Nhà thầu hạ tầng kỹ thuật và nền móng công trình hàng đầu tại Việt Nam và nhà thầu Quốc tế chuyên nghiệp bằng lợi thế công nghệ, thiết bị uy tín và nguồn nhân lực chất lượng cao.
- Nhà sản xuất năng lượng, sản xuất công nghiệp và vật liệu xây dựng hiệu quả cao.
- Nhà đầu tư, phát triển và vận hành khu đô thị mang lại môi trường sống tốt đẹp hơn cho cộng đồng.



- LICOGI cung cấp giải pháp sáng tạo và đáng tin cậy với giá cả hợp lý bằng ứng dụng công nghệ tiên tiến và phương thức quản lý hiện đại.
- LICOGI nỗ lực nâng cao chất lượng cuộc sống cho cộng đồng và sự phát triển bền vững của đất nước bằng chiến lược đầu tư hiệu quả.
- LICOGI xây dựng một môi trường làm việc hội tụ được nguồn nhân lực chất lượng cao, mang lại cơ hội phát triển và thành đạt cùng doanh nghiệp.

SỰ KIẾN NỔI BẬT 2021

Hội nghị sơ kết nửa nhiệm kỳ công đoàn Tổng công ty Licogi - CTCP

Ngày 22/01/2021 tại Tổng công ty LICOGI, Công đoàn Tổng công ty LICOGI tổ chức sơ kết nửa nhiệm kỳ công đoàn Tổng Công ty, hội nghị đã báo cáo kết quả triển khai, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại hội XII Công đoàn Việt Nam, Nghị quyết Đại hội XIII Công đoàn Xây dựng Việt Nam, Nghị quyết Đại hội V Công đoàn Tổng công ty LICOGI và triển khai nhiệm vụ hoạt động công đoàn năm 2021 và nửa nhiệm kỳ.



Đồng chí Đinh Việt Tùng, Chủ tịch HĐQT Tổng công ty LICOGI phát biểu tại Hội nghị



Tại hội nghị, đồng chí Vũ Ngọc Chính, Phó Chủ tịch Công đoàn Xây dựng Việt Nam đã tặng Cờ thi đua của Công đoàn Xây dựng Việt Nam cho Công đoàn Công ty cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi và Công đoàn Công ty TNHH MTV Đầu Tư và Xây dựng Licogi 2.

(Nguồn: VP Công đoàn TCT)

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Thi công và xử lý nền móng các loại công trình, khoan nổ mìn, các công trình ngầm;
- Thi công xây lắp và tổng thầu thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp;
- Xây dựng các công trình giao thông (đường bộ, cầu đường sắt, cầu đường bộ, sân bay, bến cảng, nhà ga, đường hầm);
- Xây dựng các công trình thủy lợi, cấp thoát nước (đê, đập, kênh, mương, hồ chứa nước, hệ thống tưới tiêu, ống dẫn, trạm bơm), thủy điện, nhiệt điện, bui điện;
- Thi công xây lắp các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây điện, trạm biến áp điện;
- Lắp đặt thiết bị và hoàn thiện công trình xây dựng;
- Đầu tư kinh doanh các dự án về nhà ở, khu đô thị, khu công nghiệp, đầu tư và kinh doanh phát triển hạ tầng kỹ thuật;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét, sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng;
- Kinh doanh các sản phẩm cơ khí;
- Đưa chuyên gia và người lao động Việt nam đi làm việc ở nước ngoài.

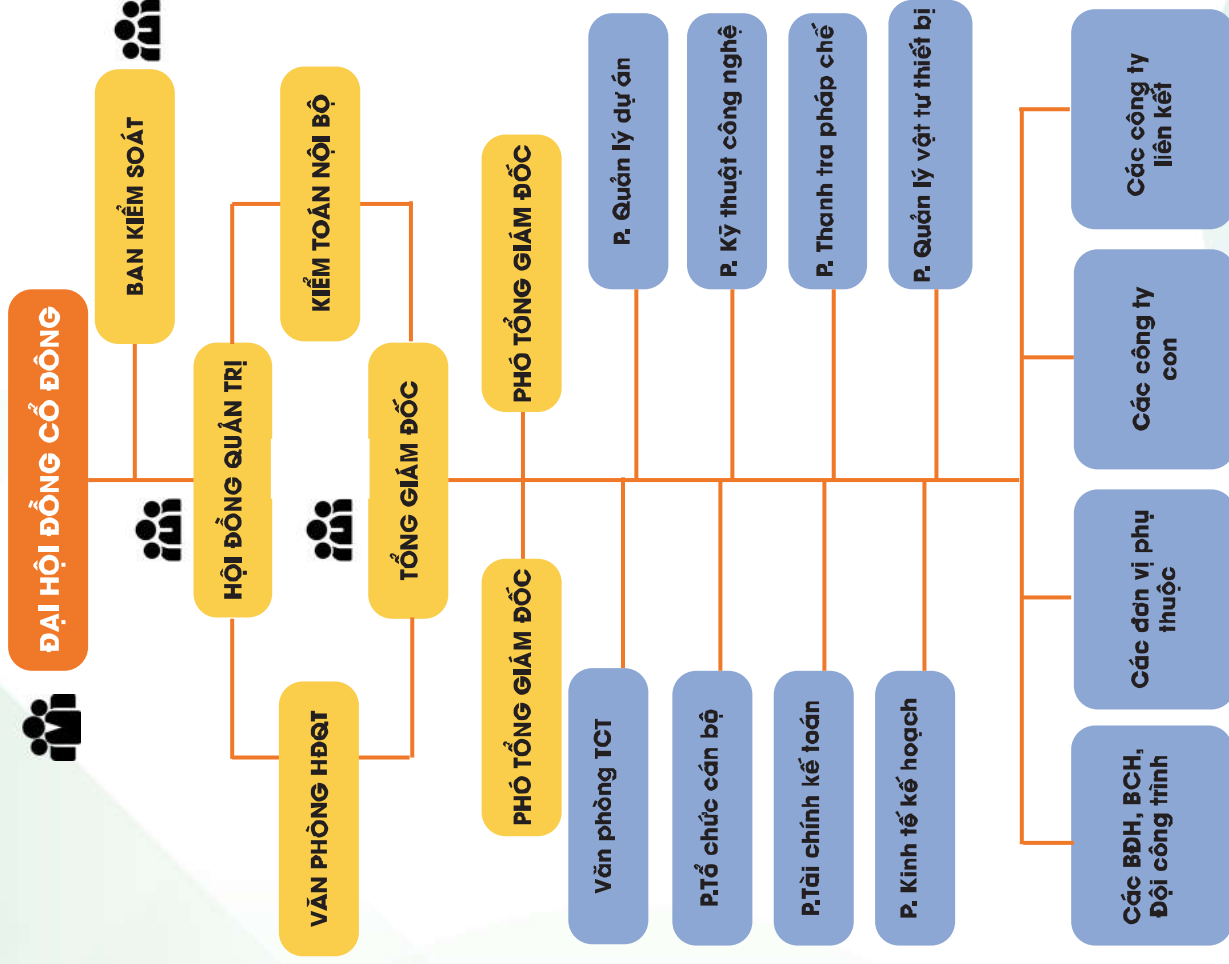
ĐỊA BÀN KINH DOANH

Trong nước: Thi công các công trình, đầu tư kinh doanh khu đô thị tại các tỉnh, Thành phố trong cả nước

Nước ngoài: Xuất nhập khẩu máy, thiết bị, sản phẩm cơ khí, Xuất khẩu lao động và chuyên gia...



THÔNG TIN MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



CÔNG TY CON

Danh sách các Công ty con của Tổng Công ty tính đến 31/12/2021

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh	Hà Nội	51,85%	51,85%	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng
Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi	Hà Nội	89,06%	89,06%	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm cơ khí
Công ty Cổ phần Tư vấn Licogi	Hà Nội	60,00%	60,00%	Tư vấn đầu tư xây dựng
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 (Licogi 9)	Đông Nai	51,00%	51,00%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	64,77%	64,77%	Thi công xây lắp, sản xuất VI.XD
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10 (Licogi 10)	Đà Nẵng	57,71%	57,71%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Licogi 15	Thanh Lióa	64,65%	64,65%	Thi công nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Licogi 17	Đầu Dương	56,33%	56,33%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Xây dựng 20 (Licogi 20)	Hà Nội	92,58%	92,58%	Thi công xử lý nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước	Hà Nội	89,92%	89,92%	Lắp đặt máy móc, thiết bị điện, nước
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2 (Licogi 2)	Quảng Ninh	100,00%	100,00%	Đầu tư, kinh doanh Bất động sản
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi	Hà Nội	100,00%	100,00%	Đầu tư, kinh doanh Bất động sản

CÔNG TY LIÊN KẾT, ĐẦU TƯ GÓP VỐN

Danh sách các Công ty liên kết của Tổng Công ty tính đến 31/12/2021

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	Lào Cai	44,11%	44,11%	Sản xuất và kinh doanh điện
Công ty Cổ phần Licogi 14 (*)	Phủ Thọ	24,16%	24,16%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Licogi 19	Hà Nội	22,62%	22,62%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Licogi 12	Hà Nội	8,52%	8,52%	Thi công xây lắp, sản xuất VI.XD, xử lý nền móng
Công ty Cổ phần Licogi 13	Hà Nội	4,19%	4,19%	Sản xuất KD điện; đầu tư kinh doanh BDS; thi công xây lắp và xử lý nền móng
Công ty Cổ phần Đầu tư XD số 18	Hà Nội	4%	4%	Thi công xây lắp, đầu tư kinh doanh BDS

(*) LICOGI đang thực hiện thoái vốn lợi Công ty cổ phần Licogi 14 từ ngày 24/12/2021 đến 21/01/2022.

Danh sách các Công ty đầu tư góp vốn vào của Tổng Công ty tính đến 31/12/2021

Tên công ty	Nơi thành lập	Tỷ lệ lợi ích	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkđrinh	Quang Ngãi	1,19%	Sản xuất và kinh doanh điện
Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Dầu khí Idico Long Sơn	TP. Hồ Chí Minh	0,36%	Đầu tư khu công nghiệp; Đầu tư, kinh doanh BDS
Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây dựng Vinhomes-Licogi	TP. Hà Nội	10,00%	Xây dựng các công trình thủy lợi, cảng
Công ty Cổ phần Quản lý Dự án và Xây dựng Licogi	TP. Hà Nội	10,00%	Xây dựng Công trình dân dụng, quản lý dự án

GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Chú thích
1	Đình Việt Tùng	Chủ tịch HĐQT	0	0	Bổ nhiệm ngày 29/06/2021
2	Phan Thanh Hải	Phó Chủ tịch HĐQT, Kiểm Tổng giám đốc	0	0	Bổ nhiệm ngày 29/06/2021
3	Ứng Tiến Đỗ	Thành viên HĐQT	0	0	Bổ nhiệm ngày 24/06/2021
4	Nguyễn Danh Quân	Thành viên HĐQT	64	-	Bổ nhiệm ngày 24/06/2021
5	Nguyễn Thanh Hợp	Thành viên HĐQT	0	0	Bổ nhiệm ngày 24/06/2021

BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Chú thích
1	Nguyễn Thị Khánh Phương	Trưởng BKS	200	-	Bổ nhiệm ngày 24/06/2021
2	Kiều Bích Hoa	Thành viên BKS	0	0	Bổ nhiệm ngày 24/06/2021
3	Nguyễn Thu Trang	Thành viên BKS	0	0	Bổ nhiệm ngày 24/06/2021

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Ghi chú
1	Phan Thanh Hải	Tổng giám đốc, Phó Chủ tịch HĐQT	0	0	Bổ nhiệm ngày 29/06/2021
2	Phan Đức Hùng	Phó Tổng giám đốc	0	0	Bổ nhiệm ngày 23/07/2021
3	Phan Lan Anh	Phó Tổng giám đốc	0	0	Bổ nhiệm ngày 23/07/2021
4	Nguyễn Anh Dũng	Kế toán trưởng	0	0	Bổ nhiệm ngày 23/07/2021

VỊ THẾ TỔNG CÔNG TY

VỊ THẾ

LICOGI có thế mạnh truyền thống trong lĩnh vực thi công cơ giới, xử lý nền móng, xây dựng các công trình ngầm quy mô lớn, garage của các tòa nhà cao ốc, ... với lực lượng thiết bị hiện đại được nhập khẩu từ nhiều nước tiên tiến trên thế giới. Trải qua hơn 60 năm xây dựng và phát triển, hiện nay, LICOGI có đội ngũ nhân sự có nhiều kinh nghiệm, trong đó có nhiều cán bộ có trình độ đại học, trên đại học và công nhân kỹ thuật lành nghề được đào tạo chính quy trong và ngoài nước, với bề dày kinh nghiệm trong quản lý, tổ chức thi công đặc biệt là các công trình đòi hỏi ứng dụng công nghệ thi công hiện đại theo tiêu chuẩn quốc tế. Từ hiệu quả thi công công trình lớn, trọng điểm trên khắp mọi miền của Tổ quốc, thương hiệu LICOGI đã được các chủ đầu tư trong và ngoài nước đánh giá cao. Tên tuổi của LICOGI gắn với nhiều công trình, dự án quan trọng của quốc gia.

Trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp và vật liệu xây dựng, LICOGI cũng nắm giữ vị trí dẫn đầu thị trường như sản phẩm đúc, bi nghiền xi măng, giàn khung không gian, tấm lợp...

THỊ PHẦN SẢN PHẨM

STT	Sản phẩm	Thị phần (%)
1	Thép đúc; bi nghiền xi măng	41%
2	Nhóm định hình	5%
3	Tấm lợp Fibro xi măng	35%
4	Giàn không gian khớp cấu	>50%

Các công trình tiêu biểu sử dụng sản phẩm của LICOGI năm 2021

- Nhóm kính một số tòa khu đô thị lớn của Vingroup như: Vinhomes Ocean Park Gia Lâm; Vinhomes Grand Park Quận 9 tại TP. HCM; Giàn không gian Nhà văn hóa Đống Anh và kho đá vôi của Xi măng Tân Thành;
- Vật liệu bao che: Nhà máy Nhiệt điện Nghi Sơn; Nhiệt điện Văn Phong; Nhiệt điện Sông Hậu 1; Vĩnh Tân; Thái Bình 1; Thái Bình 2.

PHÂN TÍCH SWOT

- Chất lượng công trình, sản phẩm được Tổng công ty đặt lên hàng đầu, tạo được niềm tin với khách hàng. Đây cũng là một trong những yếu tố thuận lợi giúp Tổng công ty thu hút thêm lượng khách hàng tiềm năng.
- Đội ngũ cán bộ năng động, có trình độ chuyên môn, nhiệt huyết cao, tập thể đoàn kết, nhất trí, phát huy sức mạnh tập thể.
- Chiến lược phát triển và năng lực sản xuất.
- Trải qua hơn 60 năm hình thành và phát triển Tổng Công ty trở thành một trong những Tổng công ty uy tín trên thị trường trong lĩnh vực xây dựng.
- Lợi thế về thiết bị công nghệ.

- Với thị phần và quy mô vốn hóa của Tổng Công ty đang còn khá nhỏ so với nhiều đối thủ cạnh tranh.
- Tổng công ty mới trở thành công ty đạt chứng được gần 6 năm nên chưa gây dựng được thị phần trên hệ thống các doanh nghiệp xây dựng và toàn thị trường.

- Nhu cầu đầu tư phát triển nhà ở, các khu đô thị mới và các công trình cơ sở hạ tầng, năng lượng ngày càng cao sẽ tạo ra nhiều cơ hội kinh doanh cho Tổng công ty trong tương lai.
- Năm 2022, dự báo biến động chỉ phí đầu vào sẽ theo hướng thuận lợi cho ngành. Nhà nước chủ trương cải cách hành chính, mở cửa thu hút vốn đầu tư, tham gia vào các Hiệp định tự do thương mại với đối tác nước ngoài lớn như Châu Âu, Trung Quốc, Nhật Bản. Ngành Xây dựng tiếp tục đã tăng trưởng do Việt Nam hiện vẫn là nước có lợi thế về nguồn nhân lực dồi dào, chi phí nhân công cạnh tranh trong khu vực tạo điều kiện để Tổng công ty có điều kiện phát huy truyền thống chuyên ngành thi công hạ tầng, nền móng.
- Năm 2022, Nhà nước tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ các công trình đường giao thông, sân bay, bến cảng tạo cơ hội việc làm cho các doanh nghiệp trong nước trong đó có LICOGI.

- Ngành Xây dựng vào giai đoạn giảm tốc, tình hình kinh tế vĩ mô và dịch bệnh biến động gây nhiều khó khăn cho toàn Ngành trong đó có Tổng công ty.
- Giá cả nguyên vật liệu, nhiên liệu biến động làm giảm tính chủ động và ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.
- Hội nhập phát triển mở cửa thị trường tạo cơ hội cho nhiều doanh nghiệp nước ngoài tiến vào thị trường Việt Nam, chính vì thế tạo ra áp lực cạnh tranh lên nhiều Công ty trong nước. Trên thị trường trong lĩnh vực xây dựng có rất nhiều doanh nghiệp đang hoạt động và cạnh tranh với nhau.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Chiến lược phát triển của LICOGI trong những năm tới được xác định dựa trên ba trụ cột chính là (i)Thị công nền móng hạ tầng, xây lắp, (ii) Sản xuất công nghiệp - vật liệu xây dựng và (iii)Đầu tư khu đô thị, nhà ở, khu công nghiệp, trong đó, nguồn nhân lực là khâu then chốt, quản lý bộ máy là khâu trọng yếu và phát huy văn hóa doanh nghiệp là nhiệm vụ thường xuyên. Việc kiện toàn, sắp xếp lại nhân sự, bộ máy quản lý, điều hành được thực hiện từ Công ty mẹ đến các công ty con, cụ thể:



- Công ty mẹ sẽ thực hiện chức năng chủ yếu là đầu tư đồng bộ, có chiều sâu hệ thống máy móc, thiết bị thi công hiện đại, đào tạo, xây dựng phát triển nguồn nhân sự để đủ năng lực đầu thầu, ký kết các hợp đồng thi công xây lắp, quản lý và triển khai các gói thầu/dự án quy mô lớn, làm cơ sở giao lại cho các công ty con, Công ty liên kết.

- Tập trung tái cấu trúc toàn diện Tổng Công ty, nâng cao hiệu quả hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con, tăng cường hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý, điều hành, kiểm tra giám sát, quản trị rủi ro thông qua việc hoàn thiện hệ thống quy trình, quy chế quản trị nội bộ.

- Củng cố và tăng cường mối liên kết chặt chẽ giữa Công ty mẹ và các công ty con trên các mặt: việc làm, quản lý, điều hành, quan hệ kinh tế và phân chia lợi ích. Thực hiện củ nhân sự có trình độ, kinh nghiệm làm đại diện phần vốn góp của LICOGI tại các công ty con, công ty liên kết. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện quy chế quản lý vốn đầu tư của Tổng Công ty vào doanh nghiệp khác, trong đó, quy định rõ trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện phần vốn góp, nhằm đảm bảo hiệu lực, hiệu quả của việc giám sát các khoản đầu tư ra bên ngoài.

ĐỊNH HƯỚNG CHI TIẾT

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ

Tiếp tục tăng cường, đổi mới thiết bị và công nghệ thi công cọc khoan nhồi, tường vây thông qua việc ứng dụng công nghệ hiện đại và không ngừng cải tiến, đổi mới.

Nghiên cứu phát triển sản xuất tấm lợp theo công nghệ mới không sử dụng Amiăng; nâng cao chất lượng các sản phẩm đúc kim loại, nhôm thanh định hình, giảm không gian cho phù hợp yêu cầu về bảo vệ môi trường và hiệu quả kinh doanh.

CHIẾN LƯỢC QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU HÀNH SẢN XUẤT

Tăng cường đào tạo, nâng cao năng lực quản lý, điều hành cho các cấp quản lý, trình độ tay nghề cho công nhân kỹ thuật để chủ động chuyển đổi, thích ứng với thị trường, đi đôi với việc đổi mới trong công tác tuyển dụng, bổ nhiệm.

Tập trung đầu thầu thi công các công trình có nguồn vốn rõ ràng, khả năng thanh toán nhanh; không ký các hợp đồng thi công công trình, dự án có giá thấp, khả năng thanh toán kém. Ưu tiên chú trọng đầu thầu các công trình, dự án xử lý nền móng, hạ tầng thuộc phân khúc thế mạnh, lợi thế cạnh tranh cốt lõi của LICOGI so với các doanh nghiệp cùng ngành.

Nâng cao hiệu quả quản lý tài chính, đặc biệt trong việc huy động, giám sát và sử dụng vốn, cũng như đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ. Thực hiện tái cấu trúc toàn diện danh mục, cơ cấu nợ vay theo nguyên tắc giảm sự lệ thuộc vào các nguồn vốn giá cao, giảm mất cân đối giữa vay nợ và đầu tư từ nguồn vốn ngân hàng.

Tăng cường công tác quản lý giá thành, định mức kinh tế kỹ thuật. Nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý ở tất cả các khâu, từ đầu thầu, quản lý hợp đồng, thi công, nghiệm thu, thanh quyết toán. Hoàn thiện công tác giao khoán thầu thi công xây lắp đến từng đội sản xuất, chủ công trình, chỉ nhanh theo hướng quản lý tập trung, đảm bảo phân bổ và tính đủ chi phí của từng công trình nhằm khai thác, sử dụng và tiết kiệm có hiệu quả các nguồn lực để nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Coi trọng công tác quản lý chất lượng, đảm bảo an toàn lao động. Khuyến khích đổi mới, sáng tạo, cải tiến kỹ thuật nhằm làm giảm chi phí, nâng cao hiệu quả, hiệu suất hoạt động. Tăng cường công tác quản lý, quản trị rủi ro, hoàn chỉnh các quy chế, quy trình quản lý để hoạt động của Tổng công ty có hiệu quả và tuân thủ các quy định của pháp luật.

CHIẾN LƯỢC SẢN XUẤT XÂY LẮP

Tập trung phát huy ngành nghề mũi nhọn về hạ tầng kỹ thuật và xử lý nền móng. Ngoài việc tiếp tục tham gia thi công hạ tầng kỹ thuật các khu công nghiệp, khu đô thị, xử lý nền móng các công trình ngầm, công trình cao tầng, nhà máy điện, xí mìn... ưu tiên bố trí nguồn lực đi sâu nghiên cứu và tham gia thi công các công trình giao thông.

Tăng cường các hoạt động liên doanh, liên kết với cổ đông lớn và các doanh nghiệp FDI là tổng thầu lớn mà những năm trước đây Tổng công ty đã tham gia thi công, được các doanh nghiệp này đánh giá cao việc đổi mới trong công tác tuyển dụng, bổ nhiệm.

CHIẾN LƯỢC SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Tiếp tục củng cố, đổi mới thiết bị công nghệ và phát triển các mặt hàng truyền thống, thế mạnh như: sản xuất vật liệu xây dựng (tấm lợp các loại, nhôm thanh định hình...), sản xuất sản phẩm cơ khí (bi đũa cho ngành xi măng, đúc thép, giàn khung không gian, gia công lắp dựng kết cấu phi tiêu chuẩn...) với mục tiêu nâng cao chất lượng và duy trì vị thế thị phần đã xác lập.

Nghiên cứu chuyển dịch cơ cấu sản phẩm theo hướng thân thiện với môi trường, trong đó, chú trọng phát triển các sản phẩm tấm phẳng (tấm lợp không sử dụng amiăng thay thế), gạch không nung, bê tông đúc sẵn.

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG

Đầu tư các dự án đô thị và khu công nghiệp: Đẩy mạnh triển khai các dự án: Khu đô thị mới Thịnh Liệt, Khu đô thị mới Nam ga Hạ Long, Trụ sở Tổng Công ty tại Lô E7 Phạm Hùng; G1 Thanh Xuân Nam, Nghiên cứu đầu tư nâng cao năng lực máy móc, thiết bị phục vụ thi công các công trình hạ tầng.

CÁC RỦI RO CHÍNH

RỦI RO KINH TẾ

Năm 2021, dịch bệnh Covid-19 phức tạp đã ảnh hưởng rất lớn đến mọi lĩnh vực trong nền kinh tế, trong đó có xây dựng. Nhưng với sự điều hành linh hoạt của Chính phủ, sự chỉ đạo sát sao của lãnh đạo Bộ và nỗ lực của toàn Ngành, ngành Xây dựng đã đạt được nhiều thành tựu đáng ghi nhận, góp phần quan trọng cùng cả nước vượt qua đại dịch Covid-19, thực hiện thắng lợi nhiều mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội.

Tính chung năm 2021, giá trị sản xuất xây dựng theo giá hiện hành ước đạt hơn 1.938,9 nghìn tỷ đồng, tăng 5,1% so với năm 2020; trong đó khu vực ngoài nhà nước ước đạt 1.255,7 nghìn tỷ đồng, tăng 7,5% so với năm 2020 và đây cũng là khu vực có tốc độ tăng trưởng cao nhất; khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 59,8 nghìn tỷ đồng, giảm 4,2%, khu vực doanh nghiệp nhà nước ước đạt gần 55 nghìn tỷ đồng, tăng 1,7%. Theo loại công trình, giá trị sản xuất công trình nhà các loại ước đạt 1.126,5 nghìn tỷ đồng tăng 4,8% so với năm trước, công trình kỹ thuật dân dụng ước đạt gần 571 nghìn tỷ đồng tăng 9,7%, giá trị hoạt động xây dựng chuyển dụng ước đạt 241,5 nghìn tỷ đồng, giảm 3%.

Theo Tổng cục Thống kê, hoạt động của ngành Xây dựng trong năm 2021 có một số thuận lợi, như: Các đơn vị trong ngành Xây dựng có nguồn công việc ổn định do có nhiều công trình chuyển tiếp từ năm 2020 sang có tổng mức đầu tư lớn; Nhu cầu xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình kỹ thuật dân dụng có xu hướng tăng cùng với sự "ấm" lên của thị trường bất động sản tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai các dự án, công trình.

Bên cạnh những khó khăn do dịch Covid-19 trong năm 2021, ngành Xây dựng cũng gặp phải khó khăn như: Nguồn vốn ngân sách nhà nước bố trí phân bổ vốn đầu tư cho các dự án còn ít so với khối lượng đã thi công; Công tác quy hoạch chưa đồng bộ, chất lượng chưa cao; năng lực tài chính của một số chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng còn hạn chế; Một số dự án bất động sản đã ký nhưng không được triển khai hoặc triển khai chậm; Lãi vay ngân hàng và việc chậm giải ngân vốn đầu tư công khiến doanh nghiệp xây dựng gặp khó khăn về vốn.

Do đặc thù địa bàn hoạt động của Tổng công ty chủ yếu ở trong nước nên chịu ảnh hưởng chung sự phát triển chung của Việt Nam và của ngành Xây dựng; giá vật tư, nguồn vật liệu, nhiên liệu, nhân công biến động mạnh, đặc thù các công trình xây dựng trong thời gian dài, công tác thanh quyết toán của nhiều nhà thầu đã tạo ra một số vấn đề ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả SXKD của Tổng công ty.

RỦI RO PHÁP LUẬT

Là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần, hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty chịu ảnh hưởng lớn từ chính sách Nhà nước, bất kỳ sự thay đổi nào có thể ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của Tổng công ty, sự điều chỉnh của các văn bản Pháp luật về Luật Doanh nghiệp, các văn bản Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Các đạo luật tiếp tục được xây dựng, hoàn thiện và trình ban hành. Luật Quản lý phát triển đô thị, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật Quy hoạch đô thị đã hoàn thành, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

RỦI RO HOẠT ĐỘNG

Về thị trường, đối thủ cạnh tranh: Ngành Xây dựng không có sản phẩm thay thế khác biệt nhiều, rào cản ra nhập tương đối lớn do nhu cầu huy động vốn lớn và đòi hỏi chất lượng, tiến độ ngày càng cao. Tuy nhiên, rủi ro lớn nhất đối với Tổng công ty tới từ sức mạnh của khách hàng. Khách hàng trong lĩnh vực này thường có trình độ hiểu biết nhất định, theo các gói thầu kỹ lưỡng từ đầu tới cuối nên các doanh nghiệp xây dựng buộc phải áp mức giá thầu cạnh tranh. Hơn nữa, số lượng nhà thầu nhỏ lẻ tại Việt Nam tương đối nhiều nên rủi ro tới từ cạnh tranh vẫn hiện hữu, ảnh hưởng tới hoạt động của Tổng công ty.

Về lao động: Số người thất nghiệp trong độ tuổi lao động năm 2021 là hơn 1,4 triệu người, tăng 203,7 nghìn người so với năm trước. Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động là 3,22%, tăng 0,54 phần trăm so với năm trước. Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị là 4,42% cao hơn 1,94 phần trăm so với khu vực nông thôn. Xét theo khu vực, số lao động trong khu vực công nghiệp và xây dựng là 16,3 triệu người, giảm 254.200 người. Ngành xây dựng cần con người thực hiện, giám sát thi công, nhưng phần lớn lao động hiện nay là lao động phổ thông, chưa qua đào tạo chuyên nghiệp nên hàng năm tai nạn nghề nghiệp trong lĩnh vực xây dựng chiếm tỷ trọng rất lớn cũng như năng suất lao động chưa cao. Để đảm bảo quá trình sản xuất kinh doanh không bị gián đoạn do thiếu nhân công, ban lãnh đạo Tổng Công ty cần áp dụng cơ chế lương thưởng hợp lý cũng với những đãi ngộ, chăm lo cho đời sống công nhân viên, tạo cho người lao động môi trường làm việc chuyên nghiệp với mức thu nhập khá.

Về an toàn lao động: Trong các hoạt động thi công xây lắp, IFCOGI luôn coi an toàn lao động là vấn đề quan trọng hàng đầu. Tuy nhiên, với đặc thù của ngành xây lắp là phải lao động trong nhiều điều kiện khó khăn (làm việc trên cao, tại khu vực địa hình hiểm trở...) và đặc thù vận chuyển khối lượng nguyên vật liệu lớn, nguy cơ xảy ra mất an toàn rất có thể xảy ra.



CÁC RỦI RO CHÍNH (tiếp theo)



RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro tín dụng: Để thực hiện kinh doanh, doanh nghiệp có thể huy động vốn từ nhiều nguồn khác nhau. Trong đó một lượng vốn lớn được tài trợ từ vốn vay ngân hàng. Đồng thời, thị trường bất động sản có đặc thù chu kỳ phát triển dự án kéo dài 2-3 năm thậm chí 3-5 năm. Vì vậy, bất kỳ sự thay đổi nào của Ngân hàng Nhà nước và các ngân hàng thương mại về chính sách tiền tệ, lãi suất sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Năm 2020, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã điều chỉnh lãi suất điều hành, tạo điều kiện cho nền kinh tế có điều kiện phục hồi nhanh trước ảnh hưởng của dịch Covid-19.

Rủi ro tỷ giá: Lạm phát cơ bản bình quân năm 2021 CPI tăng 1,84% so với năm trước, mức tăng thấp nhất kể từ năm 2016. Giá vàng trong nước biến động theo giá vàng thế giới, bình quân năm 2021 giá vàng đã tăng hơn 5 triệu đồng/lượng, tương đương mức tăng khoảng 8,9%.

RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH

Đặc thù của ngành Xây dựng là công tác nghiêm túc, quyết toán công trình, hầu hết các công trình thi công trong thời gian dài. Việc nghiệm thu, quyết toán, bàn giao thường bị kéo dài (khoảng 2-3 tháng) thậm chí một vài năm. Trong khi nhiều chủ đầu tư chưa hoàn thiện đủ các thủ tục pháp lý, giải ngân chậm trễ, ảnh hưởng không ít đến tiến độ thanh quyết toán, dẫn tới không phản ánh đúng hiệu quả kinh doanh cũng như kết quả doanh thu. Lợi nhuận của Tổng công ty giữa các quý và các năm tại chính.



RỦI RO MÔI TRƯỜNG

Các hoạt động kinh doanh của Tổng công ty luôn tác động trực tiếp đến môi trường. Các dự án đang xây dựng có thể phát sinh ô nhiễm không khí, nguồn nước, ô nhiễm tiếng ồn cho môi trường xung quanh. Ngoài ra các dự án phức tạp quy mô lớn khi đi vào sử dụng có thể làm thay đổi môi trường sinh thái của các vùng lân cận. Điều này đòi hỏi mỗi một dự án đầu tư của Tổng công ty cần phải phân tích đánh giá kỹ lưỡng các tác động đến môi trường. Áp dụng các tiêu chuẩn tiên tiến, nguyên vật liệu ít gây ô nhiễm trong quá trình xây dựng.



RỦI RO KHÁC

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, ... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Tổng Công ty. Những rủi ro này khó dự báo trước nên Tổng Công ty luôn đảm bảo an toàn tối đa trong hoạt động kinh doanh sản xuất, đề phòng từ trước.



Phần 03

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- /28** Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- /30** Tổ chức và Nhân sự
- /32** Tình hình đầu tư thực hiện dự án
- /34** Tình hình tài chính
- /36** Cổ đông và thay đổi vốn đầu tư sở hữu

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

THÔNG TIN NGÀNH

Tính chung năm 2021, giá trị sản xuất xây dựng theo giá hiện hành ước đạt hơn 1938,9 nghìn tỷ đồng, tăng 5,1% so với năm 2020; trong đó khu vực ngoài nhà nước ước đạt 1255,7 nghìn tỷ đồng, tăng 7,5% so với năm 2020 và đây cũng là khu vực có tốc độ tăng trưởng cao nhất; khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 59,8 nghìn tỷ đồng, giảm 4,2%, khu vực doanh nghiệp nhà nước ước đạt gần 55 nghìn tỷ đồng, tăng 1,7%. Theo loại công trình, giá trị sản xuất công trình nhà các loại ước đạt 1126,5 nghìn tỷ đồng tăng 4,8% so với năm trước, công trình kỹ thuật dân dụng ước đạt gần 571 nghìn tỷ đồng tăng 9,7%, giá trị hoạt động xây dựng chuyên dụng ước đạt 241,5 nghìn tỷ đồng, giảm 3%.

Theo Tổng cục Thống kê, hoạt động của ngành Xây dựng trong năm 2021 có một số thuận lợi, như: Các đơn vị trong ngành Xây dựng có nguồn công việc ổn định do có nhiều công trình chuyển tiếp từ năm 2020 sang có tổng mức đầu tư lớn; Nhu cầu xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình kỹ thuật dân dụng có xu hướng tăng cùng với sự "ấm" lên của thị trường bất động sản tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai các dự án, công trình.

Bên cạnh những khó khăn do dịch Covid-19 trong năm 2021, ngành Xây dựng cũng gặp phải khó khăn như: Nguồn vốn ngân sách nhà nước bố trí phân bổ vốn đầu tư cho các dự án còn ít so với khối lượng đã thi công; Công tác quy hoạch chưa đồng bộ, chất lượng chưa cao; năng lực tài chính của một số chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng còn hạn chế; Một số dự án bất động sản đã ký nhưng không được triển khai hoặc triển khai chậm; Lãi vay ngân hàng và việc chậm giải ngân vốn đầu tư công khiến doanh nghiệp xây dựng gặp khó khăn về vốn.

Theo số liệu được Bộ Xây dựng công bố tại Hội nghị tổng kết năm 2021 thì cả năm giá trị tăng thêm của ngành Xây dựng ước tính tăng 0,2 - 0,6% so với năm 2020; chỉ số giá xây dựng tăng 4,34% so với năm 2020.

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH QUA CÁC NĂM

	2018	2019	2020	2021	CAGR
Doanh thu thuần	2.602.118	2.305.321	2.187.968	1.988.415	-12,58%
Giá vốn	2.321.059	2.093.984	1.921.516	1.763.928	-12,82%
EBIT	176.110	59.397	146.986	273.121	26,75%
EBITDA	242.925	63.341	55.293	53.268	-53,17%
Lợi nhuận trước thuế	66.724	-58.209	34.655	116.816	-
Lợi nhuận sau thuế	51.277	-64.012	23.024	103.487	-

Trong giai đoạn 2018 - 2021, giá vốn hàng bán có tốc độ giảm nhanh hơn tốc độ giảm của doanh thu, CAGR của giá vốn gần 12,82% so với mức tăng 12,58% của doanh thu thuần, vấn đề này khiến cho việc đảm bảo cho chi phí sản xuất của LCOGI có ít nhiều lợi thế. Về các chỉ tiêu lợi nhuận, tình hình kinh doanh của LCOGI có thể được xem là tốt với cả lợi nhuận trước và sau thuế đều tăng trong năm, LCOGI vẫn đang chứng tỏ khả năng sản xuất kinh doanh và sinh lời, kết thúc năm 2021 với EBIT đạt 273.121 triệu đồng, EBITDA đạt 53.268 triệu đồng.

Nhận thức sâu sắc tình thế hiện tại cùng viễn cảnh tương lai, Ban lãnh đạo Tổng công ty đã có những định hướng chiến lược thực tế, kịp thời và linh hoạt để hình thành hoạt động kinh doanh vẫn phát triển theo kế hoạch dài hạn đã đề ra, tiếp tục thực hiện cơ cấu lại các khoản đầu tư tại một số công ty con, công ty liên kết vào thời điểm thích hợp, LCOGI vẫn sẽ tiếp tục tập trung phát triển 3 lĩnh vực nông cốt và đã tạo thành thương hiệu về chất lượng của Tổng công ty là: Xây lắp, Sản xuất công nghiệp - vật liệu xây dựng và Đầu tư khu đô thị nhà ở.



TỔ CHỨC NHÂN SỰ

Tiêu chí	Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I Theo trình độ lao động								
1 Trình độ Đại học và trên Đại học	150	63%	136	64%	109	58%	116	67%
2 Trình độ Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp	13	5%	9	4%	5	3%	6	4%
3 Sơ cấp và công nhân kỹ thuật	55	23%	48	23%	43	23%	38	22%
4 Lao động phổ thông	20	8%	19	9%	31	16%	12	7%
II Theo đối tượng lao động								
1 Lao động trực tiếp	88	37%	76	36%	74	39%	56	33%
2 Lao động gián tiếp	150	63%	136	64%	114	61%	116	67%
III Theo giới tính								
1 Nam	189	79%	166	78%	147	78%	129	75%
2 Nữ	49	21%	46	22%	41	22%	43	25%
IV Theo thời hạn HĐLĐ								
1 Hợp đồng xác định thời hạn	107	45%	81	38%	82	44%	53	30%
2 Hợp đồng không xác định thời hạn	131	55%	131	62%	105	56%	119	70%
3 Hợp đồng không xác định thời hạn	131	55%	131	62%	106	56%	119	70%
V Theo cấp quản lý								
1 Quản lý	61	26%	58	27%	37	20%	36	21%
2 Chuyên viên, nhân viên	177	74%	154	73%	151	80%	136	79%
VI Theo độ tuổi								
1 Từ 18 đến 25 tuổi	3	1%	5	2%	3	2%	2	1%
2 Từ 26 đến 35 tuổi	68	29%	59	28%	48	25%	35	20%
3 Từ 36 đến 45 tuổi	98	41%	89	42%	88	47%	80	47%
4 Trên 45 tuổi	69	29%	59	28%	49	26%	55	32%
Tổng cộng	238		212		188		172	

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Xác định nguồn nhân lực là chìa khóa cốt lõi trong sự thành công của doanh nghiệp, Ban lãnh đạo luôn dành sự quan tâm thích đáng để duy trì và phát triển năng lực của mỗi cá nhân, từ đó tạo dựng sự vững chắc trong quá trình phát triển Tổng công ty. Bên cạnh việc thu hút nhân tài, Tổng công ty luôn duy trì hướng đến một môi trường lao động tốt, tạo điều kiện tối đa để mỗi cá nhân phát huy kinh nghiệm, năng lực của mình.

Về thời gian làm việc: Tổng công ty tổ chức làm việc 8 tiếng/ngày, 5 ngày/tuần. Người lao động được nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết, ốm đau thai sản theo quy định của Bộ luật Lao động. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Tổng công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

Chính sách Lương, thưởng, phúc lợi: Việc phân phối tiền lương, tiền thưởng được gắn liền với hiệu quả làm việc của người lao động, kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty, đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Nhà nước, Tổng Công ty thực hiện chính sách trả lương theo chức danh công việc cho người lao động. Người lao động làm việc theo chức danh công việc gì thì hưởng lương theo chức danh công việc đó. Khi thay đổi công việc, thay đổi chức vụ thì hưởng lương theo công việc mới, chức vụ mới nhằm đảm bảo công bằng, công khai, khuyến khích người lao động có tinh độ chuyên môn, nghiệp vụ, tay nghề cao.

- Quy định về xét tăng lương hàng năm cho người lao động đảm bảo tính minh bạch công khai.
- Tổng Công ty đã thực hiện khen thưởng cho những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, có sáng kiến cải tiến được áp dụng mang lại hiệu quả cao.
- Thực hiện các chế độ bảo đảm cho người lao động theo quy định của pháp luật.
- Tổng Công ty luôn tuân thủ các quy định của Bộ Luật Lao động, thực hiện nghiêm túc các chế độ về BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động.
- Luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện làm việc của người lao động, có chế độ bồi dưỡng đối với các lao động làm việc trong điều kiện nắng nóng, nặng nhọc, có chế độ tham quan nghỉ mát hàng năm, quan tâm tới người lao động trong các ngày lễ tết.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN NĂM 2021

a. Dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt (Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị LICOGI làm chủ đầu tư)

- Các thủ tục hành chính pháp lý: Năm 2021, Công ty tiếp tục hoàn thiện các thủ tục pháp lý liên quan đến công tác đầu tư để chuẩn bị triển khai dự án như làm việc với cơ quan thẩm quyền để hoàn thiện hồ sơ xin điều chỉnh Quyết định giao đất và nộp tiền sử dụng đất, xin đầu nối cấp điện. Tuy nhiên, do chậm triển khai nên nhiều thủ tục thỏa thuận chuyên ngành đã hết hiệu lực như các thỏa thuận đấu nối cấp điện, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của dự án...

- Công tác giải phóng mặt bằng: Công ty tập trung vào công tác vận động các hộ dân đã có phương án được phê duyệt nhận tiền và bàn giao mặt bằng. Phối hợp với UBND Quận Hoàng Mai, Phường Thịnh Liệt giải quyết đơn khiếu nại, kiến nghị của các hộ dân. Trình phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án đối với các hộ cần điều chỉnh. Tham dự các buổi làm việc, các phiên tòa xét xử vụ kiện hành chính của hộ dân theo giấy triệu tập của Tòa án.

b. Dự án đầu tư xây dựng công trình trụ sở Tổng công ty LICOGI tại ô đất 07-E7 khu đô thị mới Cầu Giấy

- Đã lựa chọn đơn vị tư vấn lập thiết kế tổng mặt bằng và phương án kiến trúc công trình và đã được Sở Quy hoạch Kiến trúc cho ý kiến để hoàn chỉnh phương án quy hoạch tổng mặt bằng và phương án kiến trúc sơ bộ; Đã lập hồ sơ để xuất dự án trình Sở Kế hoạch Đầu tư xin chấp thuận chủ trương đầu tư trình UBND thành phố phê duyệt theo đúng các quy định của pháp luật của nhà nước về đầu tư, đất đai, kinh doanh bất động sản;

- Tổng công ty đã hoàn thiện hồ sơ để xuất theo ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư và được các sở ngành chức năng thông qua. Hiện nay đang chờ UBND Thành phố xem xét lại các vấn đề có liên quan trước khi quyết định.

c. Dự án đầu tư xây dựng Tòa nhà LICOGI - Nhà G1 - Thanh Xuân - Hà Nội

Tại thời điểm các năm 2014-2016, Tổng công ty đã được Bộ Xây dựng đồng ý chủ trương đầu tư dự án; Tổng công ty cũng đã lập hồ sơ trình UBND TP Hà Nội xin chủ trương được chuyển đổi mục đích sử dụng đất; Tổng công ty đã nghiên cứu phương án đầu tư làm cơ sở lập hồ sơ quy hoạch tổng mặt bằng và phương án kiến trúc trình Sở Quy hoạch Kiến trúc chấp thuận và tiến tới lập hồ sơ để xuất dự án trình cấp có thẩm quyền phê duyệt chấp thuận chủ trương đầu tư. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện UBND TP Hà Nội đã phê duyệt quy hoạch phân khu H2-3 không có chức năng nhà ở nên việc nghiên cứu phương án cuối cùng vẫn chưa thực hiện được mặc dù vẫn đưa vào kế hoạch nghiên cứu đầu tư hàng năm.

d. Các dự án của Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng LICOGI 2

- Đối với công tác phát triển các dự án mới:

Trong thời gian vừa qua, Công ty đã tích cực tìm kiếm, tiếp cận một số dự án khu vực Thành phố Hà Long và các tỉnh lân cận như Yên Bái, Thanh Hóa để đầu tư các khu dân cư đô thị mới. Tuy nhiên, trong năm 2021 vẫn chưa có dự án nào triển khai, các địa phương đang chuẩn bị công tác đầu tư để đầu thầu năm 2022. Công ty đang cố gắng xúc tiến để có thể đưa các dự án đang tiếp cận sẽ được triển khai thực hiện trong thời gian sớm nhất.

- Đối với các dự án đang triển khai dở dang:

Dự án Khu đô thị mới Nam Ga Hạ Long đã thi công xong toàn bộ hạ tầng kỹ thuật, công tác bàn giao các hạng mục kỹ thuật cho địa phương quản lý đến nay còn Trám xử lý nước thải và hạng mục Cấp điện khu phía Nam đang làm thủ tục bàn giao.

Dự án xây thô các căn hộ bám đường 18A đã tiến hành thi công hoàn thiện 62/84 căn hộ và đang làm các thủ tục bàn giao cho hộ dân. Những căn hộ còn lại Công ty đang tích cực giải phóng mặt bằng để tiếp tục triển khai trong thời gian tới.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị: Lân

Dupont	2019	2020	2021
Gánh nặng thuế	1,11	0,75	0,90
Gánh nặng lãi vay	-0,98	0,24	0,43
Tỷ suất EBIT	0,03	0,07	0,14
Vòng quay tổng tài sản	0,52	0,50	0,44
Chỉ số đòn bẩy	10,09	5,28	5,06
ROE	-0,15	0,06	0,24

Lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) của IFCOGI năm 2021 đã tăng so với 2019 và 2020 chủ yếu do lợi nhuận sau thuế năm 2021 đã tăng cao so với năm 2020 mặc dù khó khăn bởi tình hình dịch bệnh Covid-19. Chỉ số đòn bẩy giảm so với năm 2020 chứng tỏ khả năng tự chủ tài chính của doanh nghiệp. Tổng Công ty cũng đang có chính sách để tận dụng được nhiều lợi thế đòn bẩy tài chính. Vòng quay tổng tài sản không có sự thay đổi nhiều so với các năm trước.



CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Đơn vị: Lân

Chỉ số	2019	2020	2021
Chỉ số về khả năng sinh lời			
Tỷ suất Lợi nhuận gộp	0,09	0,12	0,11
Tỷ suất EBIT	0,03	0,07	0,14
Chỉ số về khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán ngắn hạn	0,60	0,61	0,63
Khả năng thanh toán nhanh	0,40	0,44	0,44
Khả năng thanh toán tức thời	0,06	0,05	0,08
Khả năng chi trả lãi vay	0,51	1,31	1,75
Chỉ số về đòn bẩy			
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,91	0,91	0,90
Nợ phải trả/V.CSH	10,13	10,03	8,55
Nợ dài hạn/V.CSH	1,49	1,19	1,01
Chỉ số đòn bẩy	10,09	5,28	5,06

Trong năm 2021, chỉ số khả năng thanh toán của Tổng công ty không có nhiều thay đổi so với các năm trước.

Xét tổng quan, các chỉ số tài chính cơ bản của IFCOGI không có quá nhiều điểm nổi bật. Tỷ suất lợi nhuận gộp dao động ở mức trung bình ngành từ 0,09 - 0,12 và tỷ lệ khấu hao được duy trì khá đều đặn. Chi phí về bán hàng và quản lý doanh nghiệp duy trì ở mức độ khá cao cùng với tỷ lệ vay nợ lớn vốn theo đặc điểm chung của Ngành không đáng quan ngại.

CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

CỔ PHẦN

Tên cổ phiếu	Cổ phiếu Tổng Công ty Licoogi - CTCP
Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
Mã chứng khoán	LIC
Mệnh giá cổ phiếu	10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số cổ phiếu đã phát hành	90.000.000 cổ phiếu
Tổng số cổ phiếu quỹ	0 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu ưu đãi cho người lao động khi CPH DNNN	171.000 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng	38.400 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	90.000.000 cổ phiếu

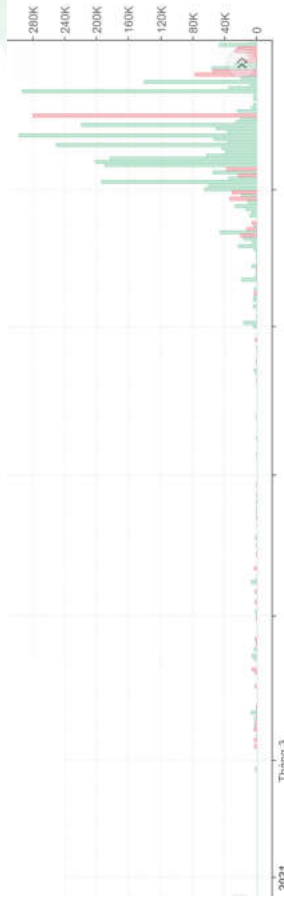
CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

STT	Tên	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Cổ đông
1	Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước - Công ty TNHH	36.640.691	40,71%	Cổ đông Nhà nước
2	Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh bất động sản Khu Đông	31.500.000	35%	
3	Công ty TNHH Đầu tư Gia Cường	17.312.888	19,24%	

LỊCH SỬ TĂNG VỐN

Tổng Công ty chưa thực hiện tăng vốn điều lệ kể từ khi trở thành Công ty Cổ phần.

TÌNH HÌNH CỔ PHIẾU TRONG NĂM 2021



Biểu đồ khối lượng và giá giao dịch cổ phiếu LIC năm 2021

Phần 04

BÁO CÁO CỦA

BAN TỔNG GIÁM

ĐỐC

- /40 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- /42 Tình hình tài chính
- /44 Cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- /45 Giải trình của Ban Tổng Giám đốc về ý kiến kiểm toán ngoại trừ

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

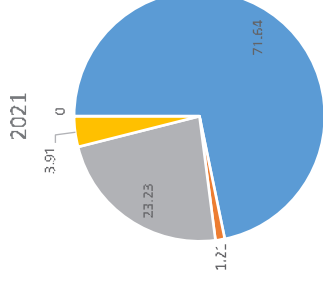
ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Chỉ tiêu	2018	2019	2020	2021	Tăng trưởng 2021/2020
Tổng tài sản	4.427.761	4.368.392	4.461.994	4.542.159	1,80%
Doanh thu thuần	2.602.118	2.305.321	2.187.968	1.988.415	-9,12%
Giá vốn	2.321.059	2.093.984	1.921.516	1.763.928	-8,20%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	89.885	-38.683	48.249	145.959	202,51%
EBIT	176.110	59.397	146.986	273.121	85,81%
Lợi nhuận trước thuế	66.724	-58.209	34.655	116.816	237,09%

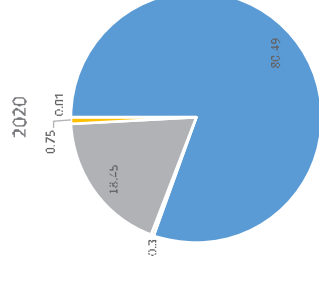
Tổng Công ty là đơn vị có truyền thống trong lĩnh vực thi công xây lắp công nghiệp, dân dụng và đặc biệt là các công trình xử lý nền móng và hạ tầng kỹ thuật. Có đội ngũ cán bộ kỹ thuật dày kinh nghiệm và công nhân lành nghề, công nghệ thi công hiện đại, tiên tiến đảm bảo thi công được các dự án lớn, có yêu cầu kỹ thuật phức tạp. Tuy nhiên, công việc còn ít do các công trình thủy điện, nhiệt điện lớn mà Tổng Công ty giữ vai trò tổng thầu và tham gia trong tổ hợp nhà thầu đã hoàn thành, các dự án đầu tư của Tổng Công ty tiến khai còn chậm.

Hơn nữa, tình hình cạnh tranh ngày càng gay gắt ở hầu hết các lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Sự biến động của giá cả thị trường gây ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình sản xuất chung.

Cơ cấu doanh thu của Tổng công ty không biến đổi quá nhiều, doanh thu về bán hàng hóa, kinh doanh vật liệu xây dựng vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu doanh thu (năm 2021 chiếm 71%, năm 2020 chiếm 80%).



■ Doanh thu bán hàng - xây dựng ■ Doanh thu hợp đồng xây dựng ■ Doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản
■ Doanh thu hoạt động khác ■ Doanh thu cung cấp dịch vụ



■ Doanh thu bán hàng - xây dựng ■ Doanh thu hợp đồng xây dựng ■ Doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản
■ Doanh thu hoạt động khác ■ Doanh thu cung cấp dịch vụ

Tỷ trọng Doanh thu từ hợp đồng xây dựng có dấu hiệu tăng nhẹ so với năm 2020, một phần nguyên nhân là do hoạt động kinh doanh được cải thiện hơn từ các công ty con, công ty liên kết. Doanh thu từ cung cấp dịch vụ đã tăng so với năm 2020 xấp xỉ 1,21% trên tổng doanh thu. Doanh thu từ kinh doanh BĐS tăng so năm 2020 khi năm 2021 chỉ chiếm 3,91% trên tổng doanh thu.

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

	TH 2021	KH 2021	TH/KH 2021
Doanh thu thuần	1.988.415	2.332.414	85,25%
Lợi nhuận trước thuế	116.816	42.636	174%

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

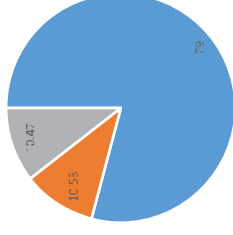
Chỉ tiêu	2018	2019	2020	2021	Tăng trưởng 2021/2020
Tài sản ngắn hạn	2.043.770	2.021.795	2.183.564	2.269.676	3,94%
Tiền và các khoản tương đương tiền	108.778	210.867	187.909	296.587	57,84%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	20.818	52.328	86.455	13.983	-83,83%
Phải thu ngắn hạn	1.168.559	1.082.146	1.282.752	1.219.513	-4,93%
Hàng tồn kho	716.782	651.788	602.693	707.457	17,38%
Tài sản ngắn hạn khác	28.833	24.667	23.756	32.136	35,28%
Tài sản dài hạn	2.383.992	2.346.597	2.278.430	2.272.483	-0,26%
Các khoản phải thu dài hạn	166.109	166.126	1.111	518	-53,36%
Tài sản cố định	461.661	443.908	394.458	333.237	-15,52%
Bất động sản đầu tư	2.663	2.663	2.663	4.020	-84,91%
Tài sản dở dang dài hạn	1.036.176	1.002.346	1.106.383	1.127.123	1,87%
Đầu tư tài chính dài hạn	675.729	691.005	735.308	771.921	4,98%
Tài sản dài hạn khác	41.654	40.550	38.508	35.663	-7,39%
Tổng tài sản	4.427.761	4.368.392	4.461.994	4.542.159	1,80%

Tổng tài sản năm 2021 đạt 4.542.159 triệu đồng, tăng 1,80% so với cuối năm 2020. Cũng chiều với xu hướng tăng của tổng tài sản, tài sản ngắn hạn của Tổng công ty cũng tăng 3,94% trong tình hình kinh tế biến động bất lợi cho toàn Ngành, tài sản dài hạn của Tổng Công ty giảm nhẹ 0,26% không có nhiều biến động so với năm 2020.

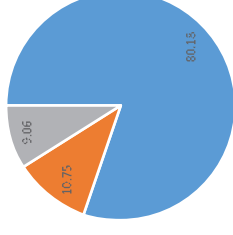
Đối với tài sản ngắn hạn có sự thay đổi về cơ cấu cụ thể: Đầu tư tài chính ngắn hạn giảm 93,83% so với năm 2020 (năm 2020 đạt 86.455 triệu đồng, năm 2021 đạt 13.983 triệu đồng). Tiền và các khoản tương đương tiền tăng 57,84% so năm 2020 (năm 2020 đạt 187.909 triệu đồng, năm 2021 đạt 296.587 triệu đồng).

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

2021



2020



■ Nợ ngắn hạn ■ Nợ dài hạn ■ Nợ tài trợ

■ Nợ ngắn hạn ■ Nợ dài hạn ■ Nợ tài trợ

Cơ cấu nguồn vốn của Tổng Công ty không có sự thay đổi nhiều so năm 2020 vẫn tập trung chủ yếu ở nợ phải trả với tỷ trọng hơn 90% so với tổng nguồn vốn trong đó tỷ trọng nợ ngắn hạn chiếm 79% năm 2021 và 80% năm 2020.

Tỷ lệ đòn bẩy được sử dụng ở mức cao nhưng được bù lại khi LICOGI duy trì tình thận trong cao trong việc gia tăng dự phòng phải trả.

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2018	2019	2020	2021	Tăng trưởng 2021/2020
Nợ ngắn hạn	3.509.548	3.392.892	3.577.842	3.588.310	0,29%
Phải trả người bán ngắn hạn	832.623	767.562	744.650	723.670	-2,82%
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	291.210	314.755	336.038	345.545	2,83%
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	167.456	174.993	185.206	179.567	-3,04%
Phải trả người lao động	75.672	82.356	81.583	65.252	-20,02%
Chi phí phải trả ngắn hạn	150.007	187.786	264.708	330.533	24,87%
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	0	875	2.213	932	-57,89%
Phải trả ngắn hạn khác	170.942	219.615	235.822	238.028	0,94%
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.813.117	1.650.291	1.715.839	1.682.316	-1,95%
Dự phòng phải trả ngắn hạn	1.398	3.212	3.072	2.854	-7,09%
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	7.122	11.449	8.634	19.613	127,16%
Nợ dài hạn	433.708	583.065	479.719	478.446	-0,27%

Kết thúc năm 2021, cũng với biến động của tài sản, chi phí phải trả ngắn hạn tăng 24,87% từ 264.708 triệu đồng năm 2020 lên 330.533 triệu đồng vào năm 2021.

Ngược lại, Nợ dài hạn lại có xu hướng giảm, với mức giảm 0,27%, kết thúc năm tài chính 2021 đạt 478.446 triệu đồng, chủ yếu do trong năm LICOGI tăng các khoản phải trả dài hạn khác.

CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

- Tổ chức đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chuyên nghiệp có chất lượng cao về chuyên môn nghiệp vụ, kỹ thuật, ngoại ngữ và kiến thức ở các lĩnh vực liên quan khác đáp ứng yêu cầu và mục tiêu phát triển của Tổng công ty.
- Tiếp tục cải tiến chế độ tiền lương, thu nhập của người lao động theo hướng phát huy năng lực, trí tuệ, kinh nghiệm và hiệu quả công tác. Động viên, khuyến khích người lao động nỗ lực học tập nâng cao trình độ chuyên môn. Phối hợp với tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người lao động.

PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN

- Tập trung nguồn lực hiện có, phát huy lợi thế, phát triển các ngành nghề: Thị công xây lắp, xử lý nền móng, hạ tầng, công trình ngầm.
- Phát triển và phát huy thế mạnh về thi công hạ tầng. Đặc biệt là các công trình hạ tầng về giao thông, hạ tầng đô thị.
- Tập trung nguồn lực để làm tổng thầu các công trình xây dựng đô thị lớn mà Chủ đầu tư là đối tác chiến lược của Tổng công ty LICOGI.
- Xây dựng lực lượng CBCNV ổn định tư tưởng, hoàn thiện tổ chức, hoạt động một cách hiệu quả, đổi mới quản trị theo chuẩn mực và thông lệ tiến tiến, phù hợp với đặc thù hoạt động thi công xây lắp.
- Củng cố và phát triển thương hiệu, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường về các lĩnh vực: Thi công xây lắp, xử lý nền móng, hạ tầng, công trình ngầm. Phấn đấu đạt và vượt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận, hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước được ĐHCĐ thường niên 2022 thông qua.

GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VỀ Ý KIẾN KIỂM TOÁN NGOẠI TRƯ

Trên báo cáo tài chính năm 2021, kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến ngoại trừ trên các cơ sở sau:

Dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt:

Trong năm 2021, Tổng Công ty vốn hóa lại vay vào khoản mục "Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn" của dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt với giá trị vốn hóa là 10,65 tỷ đồng (tổng giá trị vốn hóa lũy kế đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2021 là 393,1 tỷ đồng). Vì dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt kéo dài nên chúng tôi không thể thu thập được các thông tin cần thiết để xác định chi phí lại vay vốn hóa vào dự án này theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay (CMKTVN số 16).

Giải trình ý kiến kiểm toán ngoại trừ của Công ty kiểm toán liên quan đến dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt:

Dự án khu đô thị Thịnh Liệt được Ủy Ban nhân dân Thành phố Hà Nội ra quyết định cấp phép đầu tư xây dựng vào ngày 17/09/2007 cho Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng sau đó chuyển giao lần lượt cho Tổng Công ty LicoGI - CTCP và Công ty TNHH MTV Nhà và đồ nội thất LicoGI. Các chi phí lại vay vốn hóa liên quan trực tiếp đến dự án này tuy nhiên dự án kéo dài vì các yếu tố khách quan, đến thời điểm hiện tại dự án vẫn trong quá trình đền bù giải phóng mặt bằng và tiếp tục thực hiện trong thời gian tới nên Tổng Công ty vẫn tiếp tục vốn hóa chi phí lại vay liên quan đến dự án này mà không tạm dừng vốn hóa chi phí lại vay. Đồng thời khi thành lập các Công ty con là Công ty TNHH MTV Nhà và đồ nội thất LicoGI và Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng LicoGI 2, Tổng Công ty xác định các chi phí lại vay vốn hóa này là một phần tài sản góp vốn khi thành lập doanh nghiệp.

Vấn đề này được khắc phục khi Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đồ nội thất LICOGI thực hiện kinh doanh dự án, có lợi nhuận, Tổng Công ty thu hồi được vốn đã đầu tư.

Các khoản công nợ phải thu và dự phòng phải thu khó đòi, công nợ phải trả :

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 và 31 tháng 12 năm 2021, các công ty con của Tổng công ty đang ghi nhận một số khoản phải thu mà kiểm toán viên không đánh giá được quyền và nghĩa vụ, tính hiện hữu, chính xác và đầy đủ cũng như đánh giá tổn thất của các khoản nợ phải thu này. Cụ thể:

- Công ty Cổ phần LicoGI: 15: 86,35 tỷ đồng và 89,2 tỷ đồng;
- Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước - LicoGI: 10,2 tỷ đồng và 10,5 tỷ đồng;
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Xây dựng 20: 118,75 tỷ đồng và 81,3 tỷ đồng;
- Công ty Cổ phần LicoGI 10: 26,68 tỷ đồng và 23,2 tỷ đồng.

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 và 31 tháng 12 năm 2021, tại các công ty con của Tổng công ty đang ghi nhận một số khoản nợ phải trả, nhưng kiểm toán viên không thể thu thập được các tài liệu cần thiết để xác định được quyền và nghĩa vụ, tính hiện hữu, chính xác và đầy đủ của các khoản nợ phải trả này, cụ thể như sau :

- Công ty Cổ phần LicoGI: 15: 129,76 tỷ đồng và 109,56 tỷ đồng;
- Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước - LicoGI: 21 tỷ đồng và 9,8 tỷ đồng;
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Xây dựng 20: 267,07 tỷ đồng và 182,4 tỷ đồng;
- Công ty Cổ phần LicoGI 10: 43,8 tỷ đồng và 42,8 tỷ đồng;

GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VỀ Ý KIẾN KIỂM TOÁN NGOẠI TRƯ (tiếp theo)

Giải trình ý kiến kiểm toán ngoại trừ của Công ty kiểm toán liên quan khoản nợ phải thu, nợ phải trả:

Các nội dung trên là những tồn tại của các công ty con đã phát sinh từ lâu, chưa có khả năng khắc phục do nhiều nguyên nhân như quá trình quyết toán công trình, dự án chưa hoàn thành, phát sinh kiện tụng, khó khăn về tài chính nên việc đối chiếu công nợ với khách hàng gặp khó khăn hoặc do các chủ đầu tư, nhà thầu chính chây ỳ, né tránh việc thực hiện đối chiếu công nợ vì sợ bị đòi nợ.... Các nội dung này cũng đã được ghi nhận trong ý kiến ngoại trừ của Kiểm toán viên tại các BCTC kiểm toán từ năm 2016 đến nay.

Hàng tồn kho:

Kiểm toán viên không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán cần thiết để xác định tình hình hữu của hàng tồn kho tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2021 của các Công ty con của Tổng công ty lần lượt là 107,43 tỷ đồng và 127,26 tỷ đồng, cụ thể như sau:

- Công ty Cổ phần Licoogi 15: 11,93 tỷ đồng và 12,06 tỷ đồng;
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Xây dựng 20: 48,3 tỷ đồng và 48,3 tỷ đồng;
- Công ty Cổ phần Licoogi 10: 47,2 tỷ đồng và 66,9 tỷ đồng.

Giải trình ý kiến kiểm toán ngoại trừ của Công ty kiểm toán liên quan đến hàng tồn kho

Do đặc thù là đơn vị xây lắp, các công trình thi công tại nhiều nơi, đặc biệt Công ty Cổ phần Licoogi 10 và Công ty Cổ phần Licoogi 15 là những đơn vị có các công trình đang thi công ở Lào và các tỉnh miền Trung. Trong năm 2021 do dịch bệnh nên Đơn vị kiểm toán không thể chứng kiến kiểm kê tại các công trình trên. Vấn đề này sẽ khắc phục trong năm 2022.

Một số vấn đề khác:

Công ty Cổ phần Licoogi 15 chưa ghi nhận đầy đủ các khoản phạt vi phạm, phạt chậm nộp các loại thuế và chi phí lãi vay phải trả ngân hàng và các đối tượng khác tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2021. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp để xác định chi phí lãi vay và các khoản phải trả nêu trên nên chúng tôi không thể xác định được các định chính cần thiết liên quan đến lãi/lỗ) trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Giải trình ý kiến kiểm toán ngoại trừ của Công ty kiểm toán liên quan đến các vấn đề trên

Đây là Công ty có tình hình sản xuất kinh doanh đặc biệt khó khăn, thua lỗ kéo dài, hóa đơn bị cưỡng chế, phong tỏa tài khoản để nộp thuế nên phải xin xuất hóa đơn lẻ từng lần, gây khó khăn cho doanh nghiệp vì không có vốn để hoạt động. Vấn đề này đã được kiểm toán nêu ra từ các báo cáo tài chính các năm trước và đến nay vẫn chưa khắc phục được. Ý kiến kiểm toán này có thể xóa bỏ khi Công ty con khác phục được những vấn đề trên.



Phần 05

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- /50** Định giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Tổng công ty
- /54** Kế hoạch, định hướng của HĐQT
- /55** Phương hướng thực hiện

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Hội đồng quản trị công ty trong năm 2021 đã tích cực, chủ động đưa nhiều giải pháp hữu hiệu, đồng bộ và tăng cường chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty, nắm bắt cơ hội, vượt qua những khó khăn, thách thức, để hoàn thành toàn diện các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao.

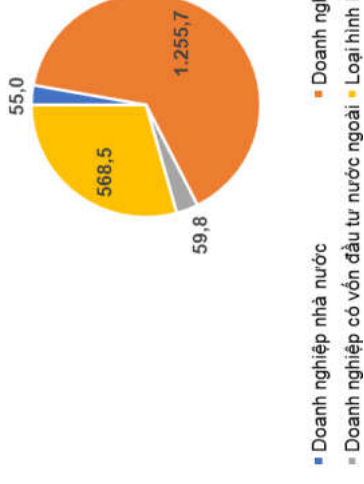
ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ, NGÀNH

Theo Tổng cục Thống kê, mặc dù ảnh hưởng lớn từ đại dịch Covid-19, song năm 2021, giá trị sản xuất xây dựng theo giá hiện hành ước đạt hơn 1938,9 nghìn tỷ đồng tăng 5,1% so với năm 2020.

Cụ thể, Tổng cục Thống kê cho biết, đại dịch Covid-19 bùng phát mạnh và diễn biến phức tạp trong năm 2021 đã ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh tế nói chung và hoạt động xây dựng nói riêng. Việc giãn cách xã hội theo chỉ thị số 16/CT-TTg, ngày 31/3/2020 kéo dài đã gây khó khăn cho các doanh nghiệp trong tìm kiếm hợp đồng xây dựng mới. Bên cạnh đó, giá một số loại vật tư, vật liệu xây dựng, nhiên liệu trong năm 2021 tăng mạnh làm chậm tiến độ các dự án đang và sắp khởi công. Tuy nhiên, đến đầu quý IV/2021, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 128/NQ-CP, ngày 11/10/2021 về ban hành quy định tạm thời "thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19", áp dụng trên toàn quốc đã tạo động lực tăng trưởng kinh tế, thúc đẩy cơ chế cho phép các công trình xây dựng thực hiện trở lại.

Giá trị sản xuất xây dựng theo giá hiện hành quý IV-2021 ước đạt hơn 636,1 nghìn tỷ đồng, tăng 8,4% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó: Khu vực ngoài nhà nước ước đạt tăng 11,4% so với cùng kỳ và là khu vực có tốc độ tăng trưởng cao nhất; khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng

Giá trị sản xuất ngành xây dựng năm 2021 theo giờ hiện hành phân theo loại hình sở hữu (nghìn tỷ đồng)



Nhận thức sâu sắc tình thế hiện tại cũng viên cánh tương lai, Ban lãnh đạo Tổng công ty LICOGI đã có những định hướng chiến lược thực tế, kịp thời và linh hoạt để hình thành hoạt động kinh doanh vẫn phát triển theo kế hoạch dài hạn đã đề ra. LICOGI vẫn tiếp tục tập trung phát triển 3 lĩnh vực nòng cốt là: Xây lắp, Sản xuất công nghiệp - vật liệu xây dựng và Đầu tư khu đô thị nhà ở. Căn cứ vào tình hình thị trường xây dựng những năm gần đây và nhận định thị trường trong những năm tới, Tổng công ty tiếp tục xác định chiến lược phát triển tập trung vào các lĩnh vực chủ yếu là thi công xây lắp; xử lý nền móng, hạ tầng, công trình ngầm và phát triển thi công các công trình thi công.



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2018	2019	2020	2021	Tăng trưởng 2021/2020
Tổng tài sản	4.427.761	4.368.392	4.461.994	4.542.159	1,80%
Doanh thu thuần	2.602.118	2.305.321	2.187.968	1.988.415	-9,12%
Giá vốn	2.321.059	2.093.984	1.921.516	1.763.928	-8,20%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	89.885	-38.683	48.249	145.959	202,51%
EBIT	176.110	59.397	146.986	273.121	85,81%
Lợi nhuận trước thuế	66.724	-58.209	34.655	116.816	237,09%

Tổng tài sản ghi nhận cuối năm 2021 đạt 4.542.159 triệu đồng, tăng 1,80% so với cùng kỳ năm ngoái, lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cũng tăng trưởng 237,07% so với 2020. Ngược với xu hướng biến động theo chiều hướng tăng với tổng tài sản là các chỉ tiêu về doanh thu, giá vốn.

Doanh thu thuần và giá vốn giảm: Doanh thu thuần giảm 9,12%, tương ứng giảm từ 2.187.968 triệu đồng xuống còn 1.988.415 triệu đồng. Tương tự, giá vốn rơi xuống còn 1.763.928 triệu đồng, giảm 8,20% so với năm 2020.

EBIT của LICOGI vẫn duy trì được giá trị dương mặc dù vẫn chịu một tác động chung toàn Ngành.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Mối quan hệ quản trị - điều hành doanh nghiệp: Tổng giám đốc phối hợp tốt với HĐQT theo quy chế hoạt động, thực hiện đúng quyền hạn theo điều lệ Tổng công ty. Ban Tổng giám đốc đã thực hiện đầy đủ các Nghị Quyết, Quyết Định của Hội đồng quản trị, chấp hành chế độ báo cáo và thông tin kết quả sản xuất kinh doanh theo yêu cầu của HĐQT.

Công tác tổ chức bộ máy quản lý dần được kiện toàn, nhân sự dần được sắp xếp một cách hợp lý, khoa học cho từng vị trí. Công việc được bố trí, phù hợp với trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

Công tác đầu tư xây dựng được thực hiện theo đúng tinh thần chỉ đạo của HĐQT và theo đúng quy định của Điều lệ và Pháp luật: Tình hình tài chính, các khoản chi phí được kiểm soát tốt, không để xảy ra thiệt hại; Thực hiện tốt các chính sách về lương, thưởng, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động.

Trong năm qua, Ban Tổng Giám đốc đã tiếp thu và tuân thủ một cách nghiêm túc những chỉ đạo từ các Nghị quyết và Quyết định của HĐQT để triển khai hoạt động SXKD của Tổng Công ty.

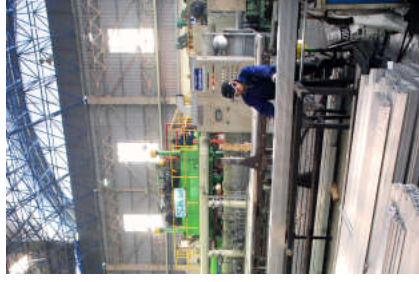


KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

ĐÁNH GIÁ THỊ TRƯỜNG NĂM 2022

Năm 2022, sẽ là năm tiếp tục có những khó khăn đối với LICOGI trong hoạt động kinh doanh, việc làm, Dịch bệnh Covid-19 có thể có những diễn biến phức tạp khó lường, LICOGI dự báo sẽ đối mặt với nhiều khó khăn không chỉ với lượng cầu giảm đột ngột mà còn gặp phải vô số bất lợi với việc đầu thầu cũng như tiến hành dự án.

Xác định năm 2022 đặc biệt khó khăn đối với hoạt động SXKD của Tổng Công ty, vì vậy, HĐQT LICOGI với vai trò là cơ quan quản lý Tổng Công ty quyết tâm tập trung mọi nguồn lực để tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo hoạt động, bảo đảm thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty năm 2022. Đặc biệt, Tổng Công ty vẫn sẽ quan tâm đến các chỉ tiêu cơ bản như sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, cổ tức, lương và các chế độ của CBCNV, bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho các cổ đông và người lao động, tạo một thương hiệu tốt trên sàn chứng khoán và các khách hàng.



DOANH THU HỢP NHẤT

2.547.105
triệu đồng

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ HỢP NHẤT

141.600
triệu đồng

tăng **21%** so với
thực hiện năm 2021

LỢI NHUẬN SAU THUẾ HỢP NHẤT

128.570
triệu đồng

tăng **24%** so với
thực hiện năm 2021

CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2022

PHƯƠNG HƯỚNG THỰC HIỆN

Tiếp tục triển khai định hướng và giải pháp thực hiện đã được HĐQT đề ra trong báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên 2022; trong đó bổ sung và tập trung một số định hướng và giải pháp cụ thể về một số lĩnh vực sau:



VỀ CÔNG TÁC TỔ CHỨC

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của từng phòng, ban đơn vị để xác định số lao động thực tế cần sử dụng, vị trí đảm nhiệm công việc làm cơ sở để trả lương cho người lao động gắn với hiệu quả công việc theo hướng "làm công việc gì thì hưởng lương theo công việc ấy", phát huy tinh thần trách nhiệm của người lao động, từng bước tinh giản bộ máy kết hợp đào tạo, tuyển dụng cán bộ có kinh nghiệm để quản lý, điều hành, tuyển dụng công nhân lành nghề văn hành thiết bị để có đủ nguồn nhân lực thi công các công trình khi Tổng công ty tham gia thi công.

Tiếp tục thực hiện tái cấu trúc toàn diện Tổng công ty trong đó tập trung tái cấu trúc về tài chính, tổ chức, ngành nghề kinh doanh. Tiếp tục rà soát, ban hành đồng bộ hệ thống quy trình, quy chế nội của Tổng công ty.

Đánh giá hiệu quả hoạt động của các chi nhánh để có phương án sắp xếp, kể cả biện pháp giải thể, chấm dứt hoạt động, hạch toán báo số tiền tài không còn mô hình đơn vị phụ thuộc nhưng hạch toán độc lập.

Tổ chức Hội nghị, hội thảo, tập huấn về việc thực hiện Quy chế quản lý Người đại diện vốn của LICOGI tại doanh nghiệp khác nhằm giúp cho Người đại diện nắm được được đầy đủ quyền hạn, nghĩa vụ, trách nhiệm, quyền lợi của người đại diện. Xây dựng Quy chế giám sát, đánh giá người đại diện; ký hợp đồng với tất cả người đại diện nhằm đảm bảo hiệu lực, hiệu quả của việc giám sát các khoản đầu tư ra bên ngoài; có chế độ thù lao, phụ cấp đối với Người đại diện không tham gia HĐQT, bộ máy điều hành của doanh nghiệp có vốn góp hoặc tham gia HĐQT; bộ máy điều hành nhưng doanh nghiệp không có thù lao, phụ cấp. Tổ chức hợp với người đại diện của Tổng công ty tài thiếu 6 tháng/1 lần.

Rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động của Người đại diện, cử cán bộ có năng lực làm người đại diện, đặc biệt là đại diện tại các công ty con hoặc công ty liên kết có vốn đầu tư lớn.

PHƯƠNG HƯỚNG THỰC HIỆN (tiếp theo)



VỀ CÔNG TÁC ĐẦU THẦU, TÌM KIẾM VIỆC LÀM

Tăng cường công tác tiếp thị, đầu thầu, tìm kiếm việc làm để khai thác tối đa máy móc, thiết bị, lao động hiện có vẫn là mục tiêu số một của Tổng công ty trong giai đoạn hiện nay; xây dựng, củng cố lực lượng làm hồ sơ đầu thầu và chỉ tham gia đầu thầu các công trình có nguồn vốn rõ ràng; không ký các hợp đồng thi công công trình, dự án có giá thấp, khả năng thanh toán kém; ưu tiên, chú trọng đầu thầu các công trình, dự án về thi công san nền, xử lý nền móng, hạ tầng, giao thông, thủy điện lớn, thế mạnh, lợi thế cạnh tranh cốt lõi của LICOGI so với các doanh nghiệp cùng ngành nghề và các công trình, dự án do nước ngoài làm chủ đầu tư cũng như làm nhà thầu xây lắp.

Hoàn thiện thủ tục pháp lý, tập trung nguồn vốn và chỉ đạo quyết liệt triển khai Dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt tạo việc làm cho Tổng công ty và doanh nghiệp thành viên; sớm đưa Dự án vào khai thác mang lại hiệu quả cao.

Đi sâu nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới về thi công xử lý nền móng (cọc khoan nhồi, tường vây...) nhằm nâng cao năng suất lao động, hạ giá thành và tăng khả năng cạnh tranh.

Khai thác triệt để máy móc, thiết bị hiện có để trích khấu hao tài sản, giải quyết việc làm cho người lao động.

Đẩy mạnh công tác xuất khẩu lao động bằng việc tìm kiếm mở rộng thị trường xuất khẩu lao động, chuyển đổi, nâng cấp Chi nhánh Xuất khẩu lao động thành Công ty TNHH Một thành viên do LICOGI sở hữu 100% vốn Điều lệ vào thời điểm thích hợp.

Đối với các công trình trúng thầu, phải tổ chức thi công thật tốt, quản lý chặt chẽ, đảm bảo tiến độ, chất lượng, an toàn, hiệu quả, có lĩnh chuyên nghiệp, tạo niềm tin đối với khách hàng, từng bước củng cố thương hiệu và uy tín của LICOGI.



CÔNG TÁC TÀI CHÍNH, ĐỔI MỚI PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP

Chỉ đạo quyết liệt phương án tái cấu trúc Tổng công ty trên các lĩnh vực đầu tư tài chính, tổ chức ngành nghề kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.



CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO VÀ KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Thường xuyên rà soát để bổ sung, sửa đổi các quy chế, quy định, quy trình đã ban hành, xây dựng các quy chế mới phù hợp với quy định của pháp luật và hoạt động của LICOGI nhằm đảm bảo đủ công cụ hữu hiệu cho quản lý theo thông lệ và yêu cầu áp dụng với công ty đại chúng.

Nâng cao hiệu quả hoạt động của Bộ phận Kiểm toán nội bộ để tăng cường công tác kiểm tra, kiểm toán, giám sát nhằm phát hiện kịp thời để xử lý, cảnh báo, ngăn ngừa rủi ro. Tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả quá khác phục sau kiểm toán nội bộ.



CÔNG TÁC TÀI CHÍNH

Thực hiện tái cơ cấu các khoản nợ và tái cơ cấu các khoản đầu tư tài chính; có kế hoạch tài chính hàng quý, 6 tháng, năm đảm bảo sử dụng nguồn vốn rõ ràng có hiệu quả phục vụ sản xuất kinh doanh, đầu tư, trả nợ các khoản vay để giảm chi phí lãi vay. Quyết liệt trong công tác nghiệm thu, thanh quyết toán và thu hồi công nợ; đối với những khoản nợ lâu năm, khó đòi cần củng cố hồ sơ pháp lý để nghị các cơ quan pháp luật can thiệp.

Tiếp tục nâng cao chất lượng quản trị tài chính - kế toán, tăng cường tinh minh bạch, phản ánh và cung cấp kịp thời, đúng tiến độ thông tin kế toán, quản trị hàng quý, 6 tháng và 01 năm theo yêu cầu và quy định đối với công ty đại chúng.

Tăng cường công tác quản lý giá thành, định mức kinh tế - kỹ thuật; Nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý ở tất cả các khâu, từ đầu thầu, quản lý hợp đồng, thi công, đến nghiệm thu, thanh - quyết toán, khuyến khích đổi mới, sáng tạo; cải tiến kỹ thuật nhằm kiểm soát tốt và tiết giảm chi phí. Hoàn chỉnh, ban hành quy chế quản lý các khoản đầu tư, góp vốn và giám sát tài chính; Quy định thu - chi nội bộ và quản lý công nợ. Quy trình tổ chức và quản lý mua sắm tập trung.



CÔNG TÁC ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

Tập trung mọi nguồn lực đẩy nhanh tiến độ đầu tư các dự án về đô thị, nhà ở; chỉ đầu tư máy móc, thiết bị trong trường hợp thật sự cần thiết. Có kế hoạch thanh lý những thiết bị cũ nát, lạc hậu, không cần dùng để tái đầu tư cho phù hợp với công nghệ mới



CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU LICOGI VÀ QUAN HỆ VỚI CỔ ĐÔNG

Định kỳ 6 tháng Tổng công ty tổ chức họp với lãnh đạo với các Công ty con, Công ty liên kết và doanh nghiệp mang thương hiệu LICOGI để thống nhất mục tiêu định hướng phát triển thị trường, công nghệ, trao đổi thông tin, hợp tác và những vấn đề quan trọng khác có liên quan đến sự phát triển bền vững của toàn bộ tổ hợp trên nguyên tắc bình đẳng, tự chủ kinh doanh, cùng có lợi của các doanh nghiệp trong hệ thống, đồng thời đề ra mục tiêu, định hướng, giải pháp xây dựng, củng cố thương hiệu LICOGI với hơn 60 năm hình thành và phát triển. Tiếp tục quan tâm, củng cố mối quan hệ với cổ đông và công chúng đầu tư thông qua việc công bố thông tin kịp thời, minh bạch, đúng quy định.

Phần 06

QUẢN TRỊ

CÔNG TY

/60 Hội Đồng Quản Trị

/61 Ban Kiểm soát

/63 Giao dịch và thù lao

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Họ và Tên	Chức vụ
1	Đình Việt Tùng	Chủ tịch HĐQT
2	Phan Thanh Hải	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Ứng Tiến Đỗ	Thành viên HĐQT
4	Nguyễn Danh Quân	Thành viên HĐQT
5	Nguyễn Thanh Hợp	Thành viên HĐQT

Tính đến ngày 31/12/2021, Hội đồng quản trị hiện không thành lập các tiểu ban trực thuộc.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Lý do vắng mặt
1	Đình Việt Tùng	Chủ tịch HĐQT	14/14	-
2	Phan Thanh Hải	Phó Chủ tịch HĐQT	14/14	-
3	Ứng Tiến Đỗ	Thành viên HĐQT	14/14	-
4	Nguyễn Danh Quân	Thành viên HĐQT	14/14	-
5	Nguyễn Thanh Hợp	Thành viên HĐQT	14/14	-

CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2021, HĐQT đã tiến hành 14 cuộc họp, đảm bảo đúng quy định về số lượng cuộc họp theo quy định của luật doanh nghiệp và Điều lệ LICOGI. HĐQT cũng đã ban hành 57 nghị quyết.

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Hội đồng quản trị đã thực hiện giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác của Licogi trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Licogi;
- Giám sát, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và của Đại hội đồng cổ đông;
- Giám sát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư hàng quý, năm;
- Giám sát công tác quyết toán, thu hồi công nợ;
- Giám sát công tác quản lý tài chính.

BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ và Tên	Chức vụ
1	Nguyễn Thị Khánh Phương	Trưởng BKS
2	Kiều Bích Hoa	Thành viên BKS
3	Nguyễn Thu Trang	Thành viên BKS

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Lý do vắng mặt
1	Nguyễn Thị Khánh Phương	Trưởng BKS	05/05	-
2	Kiều Bích Hoa	Thành viên BKS	05/05	-
3	Nguyễn Thu Trang	Thành viên BKS	05/05	-

Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông:

Trong năm 2021, Ban Kiểm soát đã thực hiện kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Tổng công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc, cụ thể như sau:

- Đánh giá hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc, xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, Tổng giám đốc; đảm bảo tuân thủ theo các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy chế nội bộ của Tổng công ty;
- Tham gia lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán BCTC riêng, hợp nhất năm 2021 của Tổng công ty trên cơ sở danh sách công ty kiểm toán đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua. Phối hợp với Phòng Tài chính Kế toán làm việc với đơn vị kiểm toán trong quá trình kiểm toán BCTC của Tổng công ty năm 2021;
- Thẩm định báo cáo tài chính đã kiểm toán của Tổng công ty năm 2021;
- Theo dõi việc công bố thông tin của Tổng công ty theo quy định của Pháp luật về yêu cầu công bố thông tin đối với công ty niêm yết;
- Phối hợp với HĐQT và Ban Tổng giám đốc trong công tác tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2021 của Tổng công ty;

Các công việc khác theo chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.

SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC:

Ban Kiểm soát đã có sự phối hợp tốt với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Tổng công ty, cụ thể:

- Ban Kiểm soát được mời tham dự các cuộc họp của HĐQT, tham gia ý kiến đối với các vấn đề nêu tại cuộc họp, nghiên cứu, tham gia ý kiến (nếu cần) đối với các Tờ trình, Phiếu xin ý kiến Hội đồng Quản trị của Ban Tổng giám đốc Tổng công ty, BKS cũng thường xuyên nhận email, tài liệu được gửi tới HĐQT để nắm bắt công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh nhằm đảm bảo quyền lợi tối ưu cho các cổ đông. Trong năm 2021, BKS không nhận được một khiếu nại nào của cổ đông về hoạt động của Tổng công ty, về điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám Đốc;

- Ban Kiểm soát được cung cấp thông tin, tài liệu theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

Năm 2022, BKS tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Giám sát việc chấp hành các quy định của Pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Tổng công ty;
 - Giám sát tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty; Nắm bắt các cơ chế, chính sách ban hành nhằm kiến nghị sửa đổi bổ sung những vấn đề còn chưa phù hợp, giảm thiểu những rủi ro trong việc điều hành, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty;
 - Tiếp tục phối hợp với HĐQT và Ban Tổng giám đốc xem xét tài cấu trúc về tổ chức của Tổng công ty để xây dựng hoàn thiện cấu trúc tổ chức, chức năng nhiệm vụ và hệ thống quy trình, quy chế quản lý nội bộ theo hướng tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với hoạt động thực tiễn của Tổng công ty;
 - Định kỳ thăm tra tình trung thực của báo cáo tài chính bán niên, năm;
 - Tăng cường giám sát việc quản lý vốn đầu tư của Tổng công ty vào doanh nghiệp khác, cụ thể: tổ chức chương trình kiểm tra, giám sát hoạt động tại một số Công ty con có vốn góp lớn, chịu sự chi phối của Tổng công ty;
 - Tư vấn cho Hội đồng Quản trị các ý kiến chuyên môn nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, sử dụng tài sản, tiết kiệm chi phí của Tổng công ty;
 - Đưa ra chương trình kiểm tra đối với một số lĩnh vực cụ thể và các yêu cầu đột xuất khác của cổ đông;
 - Trình phê duyệt danh sách các công ty kiểm toán độc lập để lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm của Tổng công ty, nhằm đảm bảo việc tổ chức lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập hiệu quả về chất lượng và chi phí;
 - Tổ chức các buổi thảo luận trao đổi kinh nghiệm nghiệp vụ nhằm nâng cao trình độ chuyên môn của các Kiểm soát viên;
 - Duy trì sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và cổ đông trên tinh thần hợp tác để mang lại hiệu quả cao;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chức năng, nhiệm vụ của BKS.

GAO DỊCH VÀ THÙ LAO

GAO DỊCH VÀ THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Họ và tên	Chức danh	Năm 2021 (VND)
Đình Việt Tùng	Chủ tịch HĐQT	129.000.000
Phan Thanh Hải	Phó Chủ tịch HĐQT	369.000.000
Ứng Tiên Đồ	Thành viên HĐQT	350.000.000
Nguyễn Danh Quân	Thành viên HĐQT	350.000.000
Nguyễn Thanh Hợp	Thành viên HĐQT	98.000.000
Tổng		1.296.000.000
Phan Thanh Hải	Tổng giám đốc	365.000.000
Phan Đức Hùng	Phó Tổng giám đốc	314.000.000
Phan Lan Anh	Phó Tổng giám đốc	314.000.000
Tổng		993.000.000
Tổng cộng		2.289.000.000

GAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI NỘI BỘ

Tên người nội bộ và người liên quan người nội bộ	Số lượng CP trước giao dịch	Số lượng CP đã giao dịch	Số lượng năm giữ sau giao dịch	Thời gian thực hiện giao dịch
Người nội bộ				
Ông Nguyễn Danh Quân - IV HĐQT	469.664	469.600	64	19/10/2021-15/11/2021
Ông Ứng Liên Đồ - IV HĐQT	68.279	68.279	0	03/11/2021-23/11/2021
Ông Phan Đức Hùng - Phó TGĐ	16.796	16.796	0	03/11/2021-03/12/2021
Bà Phan Lan Anh - Phó TGĐ	19.594	19.594	0	15/11/2021-15/12/2021
Ông Nguyễn Anh Dũng - Kế toán trưởng	5.400	5.400	0	08/11/2021-19/11/2021
Người liên quan của người nội bộ				
Ông Ứng Sỹ Giang	3.500	3.500	0	03/11/2021-20/11/2021
Ông Nguyễn Danh Quốc	6.700	6.700	0	15/10/2021-15/11/2021

ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Năm 2021 do đại dịch Covid 19 nên các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty không tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty.

Phần **07** **PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

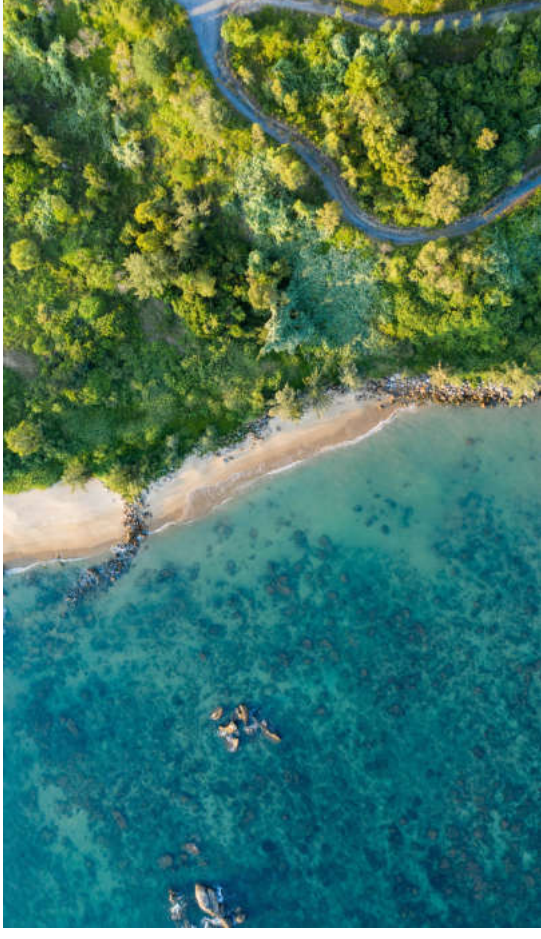
Ngoài các chỉ tiêu, định hướng phát triển 5 năm 2020-2025, hàng năm Tổng công ty luôn đề ra các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể, tiết kiệm chi phí, áp dụng tiến bộ khoa học, công nghệ mới vào công tác quản lý, sản xuất kinh doanh nhằm tiết giảm chi phí, nâng cao hoạt động SXKD và tăng khả năng cạnh tranh. Trong năm Tổng công ty tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- Số lần bị xử phạt do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0
- Tổng số tiền phạt do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Xác định nguồn nhân lực là chìa khóa cốt lõi trong sự thành công của doanh nghiệp, Ban lãnh đạo luôn dành sự quan tâm thích đáng để duy trì và phát triển năng lực của mỗi cá nhân, từ đó tạo dựng sự vững chắc trong quá trình phát triển Tổng Công ty. Nhân sự Tổng Công ty chiếm đa số là công nhân lao động có kỹ thuật, đòi hỏi sức khỏe và làm việc trong môi trường nguy hiểm và độc hại, chính vì vậy số lượng lao động được đào tạo buộc phải chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu trình độ lao động của Tổng Công ty. Có chính sách nhằm đảm bảo sức khỏe an toàn và phúc lợi của người lao động:

Tổng công ty đảm bảo cho người lao động công việc thu nhập ổn định, tạo điều kiện để người lao động yên tâm công tác gắn bó lâu dài. Xây dựng và thực hiện văn hóa doanh nghiệp, vì vậy người lao động luôn tự hào khi được làm việc ở Tổng công ty, xây dựng tập thể đoàn kết thống nhất cao.



CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG

Trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương là một trong những sứ mệnh của Tổng Công ty, Tổng Công ty tích cực tham gia các phong trào quyên góp ủng hộ do Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam cũng như địa phương nơi Tổng công ty và các doanh nghiệp đóng tại trụ sở chính. . Triển khai, áp dụng công nghệ tiên tiến trong việc thi công và khai thác, thực hiện công tác tuyên truyền công nhân công trường sử dụng vật tư, nhiên liệu, điện, nước một cách hiệu quả, tránh lãng phí, áp dụng nghiêm ngặt các quy trình bảo hộ lao động, quy trình bảo vệ môi trường.

Phần 08

BÁO CÁO

TÀI CHÍNH

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Licogi - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty") để trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

- Ông Đinh Việt Tùng
- Ông Phan Thanh Hải
- Ông Nguyễn Thanh Hợp
- Ông Nguyễn Danh Quân
- Ông Ưng Tiến Đỗ

Chủ tịch

Phó Chủ tịch

Ủy viên

Ủy viên

Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

- Ông Vũ Nguyễn Vũ
- Ông Phan Thanh Hải
- Ông Phan Đức Hùng
- Bà Phan Lan Anh

Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 15 tháng 03 năm 2022)

Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 15 tháng 03 năm 2022)

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

- Bà Nguyễn Thị Khánh Phương
- Bà Nguyễn Thu Trang
- Bà Kiều Bích Hoa

Trưởng ban

Thành viên

Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này như sau:

- Ông Vũ Nguyễn Vũ
- Ông Phan Thanh Hải

Tổng Giám đốc (Từ ngày 15/03/2022)

Tổng Giám đốc (Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 15/03/2022)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

(Chữ ký)

Vũ Nguyễn Vũ
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2022



Số: 0330006/2022/BCKT-ICPA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Licoigi - CTCGP

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Licoigi - CTCGP (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 30 tháng 03 năm 2022, từ trang 7 đến trang 55 bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt

Trong năm 2021, Tổng Công ty vốn hóa lần vay vào khoản mục "Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn" của dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt với giá trị vốn hóa là 10,65 tỷ đồng (tổng giá trị vốn hóa lũy kế đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2021 là 393,1 tỷ đồng). Vì dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt kéo dài nên chúng tôi không thể thu thập được các thông tin cần thiết để xác định chi phí lãi vay vốn hóa vào dự án này theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay (CMKTVN số 16).



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Các khoản công nợ phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 và 31 tháng 12 năm 2021, các công ty con của Tổng công ty đang ghi nhận một số khoản phải thu mà kiểm toán viên không đánh giá được quyền và nghĩa vụ, tính hiện hữu, chính xác và đầy đủ cũng như đánh giá tổn thất của các khoản nợ phải thu này. Cụ thể:

- Công ty Cổ phần Licogi 15: 86,35 tỷ đồng và 89,2 tỷ đồng;
- Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước - Licogi: 10,2 tỷ đồng và 10,5 tỷ đồng;
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Xây dựng 20: 118,75 tỷ đồng và 81,3 tỷ đồng;
- Công ty Cổ phần Licogi 10: 26,68 tỷ đồng và 23,2 tỷ đồng.

Hàng tồn kho

Kiểm toán viên không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán cần thiết để xác định tính hiện hữu của hàng tồn kho tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2021 của các Công ty con của Tổng công ty lần lượt là 107,43 tỷ đồng và 127,26 tỷ đồng, cụ thể như sau:

- Công ty Cổ phần Licogi 15: 11,93 tỷ đồng và 12,06 tỷ đồng;
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Xây dựng 20: 48,3 tỷ đồng và 48,3 tỷ đồng;
- Công ty Cổ phần Licogi 10: 47,2 tỷ đồng và 66,9 tỷ đồng.

Các khoản công nợ phải trả

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 và 31 tháng 12 năm 2021, tại các công ty con của Tổng công ty đang ghi nhận một số khoản nợ phải trả, nhưng kiểm toán viên không thể thu thập được các tài liệu cần thiết để xác định được quyền và nghĩa vụ, tính hiện hữu, chính xác và đầy đủ của các khoản nợ phải trả này, cụ thể như sau:

- Công ty Cổ phần Licogi 15: 129,76 tỷ đồng và 109,56 tỷ đồng;
- Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước - Licogi: 21 tỷ đồng và 9,8 tỷ đồng;
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Xây dựng 20: 267,07 tỷ đồng và 182,4 tỷ đồng;
- Công ty Cổ phần Licogi 10: 43,8 tỷ đồng và 42,8 tỷ đồng;

Một số vấn đề khác

Công ty Cổ phần Licogi 15 chưa ghi nhận đầy đủ các khoản phạt vi phạm, phạt chậm nộp các loại thuế và chi phí lãi vay phải trả ngân hàng và các đối tượng khác tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2021. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp để xác định chi phí lãi vay và các khoản phải trả nêu trên nên chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh cần thiết liên quan đến lãi/(lỗ) trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề được nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh, hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến thuyết minh số 11 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, theo Quyết định số 1456/QĐ-BXD ngày 12 tháng 11 năm 2018 về giá trị thực tế vốn Nhà nước tại thời điểm bán giao Công ty mẹ - Tổng công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng thành Tổng Công ty Licogi- CTCP, do một số vướng mắc liên quan đến quy định pháp lý liên quan đến khoản chi phí cơ hội theo hợp đồng hợp tác kinh doanh dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Thịnh Liệt giữa Tổng Công ty và Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông và tình hình thực tế triển khai dự án nên giá trị quyết toán bán giao không bao gồm chi phí cơ hội. Chi phí cơ hội này sẽ được tính riêng sau khi có chỉ đạo của Thủ tướng Chính Phủ và Tổng Công ty có trách nhiệm nộp trực tiếp về Quỹ hỗ trợ và Phát triển doanh nghiệp sau khi được xác định chính thức.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề nhấn mạnh (Tiếp theo)

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 11 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, lỗ lũy kế của Tổng Công ty là 522,57 tỷ đồng, tổng nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền là 1.318,63 tỷ đồng. Những vấn đề này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty tin tưởng rằng Tổng Công ty sẽ có thể duy động được nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng và từ các nguồn khác để thanh toán các khoản nợ đến hạn (nếu cần) và duy trì nguồn vốn lưu động cần thiết để tiếp tục hoạt động trong tương lai gần. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào phát sinh từ vấn đề không chắc chắn này.

Các vấn đề nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán ngoại trừ nêu trên của chúng tôi.



Khúc Đình Dũng
Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0748-2018-072-01
Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (ICPA)
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2022

Nguyễn Phương Liên
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 4540-2018-072-01

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		4.066.755.233.708	4.057.561.332.701
1. Nợ ngắn hạn	310		3.588.309.661.794	3.577.841.974.298
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.17	723.670.440.578	744.950.046.780
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.18	345.544.955.983	336.037.673.823
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10b	179.566.875.209	185.205.534.375
4. Phải trả người lao động	314		65.252.349.616	81.583.170.557
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	330.532.663.101	264.707.795.738
6. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317	V.4	-	77.235.637
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		932.000.000	2.213.121.565
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20a	238.027.960.407	235.822.122.324
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21a	1.682.315.663.378	1.715.839.184.350
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		2.853.625.073	3.071.921.214
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		19.613.128.449	8.634.167.935
II. Nợ dài hạn	330		478.445.581.914	479.719.358.403
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		1.145.135.202	1.542.009.388
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.20b	68.594.046.075	233.834.046.075
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21b	397.603.675.491	239.428.363.058
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		1.934.567.168	2.071.251.098
5. Dự phòng phải trả dài hạn	342		9.168.157.978	2.843.688.784
D. VON CHỦ SỞ HỮU	400		475.403.301.952	404.432.571.193
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	475.403.301.952	404.432.571.193
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		900.000.000.000	900.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		117.558.651	117.558.651
3. Chính lệch đánh giá lại tài sản	416		(89.169.818.319)	(89.169.818.319)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		96.790.511.958	89.232.634.850
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.083.295.470	2.083.295.470
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(522.576.726.296)	(592.083.951.495)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(615.989.841.579)	(601.765.601.212)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		93.413.115.293	9.681.649.717
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		88.158.480.488	94.252.852.036
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4.542.158.535.660	4.461.993.903.894

(Signature)
Lê Thị Thanh Nội
 Người lập

(Signature)
Nguyễn Anh Dũng
 Kế toán trưởng

(Signature)
Vũ Nguyễn Vũ
 Tổng Giám đốc
 Ngày 30 tháng 03 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.183.563.851.045	2.183.563.851.045
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	296.587.488.617	187.908.875.497
1. Tiền	111		176.635.373.328	176.635.373.328
2. Các khoản tương đương tiền	112		70.117.246.117	11.273.502.169
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2a	13.982.772.510	86.454.643.430
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		13.982.772.510	86.454.643.430
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.219.512.561.512	1.282.751.801.954
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	902.112.016.042	959.120.610.260
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4a	148.656.109.136	253.721.824.240
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	12.203.740.010	112.533.740.010
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.7a	521.082.327.543	313.395.178.019
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.8	(365.048.562.430)	(356.019.550.575)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		506.931.211	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.9	707.456.796.650	602.692.698.932
1. Hàng tồn kho	141		727.613.664.986	624.564.405.594
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(20.156.868.336)	(21.871.706.662)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		32.135.896.056	23.755.831.232
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	4.276.112.467	3.485.878.819
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		26.313.365.601	18.276.310.310
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.10a	1.546.417.988	1.993.642.103
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.272.483.020.315	2.278.430.052.849
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		518.447.000	1.110.699.108
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.7b	518.447.000	1.110.699.108
II. Tài sản cố định	220		333.237.122.654	394.457.568.364
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	305.652.749.415	366.830.554.721
- Nguyên giá	222		1.394.865.956.841	1.473.440.576.920
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.089.213.207.426)	(1.106.610.022.199)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	27.584.373.239	27.627.013.643
- Nguyên giá	228		29.450.669.806	29.450.669.806
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.866.296.567)	(1.823.656.163)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.13	4.020.667.916	2.663.302.754
- Nguyên giá	231		4.102.505.616	2.745.140.454
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(81.837.700)	(81.837.700)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.14	1.127.122.533.047	1.106.382.632.223
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		1.108.465.803.442	1.086.394.229.823
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		18.656.729.605	19.988.402.300
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		771.921.004.156	735.307.824.752
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.15	711.503.500.036	663.964.379.032
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.16	59.260.545.400	59.260.545.400
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.16	(343.041.280)	(2.517.099.680)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2b	1.500.000.000	14.600.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		35.663.245.542	38.508.025.648
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	34.439.802.785	37.429.033.627
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.223.442.757	1.078.992.021
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4.542.158.535.660	4.461.993.903.894

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.991.489.294.685	2.189.821.922.798
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	3.074.488.076	1.854.356.891
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.988.414.806.609	2.187.967.565.907
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.763.928.313.108	1.921.515.929.394
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	VI.2	224.486.493.501	266.451.636.513
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	216.236.555.649	85.981.734.365
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	155.351.326.110	110.679.046.578
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	VI.4	156.305.403.894	112.331.341.154
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	VI.4	55.483.507.298	40.751.821.736
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	47.313.032.559	64.896.136.979
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	147.582.741.475	169.360.799.922
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	VI.6	145.959.456.304	48.249.209.135
12. Thu nhập khác	31	VI.7	5.242.581.835	18.396.050.094
13. Chi phí khác	32	VI.8	34.386.038.516	31.990.688.984
14. Lợi nhuận khác	40	VI.8	(29.143.456.681)	(13.594.638.890)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	VI.9	116.815.999.623	34.654.570.245
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	13.609.910.698	11.551.519.842
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.9	(281.134.666)	79.089.178
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	VI.10	103.487.223.591	23.023.961.225
- Lợi nhuận sau thuế của Tổng công ty	61	VI.10	93.413.115.283	9.681.649.717
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	VI.10	10.074.108.308	13.342.311.508
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	1.038	108
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	1.038	108

Đơn vị: VND

Nguyễn Anh Dũng
Kế toán trưởng

Lê Thị Thanh Nội
Người lập

Nguyễn Vũ
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	01	116.815.999.623	34.654.570.245
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	116.815.999.623	34.654.570.245
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	53.267.403.752	55.293.193.734
Các khoản dự phòng	03	11.246.288.192	10.174.205.546
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(269.899.442)	19.262.913
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(216.688.657.050)	(93.970.395.402)
Chi phí lãi vay	06	156.305.403.894	112.331.341.154
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	120.676.538.959	118.502.178.190
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(109.286.363.578)	(77.496.603.297)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(103.049.259.392)	49.095.376.912
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(223.157.541.083)	(6.386.147.533)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	2.198.997.194	2.635.353.650
Tiền lãi vay đã trả	14	(99.224.780.687)	(102.626.846.651)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(14.949.281.426)	(7.180.726.163)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(8.185.895.240)	(8.788.227.917)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(434.977.585.253)	(32.245.642.809)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(4.871.376.204)	(37.864.004.530)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	14.455.192.817	15.234.832.578
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	-	(90.800.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	185.901.870.920	48.572.874.370
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	121.990.630.000	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	101.305.362.456	87.386.200.162
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	418.781.679.989	22.529.902.580
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	2.017.689.355.930	1.511.548.385.011
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.893.037.574.469)	(1.524.770.514.130)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	124.651.781.461	(13.222.129.119)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	108.455.876.197	(22.937.869.348)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	187.908.875.497	210.866.723.277
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(107.623.989.923)	(19.978.432)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	396.587.488.671	187.908.875.497

Đơn vị: VND

Nguyễn Anh Dũng
Kế toán trưởng

Lê Thị Thanh Nội
Người lập

Nguyễn Vũ
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 03 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

5. Cấu trúc doanh nghiệp
- Đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:
- | Đơn vị | Địa chỉ | Hoạt động kinh doanh chính |
|------------------------------------|---------|-------------------------------------|
| Văn phòng Tổng Công ty | Hà Nội | Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng |
| Chi nhánh LICOGI số 1 | Hà Nội | Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng |
| Chi nhánh Vật liệu Xây dựng LICOGI | Hà Nội | Sản xuất vật liệu xây dựng |

1. Hình thức sở hữu vốn
- Tổng Công ty LICOGI - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty") tiền thân là Tổng Công ty Xây dựng nền móng và kỹ thuật hạ tầng được thành lập theo Quyết định số 998/BXD-TCLĐ ngày 20 tháng 11 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng. Tổng Công ty chuyển đổi mô hình trở thành công ty có phần theo Quyết định số 2243/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng - Công ty TNHH MTV. Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100106440 thay đổi lần thứ 3 ngày 31 tháng 12 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty có phần đổi tên từ Tổng Công ty xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Công ty TNHH MTV thành Tổng Công ty LICOGI - CTCP với vốn điều lệ là 900 tỷ đồng. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0100106440 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24 tháng 11 năm 2010, thay đổi lần thứ 8 ngày 17 tháng 03 năm 2022.

Thông tin về Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Đông Anh	Hà Nội	51,85%	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng
Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi	Hà Nội	89,06%	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm cơ khí
Công ty CP Tư vấn Licogi	Hà Nội	60,00%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9	Đông Nai	51,00%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Licogi Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	64,77%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 10	Đà Nẵng	57,71%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Licogi 15	Thanh Hóa	64,66%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Licogi 17	Hải Dương	56,33%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	Hà Nội	92,68%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Lắp máy Điện nước	Hà Nội	89,92%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi	Hà Nội	100,00%	Kinh doanh Bất động sản
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	Quảng Ninh	100,00%	Kinh doanh Bất động sản

Trụ sở chính của Tổng Công ty: Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

Tổng Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- Thi công xây lắp: các công trình ngầm, các công trình thủy lợi (đê, đập, kênh mương, hồ chứa nước, hệ thống tưới tiêu, ống dẫn, trạm bơm), thủy điện, nhiệt điện, buồm điện, cấp thoát nước, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, khoan nổ mìn (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Đầu tư kinh doanh phát triển các dự án về nhà ở, khu đô thị, khu công nghiệp, đầu tư và kinh doanh phát triển hạ tầng kỹ thuật, đầu tư xây dựng các công trình điện và kinh doanh điện thương phẩm; đầu tư và kinh doanh dịch vụ vận phòng, khách sạn, nhà nghỉ, du lịch và dịch vụ vui chơi giải trí, quản lý và khai thác dịch vụ tổng hợp tại các khu đô thị mới, khu dân cư tập trung;
- Thi công xây lắp và tổng thầu thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông (đường bộ, cầu đường sắt, cầu đường sắt, sân bay, bến cảng, nhà ga, đường hầm);
- Nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ mới trong lĩnh vực xây dựng, tổ chức đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật chuyên ngành, giáo dục định hướng đưa lao động và chuyển giao Việt Nam đi làm có thời hạn ở nước ngoài;
- Sản xuất kinh doanh và kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm cơ khí, vật tư, máy móc, thiết bị, nguyên nhiên liệu, các chủng loại vật liệu xây dựng, công nghệ xây dựng;
- Tư vấn đầu tư xây dựng bao gồm: quy hoạch, lập và thẩm định, dự án đầu tư xây dựng, khảo sát địa hình, địa chất công trình, địa chất thủy văn, thiết kế, lập tổng dự toán các công trình xây dựng, quản lý dự án, giám sát kỹ thuật thi công, tư vấn đấu thầu và hợp đồng kinh tế về thiết kế, thi công, xây lắp, cung cấp vật tư thiết bị, thi nghiệm, kiểm định chất lượng công trình (không bao gồm tư vấn pháp luật).

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Đối với các hoạt động kinh doanh bất động sản của Tổng Công ty có chu kỳ sản xuất, kinh doanh thường kéo dài trên 12 tháng. Các hoạt động khác có chu kỳ kinh doanh với thời gian không quá 12 tháng.

Công ty con cấp 2

Tổng Công ty có các công ty con cấp 2 được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2021 bao gồm:

Công ty con cấp 2

Tổng Công ty có các công ty con cấp 2 được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2021 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 6 (Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh)	Hòa Bình	28,22%	54,42%	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Vật liệu Xây dựng Đông Anh số 9 (Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh)	Phủ Thọ	26,44%	51,00%	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng
Công ty Cổ phần Licogi 9.2 (Công ty con của Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9)	Đông Nai	40,45%	79,31%	Thi công xây lắp, nền móng hạ tầng

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 6 (Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh)	Hòa Bình	28,22%	54,42%	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Vật liệu Xây dựng Đông Anh số 9 (Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh)	Phủ Thọ	26,44%	51,00%	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng
Công ty Cổ phần Licogi 9.2 (Công ty con của Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9)	Đông Nai	40,45%	79,31%	Thi công xây lắp, nền móng hạ tầng

TỔNG CÔNG TY LICOGI - C.TCP
 Nhà G1, số 491, đường Nguyễn Trãi, phường
 Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội
MẪU SỐ B 09 - DNIHN
 Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TỔNG CÔNG TY LICOGI - C.TCP
 Nhà G1, số 491, đường Nguyễn Trãi, phường
 Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội
MẪU SỐ B 09 - DNIHN
 Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Trong giai đoạn Cổ phần hóa từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2015, Tổng Công ty lập báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và xử lý tài chính theo quy định tại Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn Nhà Nước thành Công ty cổ phần và Thông tư số 127/2014/TT-BCT ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính và việc hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn Nhà Nước thành Công ty Cổ phần. Tuy nhiên, do một số vướng mắc liên quan đến quy định pháp lý liên quan đến khoản chi phí cơ hội theo hợp đồng hợp tác kinh doanh dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Thịnh Liệt giữa Tổng Công ty - Công ty mẹ và Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông và tình hình thực tế triển khai dự án nên giá trị quyết toán bán giao không bao gồm chi phí cơ hội. Chi phí cơ hội này sẽ được tính riêng sau khi có ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính Phủ và Tổng Công ty mẹ có trách nhiệm nộp trực tiếp về Quý hỗ trợ và Phát triển doanh nghiệp sau khi được xác định chính thức.

Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

Tổng Công ty có các công ty liên kết, công ty liên doanh được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2021 bao gồm:

Công ty liên kết

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, số lũy kế của Tổng Công ty là 522,57 tỷ đồng, tổng nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền là 1.318,63 tỷ đồng, khả năng trả nợ của Tổng Công ty phụ thuộc vào nguồn thu và nguồn tài trợ của các đối tác. Những vấn đề này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty tin tưởng rằng Tổng Công ty sẽ có thể duy trì được nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng và từ các nguồn khác để thanh toán các khoản nợ đến hạn (nếu cần) và duy trì nguồn vốn lưu động cần thiết để tiếp tục hoạt động trong tương lai gần. Do đó, Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Tổng Công ty được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	Lào Cai	44,11%	44,11%	Sản xuất, kinh doanh điện
Công ty Cổ phần Licogi 14	Phủ Thọ	24,16%	24,16%	Thị công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Licogi 19	Hà Nội	22,62%	22,62%	Thị công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bình Long	Bình Phước	20,40%	40,00%	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu xây dựng Đông Anh 8				
Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh	Hung Yên	23,63%	45,58%	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập dựa trên tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giá định đặt ra.

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

V. CƠ SỞ HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA TỔNG CÔNG TY VÀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÁC CÔNG TY DO TỔNG CÔNG TY KIỂM SOÁT (CÁC CÔNG TY CON) ĐƯỢC LẬP CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Bất động sản đầu tư (Tiếp theo)

Bất động sản đầu tư tại Tổng Công ty là bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá. Công ty không trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư hoặc từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu hoặc hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng. Bất động sản chủ sở hữu sử dụng chuyển thành bất động sản đầu tư khi chủ sở hữu kết thúc sử dụng tài sản đó và khi bên khác thuê hoạt động. Bất động sản đầu tư chuyển thành bất động sản chủ sở hữu khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này. Bất động sản đầu tư chuyển thành hàng tồn kho khi chủ sở hữu bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Hàng tồn kho chuyển thành bất động sản đầu tư khi chủ sở hữu bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động. Bất động sản xây dựng chuyển thành bất động sản đầu tư khi kết thúc giai đoạn xây dựng, bán giao đưa vào đầu tư.

Việc chuyển đổi mục đích sử dụng giữa bất động sản đầu tư với bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi giá trị gốc của tài sản được chuyển đổi và không làm thay đổi nguyên giá của bất động sản trong việc xác định giá trị hay để lập báo cáo tài chính.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, kinh doanh, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản có định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bán giao đưa vào sử dụng. Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất đất, tiền thuê đất, sửa chữa lớn tài sản cố định và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí sản xuất kinh doanh khác... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Tổng Công ty bao gồm:

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo chế độ quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Số năm
05 - 30
05 - 10
06 - 10
03 - 05

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi có quyết định của Nhà nước hoặc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất: tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Phần mềm máy tính: tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng từ 03 năm đến 05 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn và luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận như sau:

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tổng Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thông nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng.

Các khoản dự phòng phải trả (Tiếp theo)

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành. Mức trích lập dự phòng bảo hành bằng 5% trên giá trị hợp đồng công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành). Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước và tỷ lệ gia quyền của tất cả các hóa đơn đã xây ra với các xác xuất tương ứng. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính và dịch vụ xuất khẩu lao động.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- (d) Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được tính và ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong tương hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Tổng Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Tổng Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ngoại tệ (Tiếp theo)

• Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:

- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được bày báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Nhà G1, số 491, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	4.461.019.373	8.097.546.267
Tiền gửi ngân hàng	200.974.223.127	168.537.827.061
Các khoản tương đương tiền (i)	70.117.246.117	11.273.502.169
Tiền đang chuyển	21.035.000.000	-
Cộng	296.587.488.617	187.908.875.497

(i) Là khoản tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng, lãi suất theo quy định tại từng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.

2. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn	13.982.772.510	86.454.643.430
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (i)	13.982.772.510	86.454.643.430
b) Dài hạn	1.500.000.000	14.600.000.000
Trái phiếu (ii)	1.500.000.000	1.500.000.000
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	-	13.100.000.000
Cộng	15.482.772.510	101.054.643.430

(i) Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng đến 1 năm, lãi suất theo quy định tại từng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.

(ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, khoản đầu tư dài hạn là 1.500 trái phiếu dài hạn của Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn với kì hạn 07 năm, lãi trái phiếu trả định kỳ 01 năm một lần với lãi suất tương đương 8%/năm.

3. PHẢI THU NGÂN HÀNG CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Phải thu ngắn hạn khách hàng	86.278.413.498	88.914.470.120
Công ty CP Thủy điện Đăkđrinh	31.546.762.177	7.075.078.970
Công ty CP LICOIGI 13	25.051.173.842	1.505.524.426
Ban quản lý dự án xây dựng trụ sở Công an TP HCM	21.749.223.282	39.990.788.317
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển đô thị Gia Lâm	21.261.594.839	21.261.594.839
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 8	17.556.357.000	86.465.013.000
BQLDA Đầu tư xây dựng các Công trình dân dụng và Công nghiệp tỉnh Quảng Ninh	-	-
Công ty Cổ phần phát triển Thành Phố Xanh	17.288.679.608	4.420.001.540
Công ty Cổ Phần Thực Phẩm Miền Bắc	15.662.726.396	15.662.726.396
Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng công trình 578	14.803.806.049	12.628.688.828
Công ty Cổ phần Vinhomes	12.604.651.381	10.109.692.387
Phải thu khách hàng khác	638.308.627.970	671.086.031.437
Cộng	902.112.016.042	959.120.610.260
b) Phải thu khách hàng là bên liên quan (Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.1)	4.804.043.818	4.970.245.568

Nhà G1, số 491, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	-	165.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn Hải Dương	13.003.772.727	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và đầu tư VISICONS	6.829.116.000	6.829.116.000
Công ty CP Xây dựng 203	4.551.897.937	-
Công ty Cổ phần Đầu tư HVQ Việt Nam	124.271.322.472	81.892.708.240
Đối tượng khác	-	-
Cộng	148.656.109.136	253.721.824.240
b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan (Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.1)	3.695.789.577	3.695.789.577

5. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Phải thu về cho vay	-	70.000.000.000
Công ty Cổ phần Công nghiệp Khánh An	-	20.000.000.000
Công ty Cổ phần năng lượng Sóc Trăng	10.953.740.010	11.733.740.010
Công ty CP Đầu tư và Vật liệu xây dựng Đông Anh số 8 (i)	1.250.000.000	10.800.000.000
Phải thu về cho vay đối tượng khác	-	-
Cộng	12.203.740.010	112.533.740.010
b) Phải thu về cho vay là các bên liên quan (Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.1)	10.953.740.010	11.733.740.010

(i) Khoản vay ngắn hạn hỗ trợ vay vốn giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh và Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 8 - Công ty liên kết. Khoản vay theo hình thức tín chấp, áp dụng lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Chi phí trả trước ngắn hạn	1.882.931.551	2.475.392.926
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.393.180.916	1.010.485.893
Các khoản khác	4.276.112.467	3.485.878.819
Cộng	8.452.025.934	7.971.657.558
b) Chi phí trả trước dài hạn	14.350.927.344	10.256.522.750
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	4.517.467.145	4.504.296.269
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	4.984.204.561	4.501.015.797
Tiền thuê đất	10.587.203.735	18.167.198.811
Các khoản khác	34.439.802.785	37.429.033.627
Cộng	34.439.802.785	37.429.033.627

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÁN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Phải thu ngắn hạn khác	3.628.215.586	3.628.215.586
Phải thu về cổ phần hóa	-	298.350.000
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	4.767.026.845	3.755.972.897
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.941.972.372	2.969.238.604
Phải thu người lao động	121.434.710.101	118.395.802.934
Tạm ứng	2.699.855.588	4.108.118.187
Ký quỹ kỳ cược	55.899.448.572	55.945.748.572
Phải thu Ban QLDA KĐT Thịnh Liệt (i)	165.000.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn Hải Dương (ii)	25.496.220.371	25.496.220.371
Phải thu khác của COMETCO khi sáp nhập vào Licogi 2	25.493.403.949	25.493.403.949
Phải thu BDH Nhà máy Công nghiệp tàu thủy Dung Quất	17.241.013.260	17.241.013.260
Phải thu Công ty CP Đầu tư - Xây dựng Licogi 9.1	96.480.460.999	56.063.093.659
Phải thu khác	521.082.327.543	313.396.178.019
Cộng	518.447.000	1.110.699.108
b) Phải thu dài hạn khác	518.447.000	1.110.699.108
Cảm cổ kỳ quỹ kỳ cược dài hạn	518.447.000	1.110.699.108
Cộng	4.586.197.912	4.628.746.912
c) Các khoản phải thu khác là bên liên quan (Chỉ liệt xem tại Thuyết minh VII.1)		

(i) Đây là khoản mục tạm ứng cho Ban Quản lý Dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt trong quá trình thực hiện dự án. Dự án này ban đầu do Tổng Công ty - Công ty mẹ thực hiện nhưng sau đó đã được chuyển giao sang cho công ty con - Công ty TNHH Nhà ở và Đô thị Licogi từ ngày 20 tháng 7 năm 2016. Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi của khoản tạm ứng này là thấp nên đã trích lập dự phòng 100% đối với các khoản tạm ứng đã tồn đọng từ lâu.

(ii) Trong năm, Công ty con - Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi thành lý hợp đồng dịch vụ số 18A/2017/HĐ-BQLDA ngày 21 tháng 06 năm 2017 giữa Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi (Công ty Nhà ở và Đô thị Licogi) với Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn Hải Dương (Công ty Hải Dương) về việc "thương thảo, đàm phán, nhân chuyển nhượng từ Chủ sở hữu các diện tích nhà ở/công trình gắn liền với quyền sử dụng đất thuộc phần đất chưa giải phóng mặt bằng để thực hiện thủ tục chuyển giao quyền sở hữu các diện tích nhà ở/công trình gắn liền với quyền sử dụng đất này cho Công ty Nhà ở và Đô thị Licogi" theo Thành lý hợp đồng ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty Hải Dương sẽ thanh toán số tiền 165 tỷ đồng cho Công ty Nhà ở và Đô thị Licogi trong vòng 180 ngày kể từ ngày ký thành lý hợp đồng này.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÁN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Nhà G1, số 491, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội
Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

MẪU SỐ B 09 - DNIHN

8. NỢ XẤU

	Số cuối năm	Số đầu năm
Gia gốc	411.759.896.113	411.759.896.113
Dự phòng	365.048.562.430	365.048.562.430
Gia trị có thể thu hồi	46.711.333.683	46.711.333.683
Cộng	190.547.172.146	190.547.172.146
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 8	21.261.594.839	21.261.594.839
Công ty CP Thực phẩm miền Bắc	15.662.726.396	15.662.726.396
Công ty CP Xây lập BDS Điện lực Dầu khí Việt Nam	12.572.632.461	12.572.632.461
Ban điều hành Công nghiệp tàu thủy Dung Quất	25.493.403.949	25.493.403.949
Phải thu BQL dự án KĐT Thịnh Liệt	55.899.448.572	55.899.448.572
Các khoản phải thu được chuyển giao khi sáp nhập COMETCO vào công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi 2	39.052.111.083	39.052.111.083
Các khoản khác	224.576.965.553	224.576.965.553
Gia gốc	411.759.896.113	411.759.896.113
Dự phòng	365.048.562.430	365.048.562.430
Gia trị có thể thu hồi	46.711.333.683	46.711.333.683
Cộng	190.547.172.146	190.547.172.146

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng mua đang đi đường	1.007.476.920	1.007.476.920
Nguồn liệu, vật liệu	95.198.362.206	95.198.362.206
Công cụ, dụng cụ	5.802.362.276	5.802.362.276
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	530.740.876.718	(13.486.677.563)
Thành phẩm nhập kho	68.241.389.847	(181.720.000)
Hàng hoá	24.139.154.347	-
Hàng gửi bán	2.484.042.672	664.070.652
Cộng	727.613.664.986	(20.156.868.336)
Gia gốc	727.613.664.986	727.613.664.986
Dự phòng	46.711.333.683	46.711.333.683
Gia trị có thể thu hồi	46.711.333.683	46.711.333.683
Cộng	411.759.896.113	411.759.896.113

Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 606.192.538.080 đồng (tài ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 581.096.863.569 đồng).
 Giá trị còn lại của tài sản cố định hình dùng để cầm cố, thế chấp cho các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 231.569.951.443 đồng (tài ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 210.353.197.021 đồng).

NGUYỄN GIÀ		HAO MÓN LỮY KẾ		GIÀ TRỊ CÒN LẠI		TÀI NGÀY ĐẦU NĂM		TÀI NGÀY CUỐI NĂM	
Tài ngày đầu năm	Tài ngày cuối năm	Tài ngày đầu năm	Tài ngày cuối năm	Tài ngày đầu năm	Tài ngày cuối năm	Tài ngày đầu năm	Tài ngày cuối năm	Tài ngày đầu năm	Tài ngày cuối năm
162.070.844.922	170.580.360.077	252.150.352.289	170.580.360.077	91.637.391.049	170.580.360.077	81.569.992.212	170.580.360.077	170.580.360.077	170.580.360.077
8.898.577.495	(36.197.000)	(1.357.365.162)	(36.197.000)	8.898.577.495	(21.851.247)	(21.851.247)	(36.197.000)	8.898.577.495	(21.851.247)
37.171.319.563	(251.576.364)	(251.576.364)	(251.576.364)	37.171.319.563	(60.346.787.273)	(60.346.787.273)	(251.576.364)	37.171.319.563	(60.346.787.273)
6.783.109.278	(71.057.121.229)	(71.057.121.229)	(71.057.121.229)	6.783.109.278	(9.823.147.895)	(9.823.147.895)	(9.823.147.895)	6.783.109.278	(9.823.147.895)
149.479.797.510	483.360.909	483.360.909	483.360.909	149.479.797.510	3.373.960.909	3.373.960.909	3.373.960.909	149.479.797.510	3.373.960.909
7.672.804.646	1.037.242.899.588	1.037.242.899.588	1.037.242.899.588	7.672.804.646	173.911.355.746	173.911.355.746	173.911.355.746	7.672.804.646	173.911.355.746
371.759.022	173.911.355.746	173.911.355.746	173.911.355.746	371.759.022	422.461.818	422.461.818	422.461.818	371.759.022	422.461.818
-	8.578.085.615	8.578.085.615	8.578.085.615	-	318.950.000	318.950.000	318.950.000	-	318.950.000
(263.636)	8.578.085.615	8.578.085.615	8.578.085.615	(263.636)	8.578.085.615	8.578.085.615	8.578.085.615	(263.636)	8.578.085.615
(70.311.689.874)	1.089.213.207.426	1.089.213.207.426	1.089.213.207.426	(70.311.689.874)	1.089.213.207.426	1.089.213.207.426	1.089.213.207.426	(70.311.689.874)	1.089.213.207.426
53.224.763.348	1.089.213.207.426	1.089.213.207.426	1.089.213.207.426	53.224.763.348	1.089.213.207.426	1.089.213.207.426	1.089.213.207.426	53.224.763.348	1.089.213.207.426
305.652.749.415	1.089.213.207.426	1.089.213.207.426	1.089.213.207.426	305.652.749.415	1.089.213.207.426	1.089.213.207.426	1.089.213.207.426	305.652.749.415	1.089.213.207.426

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỨC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Nhà G1, số 491, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội
 Mẫu số B 09 - DN/HN Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC		Số cuối năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp/ khấu trừ trong năm		Số đầu năm	
a) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	Thuế giá trị gia tăng	1.120.596.052	4.221.435.566	4.129.387.802	1.212.643.816	207.282.145	1.212.643.816	1.212.643.816	1.212.643.816
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.741.354	194.540.791	-	207.282.145	-	207.282.145	207.282.145	207.282.145
	Thuế thu nhập cá nhân	379.890.551	1.468.655.628	1.365.786.173	482.760.006	482.760.006	482.760.006	482.760.006	482.760.006
	Các loại thuế khác	33.190.031	62.826.584	5.060.479	90.956.136	90.956.136	90.956.136	90.956.136	90.956.136
b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Thuế giá trị gia tăng	62.613.436.151	142.700.715.186	150.359.060.276	70.271.781.241	15.960.081.675	150.359.060.276	70.271.781.241	15.960.081.675
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.426.170.156	13.415.369.907	14.949.281.426	14.949.281.426	15.960.081.675	14.949.281.426	15.960.081.675	15.960.081.675
	Thuế thu nhập cá nhân	2.476.921.416	2.416.407.234	1.524.461.246	1.564.975.428	15.960.081.675	2.476.921.416	1.564.975.428	15.960.081.675
	Thuế tài nguyên	2.044.478.383	1.469.444.873	853.155.500	1.428.189.010	1.428.189.010	2.044.478.383	1.428.189.010	1.428.189.010
	Thuế nhà đất, tiền thuê đất	1.136.969.397	6.118.597.384	7.659.533.891	2.677.905.904	2.677.905.904	1.136.969.397	2.677.905.904	2.677.905.904
	Phí, lệ phí khác phải nộp Nhà nước	95.310.828.323	4.793.485.258	1.327.419.992	91.844.763.057	91.844.763.057	95.310.828.323	91.844.763.057	91.844.763.057
	Các loại thuế khác	1.558.071.383	418.821.085	298.587.762	1.437.838.060	1.437.838.060	1.558.071.383	1.437.838.060	1.437.838.060
	Thuế xuất, nhập khẩu	-	573.759.000	573.759.000	-	-	573.759.000	-	573.759.000
Cộng		179.566.875.209	171.906.599.927	177.545.259.093	185.205.534.375	185.205.534.375	179.566.875.209	185.205.534.375	185.205.534.375

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỨC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Nhà G1, số 491, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội
 Mẫu số B 09 - DN/HN Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP **MẪU SỐ B 09 - DNIHN**
 Nhà G1, số 491, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội
 Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

14. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN (TIẾP THEO)

a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn (Tiếp theo)

Trong quá trình thi công, dự án được Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội phê duyệt chủ trương công tác đầu tư và phê duyệt tiến độ thực hiện dự án làm 2 giai đoạn:

- Giai đoạn 1 từ quý 2/2017 đến quý 4/2019: Giải phóng mặt bằng, đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật và một số cụm công trình nhà ở xã hội.

- Giai đoạn 2 từ quý 1/2020 đến quý 4/2021: Đầu tư xây dựng và kinh doanh các hạng mục còn lại. Hiện nay, dự án đang trong quá trình triển khai giai đoạn 1- thực hiện công tác giải phóng mặt bằng.

(ii) Công trình Dự án Đầu tư Thủy điện Cẩm Thủy 2 do Tổng Công ty làm chủ đầu tư. Ngày 9 tháng 9 năm 2017, Hội đồng Quản trị có nghị quyết về việc không tiếp tục đầu tư vốn vào dự án Thủy điện Cẩm Thủy và chỉ đạo các phòng ban chủ động tìm phương án thu hồi vốn đã bỏ ra. Ngày 10 tháng 7 năm 2017, UBND tỉnh Thanh Hóa đã ra thông báo số 131/TB-UBND, trong đó thông nhất tạm dừng các hoạt động của dự án thủy điện Cẩm Thủy 2 do Tổng Công ty đang thực hiện và chuyển sang chờ các sở ban ngành quy hoạch và trình phê duyệt dự án thủy lợi, thủy điện Cẩm Hoàng. Đến nay, Tổng Công ty chưa nhận được văn bản nào khác của các cơ quan chức năng có liên quan đến dự án này.

b. Xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí đền bù, hỗ trợ, tư vấn đất nông nghiệp CTCP VLXD Đông Anh (i)	7.084.709.941	7.084.709.941
Trụ sở làm việc và Văn phòng cho thuê tại Lô E7, đường Phạm Hùng (ii)	9.671.801.536	9.671.801.536
Khác	1.900.218.128	3.231.890.823
Cộng	18.656.729.605	19.988.402.300

(i) Bao gồm các khoản chi phí liên quan đến quá trình đền bù, giải phóng mặt bằng của lô đất khu 2 có diện tích 14.333 m² tại xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh. (Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 916065 do UBND Thành phố Hà Nội cấp. Trong đó: Chi phí đền bù, hỗ trợ tư vấn đất nông nghiệp 5.029.072.745 đồng, chi phí xây dựng san lấp mặt bằng 1.810.364.739 đồng và các chi phí khác 245.272.727 đồng). Tổng Công ty đang có chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng sang phân lô bán nền nhưng chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

(ii) Dự án đã được Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội thông qua thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, phương án thiết kế công trình và có công văn giới thiệu địa điểm là E6 - Phạm Hùng (8.450 m²) để Tổng Công ty thực hiện dự án vào ngày 03/01/2007.

Tổng Công ty Licogi - Công ty mẹ đã đặt cọc tiền đất số tiền 8.450.000.000 đồng với giá 1.000.000 đồng/m² cho lô E6 - Phạm Hùng theo công văn số 2618/KH&ĐT-ĐT ngày 13/12/2006.

Ngày 10/08/2007, Sở Quy Hoạch - Kiến trúc Hà Nội đã điều chỉnh, bổ trí lại vị trí xây dựng dự án từ lô E6 sang lô E7 (diện tích khoảng 6.500 m²), và được Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội chấp thuận về việc nghiên cứu lập dự án xây dựng trụ sở văn phòng tại khu đô thị mới Cầu Giấy theo công văn số 1987/QĐ - UBND ngày 11/11/2008.

Tới thời điểm hiện tại, dự án vẫn chưa tiếp tục được triển khai do các bên đầu tư cần phải điều chỉnh lại thiết kế và quy hoạch tổng thể, bổ sung một số chức năng. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang cố gắng thống nhất kế hoạch thực hiện để tiếp tục triển khai dự án.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP **MẪU SỐ B 09 - DNIHN**
 Nhà G1, số 491, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội
 Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
NGUYỄN GIÁ			
Tại ngày đầu năm	28.583.669.806	867.000.000	29.450.669.806
Tại ngày cuối năm	28.583.669.806	867.000.000	29.450.669.806
HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày đầu năm	1.085.586.000	738.070.163	1.823.656.163
Khấu hao trong năm	18.140.400	24.500.004	42.640.404
Tại ngày cuối năm	1.103.726.400	762.570.167	1.866.296.567
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	27.498.083.806	128.929.837	27.627.013.643
Tại ngày cuối năm	27.479.943.406	104.429.833	27.584.373.239

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Tại thời điểm 01/01/2021, Bất động sản đầu tư của Tổng Công ty là hai căn hộ tại số 81/6 Võ Văn Ngạn, phường Linh Chiểu, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh được mua chờ tăng giá để bán với nguyên giá và hao mòn lũy kế lần lượt là 2.745.140.454 đồng và 81.837.700 đồng và Tổng Công ty đang trích khấu hao đối với tài sản này từ năm 2015. Trong năm 2021, nguyên giá Bất động sản đầu tư của Tổng Công ty tăng trong năm là một căn hộ tại ngõ 91, đường Đại Mỗ, phường Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội với mục đích chờ tăng giá để bán nguyên giá là 1.357.365.162 đồng và Tổng Công ty không thực hiện trích khấu hao.

14. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Dự án KĐTMT Thịnh Liệt (i)	1.103.876.232.128	1.103.876.232.128	1.081.804.658.609	1.081.804.658.609
Dự án Thủy điện Cẩm Thủy 2 (ii)	4.589.571.314	4.589.571.314	4.589.571.314	4.589.571.314
Cộng	1.108.465.803.442	1.108.465.803.442	1.086.394.229.923	1.086.394.229.923

(i) Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới Thịnh Liệt - Quận Hoàng Mai với quy mô 351.422 m² có chức năng chính là các khu nhà ở đáp ứng cho số lượng dân khoảng 9.000 người, được nghiên cứu quy hoạch bao gồm: Biệt thự, nhà vườn; Nhà ở cao tầng; Công trình hỗn hợp; Công trình công cộng, Công trình công cộng đơn vị ở; thương mại dịch vụ, câu lạc bộ, đoàn thể, trụ sở hành chính; Trường học; Đường giao thông; Bãi đỗ xe; Cây xanh.

Dự án được Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội ra quyết định cấp phép đầu tư xây dựng vào ngày 17/09/2007 cho Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng sau đó được chuyển giao lần lượt cho Tổng Công ty Licogi - CTCP và Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi.

a) Phải trả người bán ngắn hạn
 Công ty CP Licoigi 13
 Công ty CP Licoigi 16
 Công ty CP Đầu tư Xây dựng số 18
 Công ty CP Đầu tư Xây dựng số 18.1
 Công ty CP Đầu tư Xây dựng Hà Lăng và khai thác mỏ Tân Việt Bắc
 Công ty CP Đầu tư Xây dựng Hải Hưng và khai thác mỏ Tân Việt Bắc
 Công ty Cổ phần Dầu từ Thương mại Xây dựng Hoàng Anh
 Phải trả các đối tượng khác
Cộng
 b) Phải trả người bán là bên liên quan
 (Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.1)

Số cuối năm	Số đầu năm
67.387.530.250	49.062.896.405
30.033.945.370	37.628.594.020
31.720.989.664	33.249.334.491
31.390.872.009	90.227.324.393
15.928.014.655	15.928.014.655
10.414.309.946	5.465.883.913
536.794.778.684	513.087.998.903
723.670.440.578	744.650.046.780
2.682.899.716	2.682.899.716

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Số cuối năm	Số đầu năm
59.260.545.400	59.260.545.400
(343.041.280)	(2.517.099.680)
30.000	300.000.000
100.000	1.000.000.000
100.000	1.000.000.000
300.000	780.000.000
1.375.381	13.753.805.608
1.518.750	10.530.000.000
2.717.573	25.001.671.600
596.700	7.895.068.192
Số lượng	Số lượng
Gia gốc	Gia gốc
có phần	có phần
VND	VND
Dự phòng	Dự phòng
Số cuối năm	Số đầu năm

16. ĐẦU TƯ GỘP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỨC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

THUYẾT MINH BẢO CẢO TẠI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Nhà G1, số 491, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội
 TÔNG CÔNG TY LICOIGI - CTCP
 Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

MÃ SỐ B 09 - DN/HN

(i) Công ty liên doanh sản xuất vật liệu xây dựng Hà Nam đã ngừng hoạt động nên giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu đối với khoản đầu tư vào Công ty này được Tổng Công ty xác định bằng 0.

Số cuối năm	Số đầu năm
377.002.480.552	427.427.582.263
482.392.650.285	378.647.154.969
50.728.281.583	52.372.956.000
134.685.126.361	90.395.951.287
24,16%	24,16%
22,62%	22,62%
1.999.068.969	1.999.068.969
916.468.620	2.029.152.309
20,40%	18.244.569.801
44,11%	16.540.000.000
44,11%	312.483.268.258
45,58%	3.124.640.608
23,63%	4.274.640.608
45,58%	5.743.500.000
57,43.500.000	4.274.640.608
3.907.303.063	4.274.640.608
23,63%	4.274.640.608
229.110.849.751	236.536.796.769
159.253.337.143	236.536.796.769
42,00%	236.536.796.769
159.253.337.143	236.536.796.769
42,00%	236.536.796.769
229.110.849.751	236.536.796.769
37,41%	236.536.796.769
229.110.849.751	236.536.796.769
42,00%	236.536.796.769
159.253.337.143	236.536.796.769
42,00%	236.536.796.769
536.255.817.695	663.964.379.032
711.503.500.036	663.964.379.032

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỨC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

THUYẾT MINH BẢO CẢO TẠI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Nhà G1, số 491, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội
 TÔNG CÔNG TY LICOIGI - CTCP
 Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

MÃ SỐ B 09 - DN/HN

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN/HN
Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGÂN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí lãi vay	202.519.218.454	145.438.595.247
Chi phí phải trả các công trình xây dựng và các khoản khác	128.013.444.647	119.269.200.491
Trụ sở Công an TP Hồ Chí Minh	17.391.697.507	1.606.691.785
Công trình đại học quốc gia	18.107.454.040	18.340.877.589
Công trình Thủy điện Suối Chăn 2	26.794.598.660	26.794.598.660
Chi phí phải trả các công trình khác và các khoản khác	65.719.494.440	72.527.032.457
Cộng	330.532.663.101	264.707.795.738

20. PHẢI TRẢ NGÂN HẠN DÀI HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Phải trả ngắn hạn khác		
Tài sản thừa chờ giải quyết	68.714.425	68.714.425
Kinh phí công đoàn	6.417.678.771	6.314.921.784
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	54.368.702.570	53.011.628.915
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3.303.381.960	3.305.865.370
Phải trả về cổ phần hoá	14.342.961.818	14.342.961.818
Công ty CP đầu tư Xuân Cầu	4.713.424.658	2.059.794.521
Công ty TNHH Thanh Bình (i)	2.500.000.000	2.500.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	152.313.096.205	154.218.235.491
Cộng	238.027.960.407	235.822.122.324
b) Phải trả dài hạn khác		
Công ty TNHH Đầu tư và tư vấn Hải Dương	-	165.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông (ii)	60.000.000.000	60.000.000.000
Nhiệm kỳ quỹ, kỳ cước dài hạn	518.447.000	1.275.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.075.599.075	7.559.046.075
Cộng	68.594.046.075	233.834.046.075
c) Phải trả khác là các bên liên quan (Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.1)	60.000.000.000	60.000.000.000

(i) Đây là khoản tiền đặt cọc liên quan đến hoạt động chuyển nhượng Dự án Thủy điện Cẩm Thủy 2 với Tổng Công ty.

(ii) Ngày 25/09/2014, Tổng Công ty - Công ty mẹ đã ký hợp đồng nguyên tắc hợp tác kinh doanh dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt với Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông, hiện là cổ đông lớn của Tổng Công ty - Công ty mẹ. Đây là khoản đặt cọc của Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông cho Tổng Công ty - Công ty mẹ để thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt.

Số đầu năm	Gia trị	Số cuối năm	Gia trị
336.037.673.823	VND	345.544.956.983	VND
143.183.467.150		139.383.765.779	
-		8.940.023.447	
9.431.631.744		9.431.631.744	
-		12.424.638.500	
-		11.348.794.200	
25.982.058.700		25.982.058.700	
32.750.000.000		23.984.000.000	
124.690.516.229		114.050.043.613	

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Mẫu số B 09 - DN/HN
Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP
Nhà G1, số 491, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỨC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG DỐI KẾ TOÀN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

1300LCP201901465 ngày 30/12/2019, Số dư của khoản vay tại 31/12/2021 là 49.990.155.014 đồng.

Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 1300-LAV-202100540 ngày 07 tháng 06 năm 2021. Hạn mức cấp tín dụng là 50.000.000.000 đồng. Lãi suất vay thả nổi. Thời hạn hiệu lực của hạn mức cấp tín dụng hết ngày 07 tháng 06 năm 2022. Thời hạn của khoản vay tối đa theo từng giấy nhận nợ. Mức trích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo gồm: Hợp đồng cầm cố phân số 1300-LCP-201900526 ngày 18/04/2019, số 1300-LCP-201900527, số 1300-LCP-201900528, số 1300-LCP-201900529 ngày 23/04/2019; và hợp đồng thế chấp tài sản số 1300-LCP-201900524 ngày 23/04/2019 (thế chấp máy khoan cọc nhồi Nippon Sharjo), và Hợp đồng cầm cố tài sản số

Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/134647/HĐTD ngày 02 tháng 03 năm 2021. Hạn mức cấp tín dụng là 397.000.000.000 đồng (gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ đã quy đổi), trong đó hạn mức cho vay là 297 tỷ đồng và hạn mức cấp bảo lãnh là 100 tỷ đồng. Thời hạn cấp hạn mức là kể từ ngày ký Hợp đồng này đến hết ngày 31/12/2021. Thời hạn của khoản vay được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Lãi suất vay được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng. Tài sản đảm bảo là một số máy móc thiết bị và tài sản của Tổng Công ty. Số dư của khoản vay tại 31/12/2021 là 294.895.215.775 đồng.

Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội theo hợp đồng tín dụng số 1480-LAV-201700283 ngày 31 tháng 10 năm 2017. Hạn mức cấp tín dụng là 13.500.000.000 đồng. Lãi suất vay 8,5%/năm. Mục đích sử dụng vốn vay là thanh toán tiền thi công. Tài sản đảm bảo gồm: Quyền đòi nợ đối với Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà theo HĐ thế chấp số 02/TNH-L11 ngày 25/12/2015, đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 28/12/2015 (Phần VI bảo đảm cho chủ nợ tối đa là 9.800.000.000 đồng); và 3 xe ô tô tự do, 2 máy xúc thủy lực bánh xích gầu nghịch, 3 xe ô tô Mix vận chuyển bê tông theo từng Hợp đồng thế chấp số 02/TNH-L11 ngày 25/12/2015, đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 28/12/2015 (Phần VI bảo đảm). Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2021 là 10.844.167.616 đồng.

Theo biên bản làm việc ngày 18 tháng 09 năm 2020, khoản vay sẽ được trả dần đến tháng 10/2022. Trường hợp thực hiện xong việc thối vốn trước tháng 10/2022, Tổng Công ty LICOGI cam kết tất toán toàn bộ khoản vay ngay sau khi thối vốn.

Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Gia Lâm theo hợp đồng tín dụng số 3120-LAV-202101881 ngày 27 tháng 12 năm 2021. Hạn mức cấp tín dụng là 100.000.000.000 đồng. Trong đó, hạn mức cho vay là 97 tỷ VND, và hạn mức cấp bảo lãnh là 3 tỷ VND. Lãi suất vay tại thời điểm ký hợp đồng là 8,5%/năm và áp dụng lãi suất thả nổi điều chỉnh định kỳ tối thiểu 3 tháng 1 lần, thời gian duy trì hạn mức cấp tín dụng là 12 tháng từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn của khoản vay được tính từ ngày ký Hợp đồng tín dụng theo hợp đồng tín dụng số 01/2016/ĐS ngày 21 tháng 07 năm 2016 và Phụ lục hợp đồng thế chấp số 01/2016/ĐS ngày 21 tháng 07 năm 2016 của Tổng Công ty LICOGI - CTCP theo hợp đồng thế chấp số 01/2016/ĐS ngày 21 tháng 07 năm 2016 và Phụ lục hợp đồng thế chấp số 01/2016/ĐS-PL03.2020 ngày 25 tháng 11 năm 2020 giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Gia Lâm và Tổng Công ty LicoGI - CTCP, có hiệu lực từ ngày ký Hợp đồng tín dụng và Xay dựng số 18 chủ sở hữu là Tổng Công ty LicoGI - CTCP và có hiệu lực từ ngày ký Hợp đồng tín dụng và Xay dựng số 18 chủ sở hữu là Tổng Công ty LicoGI - CTCP.

Hà chủ sở hữu là Tổng Công ty LicoGI - CTCP.

21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Table with 2 columns: 'Số cuối năm' and 'Số đầu năm'. Values range from 1.682.315.653.378 to 1.715.839.184.350.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỨC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG DỐI KẾ TOÀN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Nhà G1, số 491, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

MÃ SỐ B 09 - DN/HN ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

1.682.315.653.378

1.715.839.184.350

1.682.315.653.378

1.715.839.184.350

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP
 Nhà G1, số 491, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội
THUYẾT MINH BẢO CẠO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
 Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đồng Anh
 (iii) Công ty Cổ phần Cơ khí Đồng Anh LicoGI

21. THÔNG TIN BỘ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỨC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

THUYẾT MINH BẢO CẠO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
 Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

MÀU SỐ B 09 - DN/HN

21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Công ty Cổ phần Cơ khí Đồng Anh LicoGI
 (iii) Công ty Cổ phần Cơ khí Đồng Anh LicoGI

21. THÔNG TIN BỘ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỨC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

THUYẾT MINH BẢO CẠO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
 Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

MÀU SỐ B 09 - DN/HN

21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Tổng Công ty LicoGI - CTCP (Công ty mẹ) (Tiếp theo)

21. THÔNG TIN BỘ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỨC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

THUYẾT MINH BẢO CẠO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
 Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

MÀU SỐ B 09 - DN/HN

21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Tổng Công ty LicoGI - CTCP (Công ty mẹ) (Tiếp theo)

21. THÔNG TIN BỘ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỨC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

THUYẾT MINH BẢO CẠO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
 Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

MÀU SỐ B 09 - DN/HN

- Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Quảng Ngãi theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/25673/HĐTD ngày 04 tháng 12 năm 2020 ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng. Công ty được vay với hạn mức tín dụng thường xuyên tối đa là 77 tỷ đồng, trong đó: vay vốn ngân hàng, bảo lãnh thanh toán tối đa là 27 tỷ đồng. Khoản vay để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Tài sản đảm bảo bao gồm: thế chấp máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thế chấp quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 06-07, khu dân cư Tây Cầu Dừa, xã Vĩnh Hiệp, TP.Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Số dư của khoản vay tại 31/12/2021 là 24.502.411.364 đồng.
- (vi) Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10
 - Các hợp đồng vay căn bộ công nhân viên, thời hạn dưới 12 tháng, lãi suất từ 6-11%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Số dư của khoản vay tại 31/12/2021 là 8.767.800.425 đồng.
 - Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Quảng Ngãi theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/1711559/HĐTD ngày 12 tháng 08 năm 2021. Hạn mức tín dụng là 47.250.000.000 đồng, trong đó hạn mức vay ngân hàng, bảo lãnh thanh toán tối đa là 27.250.000.000 đồng với hạn mức xây lắp là 19.000.000.000 đồng, hạn mức thương mại (gạch, đá) là 8.250.000.000 đồng, hạn mức bảo lãnh tối đa là 20.000.000.000 đồng. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thời hạn cấp hạn mức 12 tháng kể từ ngày 12 tháng 08 năm 2021, thời hạn duy trì hạn mức là 08 tháng. Lãi suất được xác định trong Hợp đồng tín dụng cụ thể từng Hợp đồng tín dụng/Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể/L/C được phát hành. Tài sản đảm bảo là thế chấp, cầm cố bất động sản, tài sản gắn liền với đất, tài sản hình thành trong tương lai theo các hợp đồng thế chấp ký giữa Công ty và Ngân hàng. Số dư của khoản vay tại 31/12/2021 là 27.221.109.075 đồng.

21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(iv) Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 (Tiếp theo)

Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng theo hợp đồng cấp hạn mức số 2021/HMTD/VPB-LC09 ngày 02 tháng 02 năm 2021. Hạn mức tín dụng là 90.000.000.000 đồng bao gồm hạn mức cho vay và hạn mức cấp bảo lãnh. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động và bảo lãnh để phục vụ hoạt động thi công xây lắp. Thời hạn vay của từng khoản nợ được quy định trên giấy nhân nợ nhưng tối đa không quá 12 tháng. Lãi suất cho vay là lãi suất ghi trên từng giấy nhân nợ. Biện pháp bảo đảm khoản vay là ký quỹ, cầm cố 8.009.700 có phiếu của Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licoigi thuộc sở hữu của Tổng Công ty Licoigi - CTCF và thế chấp phần vốn góp của Tổng Công ty Licoigi tại Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licoigi, và các biện pháp, tài sản bảo đảm khác theo thỏa thuận giữa Ngân hàng và Công ty. Số dư của khoản vay tại 31/12/2021 là 81.000.000.000 đồng.

Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa theo Hợp đồng vay hạn mức số 154.214/148-05-HMVCV ngày 29 tháng 10 năm 2021. Hạn mức cho vay không vượt quá 46.700.000.000 đồng, đồng thời Công ty phải giảm dần dư nợ vay tối thiểu 300.000.000 đồng/tháng và đảm bảo đến ngày 30 tháng 10 năm 2022, tổng dư nợ vay không vượt quá 43.100.000.000 đồng. Thời gian duy trì hạn mức 12 tháng. Mục đích vay là để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh những không bao gồm đầu tư tài sản cố định. Thời gian vay của từng khoản nợ được quy định trên Giấy nhân nợ nhưng tối đa không quá 08 tháng. Lãi suất cho vay là lãi suất ghi trên từng giấy nhân nợ. Tài sản đảm bảo là các tài sản theo các hợp đồng thế chấp tại ngân hàng và các văn bản sửa đổi bổ sung. Số dư của khoản vay tại 31/12/2021 là 45.877.767.052 đồng.

Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng theo Hợp đồng vay hạn mức số 65/2021/378269/HĐTD ngày 09 tháng 08 năm 2021. Hạn mức tín dụng tối đa 34.607.000.000 đồng, bao gồm hạn mức cho vay 28.607.000.000 đồng và bảo lãnh thanh toán 6.000.000.000 đồng. Thời gian duy trì hạn mức 12 tháng. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động và bảo lãnh. Thời gian vay của từng khoản nợ được quy định trên Giấy nhân nợ nhưng tối đa không quá 03 tháng. Lãi suất cho vay là lãi suất ghi trên từng giấy nhân nợ. Tài sản đảm bảo là các tài sản theo các hợp đồng thế chấp tại ngân hàng và các văn bản sửa đổi bổ sung. Số dư của khoản vay tại 31/12/2021 là 28.599.939.950 đồng.

(iv) Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9

Hợp đồng cấp tín dụng số BIZ201912515050/HĐTD ngày 18 tháng 06 năm 2019 và Phụ lục hợp đồng số BIZ201912515050/HĐTD/PL23102020 và Phụ lục số BIZ201912515050/PL29112921. Hạn mức cấp tín dụng: 160.000.000.000 đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay: từ ngày 23 tháng 10 năm 2021 đến hết ngày 22 tháng 12 năm 2021. Lãi suất cho vay: Được xác định tại thời điểm ngân giải ngân và được ghi trên từng giấy nhân nợ. Các hình thức đảm bảo (nếu có): thế chấp, cầm cố, quyền đòi nợ và các tài sản khác. Số dư của khoản vay tại 31/12/2021 là 1.751.481.527 đồng.

Hợp đồng cấp tín dụng số BIZ201912515050/HĐTD ngày 18 tháng 06 năm 2019 và Phụ lục hợp đồng số BIZ201912515050/HĐTD/PL23102020 và Phụ lục số BIZ201912515050/PL29112921. Hạn mức cấp tín dụng: 160.000.000.000 đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay: từ ngày 23 tháng 10 năm 2021 đến hết ngày 22 tháng 12 năm 2021. Lãi suất cho vay: Được xác định tại thời điểm ngân giải ngân và được ghi trên từng giấy nhân nợ. Các hình thức đảm bảo (nếu có): thế chấp, cầm cố, quyền đòi nợ và các tài sản khác. Số dư của khoản vay tại 31/12/2021 là 1.751.481.527 đồng.

Bản sửa đổi thỏa thuận chung về tiền ích số 05 ngày 20 tháng 05 năm 2021 căn cứ vào thỏa thuận chung và tiền ích số VHN 162141. Tổng hạn mức tiền ích: 164.000.000.000 VND hoặc USD trong tương lai. Mục đích vay: bổ sung vốn phục vụ cho nhu cầu đầu tư và hoạt động kinh doanh của Công ty không bao gồm thanh và sẽ được tin dùng trong tương lai. Thời gian vay là từ ngày 12 tháng 12 năm 2021 đến hết ngày 25 tháng 11 năm 2022. Lãi suất cho vay: Được tin dùng ngân hàng: 120.000.000.000 đồng). Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động. Từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực đến hết ngày 25 tháng 11 năm 2022. Lãi suất cho vay: Được đồng bảo đảm quy định tại hợp đồng cấp tín dụng. Số dư của khoản vay tại 31/12/2021 là 32.278.695.607 đồng.

(iii) Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licoigi (Tiếp theo)

Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 73/21/CTD/VCB/CB-CKDA ngày 25 tháng 11 năm 2021. Hạn mức cấp tín dụng: 200.000.000.000 đồng (Trong đó, hạn mức cấp tín dụng ngân hàng: 120.000.000.000 đồng). Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động và bảo lãnh. Thời gian duy trì hạn mức 12 tháng kể từ ngày cấp tín dụng ngân hàng. Số dư của khoản vay tại 31/12/2021 là 76.078.502.226 đồng.

Bản sửa đổi thỏa thuận chung về tiền ích số 05 ngày 20 tháng 05 năm 2021 căn cứ vào thỏa thuận chung và tiền ích số VHN 162141. Tổng hạn mức tiền ích: 164.000.000.000 VND hoặc USD trong tương lai. Mục đích vay: bổ sung vốn phục vụ cho nhu cầu đầu tư và hoạt động kinh doanh của Công ty không bao gồm thanh và sẽ được tin dùng trong tương lai. Thời gian vay là từ ngày 12 tháng 12 năm 2021 đến hết ngày 25 tháng 11 năm 2022. Lãi suất cho vay: Được tin dùng ngân hàng: 120.000.000.000 đồng). Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động. Từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực đến hết ngày 25 tháng 11 năm 2022. Lãi suất cho vay: Được đồng bảo đảm quy định tại hợp đồng cấp tín dụng. Số dư của khoản vay tại 31/12/2021 là 32.278.695.607 đồng.

Các hình thức đảm bảo (nếu có): thế chấp, cầm cố, quyền đòi nợ và các tài sản khác. Số dư của khoản vay tại 31/12/2021 là 76.078.502.226 đồng.

Cy thể theo thông báo của Ngân hàng. Các hình thức bảo đảm tiền vay: Hợp đồng cầm cố tiền gửi số VHN 100481/MR và các văn bản sửa đổi của Công ty, Hợp đồng thế chấp. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động và bảo lãnh. Thời gian duy trì hạn mức 12 tháng kể từ khi có thông báo khác đi từ Ngân hàng. Lãi suất tiền ích: lãi suất được điều chỉnh theo thỏa thuận và sẽ được tin dùng trong tương lai. Thời gian vay là từ ngày 12 tháng 12 năm 2021 đến hết ngày 25 tháng 11 năm 2022. Lãi suất cho vay: Được tin dùng ngân hàng: 120.000.000.000 đồng). Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động. Từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực đến hết ngày 25 tháng 11 năm 2022. Lãi suất cho vay: Được đồng bảo đảm quy định tại hợp đồng cấp tín dụng. Số dư của khoản vay tại 31/12/2021 là 32.278.695.607 đồng.

21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(iii) Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licoigi (Tiếp theo)

Hợp đồng cấp tín dụng số BIZ201912515050/HĐTD ngày 18 tháng 06 năm 2019 và Phụ lục hợp đồng số BIZ201912515050/HĐTD/PL23102020 và Phụ lục số BIZ201912515050/PL29112921. Hạn mức cấp tín dụng: 160.000.000.000 đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay: từ ngày 23 tháng 10 năm 2021 đến hết ngày 22 tháng 12 năm 2021. Lãi suất cho vay: Được xác định tại thời điểm ngân giải ngân và được ghi trên từng giấy nhân nợ. Các hình thức đảm bảo (nếu có): thế chấp, cầm cố, quyền đòi nợ và các tài sản khác. Số dư của khoản vay tại 31/12/2021 là 1.751.481.527 đồng.

Hợp đồng cấp tín dụng số BIZ201912515050/HĐTD ngày 18 tháng 06 năm 2019 và Phụ lục hợp đồng số BIZ201912515050/HĐTD/PL23102020 và Phụ lục số BIZ201912515050/PL29112921. Hạn mức cấp tín dụng: 160.000.000.000 đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay: từ ngày 23 tháng 10 năm 2021 đến hết ngày 22 tháng 12 năm 2021. Lãi suất cho vay: Được xác định tại thời điểm ngân giải ngân và được ghi trên từng giấy nhân nợ. Các hình thức đảm bảo (nếu có): thế chấp, cầm cố, quyền đòi nợ và các tài sản khác. Số dư của khoản vay tại 31/12/2021 là 1.751.481.527 đồng.

THUYẾT MINH BẢO CẢO TẠI CHỖ NHẤT (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(vi) Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10 (Tiếp theo)
Các khoản vay cá nhân ngắn hạn có thời hạn từ 03 - 12 tháng và tài trợ khi hết hạn hợp đồng, lãi suất 8,5%/năm, khoản vay không có tài sản đảm bảo. Số dư của khoản vay tại 31/12/2021 là 24.451.128.135 đồng.

(viii) Công ty Cổ phần LicoGi 17

Vay ngắn hạn từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bắc Hải Dương theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2021/1906S/HDTĐ ngày 14 tháng 6 năm 2021 với hạn mức tài trợ là 70 tỷ đồng, mục đích bổ sung vốn lưu động, thời hạn cấp hạn mức kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 14 tháng 06 năm 2022, lãi suất được xác định trong từng hợp đồng theo lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Công ty sử dụng tài sản có định của Công ty là các máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, nhà làm việc và các hàng hóa khác trên thừa đất số CD 44773 số vào sổ cấp GCN CT 00224 do UBND tỉnh Hải Dương cấp ngày 14 tháng 10 năm 2016 đảm bảo cho khoản vay này. Số dư của khoản vay tại 31/12/2021 là 42.954.564.165 đồng.

Vay cá nhân phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất 0,84%/tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 15 tháng 07 năm 2021, lãi suất là 5,8%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Số dư của khoản vay tại 31/12/2021 là 4.030.000.000 đồng.

(viii) Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị LicoGi

Khoản vay Công ty TNHH Đầu tư và kinh doanh bất động sản Khu Đông bao gồm các hợp đồng sau:

Hợp đồng số 19/2016/HĐV-LC-GK-BĐ ngày 07 tháng 11 năm 2016 với hạn mức vay là 6.000.000.000 đồng, thời hạn 12 tháng, lãi suất 10%/năm nhằm thực hiện dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt, khoản vay không có tài sản đảm bảo và được tự động gia hạn tài trợ thêm 1 kỳ hạn với các điều khoản tương đương nếu không có bất kỳ thỏa thuận nào khác.

Hợp đồng số 06/2019/HĐV-LC-GK-BĐ ngày 12 tháng 08 năm 2019 với hạn mức vay là 20.000.000.000 đồng, thời hạn 12 tháng, lãi suất 8%/năm nhằm thực hiện dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt. Khoản vay không có tài sản đảm bảo và được tự động gia hạn tài trợ thêm 1 kỳ hạn với các điều khoản tương đương nếu không có bất kỳ thỏa thuận nào khác.

Hợp đồng số 11/2019/HĐV-LC-GK-BĐ ngày 12 tháng 09 năm 2019 với hạn mức vay là 16.000.000.000 đồng thời hạn 12 tháng lãi suất 8%/năm nhằm thực hiện dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt. Khoản vay không có tài sản đảm bảo và được tự động gia hạn tài trợ 1 kỳ với các điều khoản tương đương nếu không có bất kỳ thỏa thuận nào khác.

Hợp đồng số 04/2020/HĐV-LC-GK-BĐ ngày 22 tháng 05 năm 2020 với hạn mức vay là 15.000.000.000 đồng thời hạn 12 tháng lãi suất 8%/năm nhằm thực hiện dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt. Khoản vay không có tài sản đảm bảo và được tự động gia hạn tài trợ 1 kỳ với các điều khoản tương đương nếu không có bất kỳ thỏa thuận nào khác.

41

THUYẾT MINH BẢO CẢO TẠI CHỖ NHẤT (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP
Nhà G1, số 491, đường Nguyễn Trãi, phường
Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(viii) Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị LicoGi (Tiếp theo)

Hợp đồng số 01/2022/021/HĐV-LC-GK-BĐ ngày 01/02/2021 với số tiền là 15.000.000.000đ, thời hạn 12 tháng, lãi suất 8%/năm nhằm thực hiện dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt. Khoản vay không có tài sản đảm bảo và được tự động gia hạn tài trợ thêm 1 kỳ hạn với các điều khoản tương đương nếu không có bất kỳ thỏa thuận nào khác. Số dư của khoản vay tại 31/12/2021 là 65.668.098.625 đồng.

Khoản vay vốn với Công ty TNHH kinh doanh bất động sản MIK HOME. Số dư của khoản vay tại 31/12/2021 là 40.092.357.966 đồng, bao gồm các hợp đồng sau:
Khoản vay theo hợp đồng vay vốn số 1010/2018/HĐV-LC-GK-MIKHOME ngày 10 tháng 10 năm 2018, tổng giá trị khoản vay là 17.815.010.000 đồng để thực hiện chi trả tiền thuê đất bồi giải phóng mặt bằng, thanh toán chi phí cấu trúc các hộ dân và chi phí hoạt động của công ty phục vụ dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội; thời hạn vay 12 tháng kèm theo điều khoản tài trợ thêm 01 kỳ hạn nếu không có thỏa thuận nào khác.
Khoản vay theo hợp đồng vay vốn số 29/2018/HĐV-LC-GK-MIKHOME ngày 24 tháng 09 năm 2018, tổng giá trị khoản vay là 14.717.052.000 đồng để mua 11 căn hộ chung cư tại dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội; thời hạn vay 12 tháng kèm theo điều khoản tài trợ thêm 01 kỳ hạn nếu không có thỏa thuận nào khác.
Khoản vay theo hợp đồng vay vốn số 2112/2018/HĐV-LC-GK-MIKHOME ngày 21 tháng 12 năm 2018, tổng giá trị khoản vay là 8.284.418.461 đồng lãi suất 10%/năm với thời hạn vay 12 tháng kèm theo điều khoản tài trợ thêm 1 kỳ hạn với các điều khoản tương đương nếu không có bất kỳ thỏa thuận nào khác.

(ix) Công ty Cổ phần LicoGi 15
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành Đô. Lãi suất áp dụng cho từng lần nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo là hợp đồng thế chấp tài sản. Số dư nợ tại thời điểm 31/12/2021 là 16.974.976.455 đồng.
Vay hợp đồng với cá nhân. Lãi suất áp dụng cho từng lần nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Số dư nợ vay đến 31/12/2021 là 15.465.622.176 đồng.

Khoản vay ngắn hạn với Ông Nguyễn Thành Nhơn theo hợp đồng số 55A/2017/HĐV ngày 08/11/2017 và phụ lục hợp đồng gia hạn khoản vay số 03 ngày 09 tháng 05 năm 2020, gia hạn vay 12 tháng kể từ ngày 10 tháng 05 năm 2020 để thực hiện các hoạt động giải phóng mặt bằng, lãi suất 10%/năm, và được tự động gia hạn tài trợ thêm 1 kỳ hạn với các điều khoản tương đương nếu không có bất kỳ thỏa thuận nào khác. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Số dư của khoản vay là 2.014.147.000 đồng. Khoản vay ngắn hạn với Bà Nguyễn Thị Thu Hương theo hợp đồng vay vốn ngày 02/06/2018 số tiền 200.000.000 đồng và phụ lục hợp đồng số 01 ngày 02 tháng 06 năm 2020 gia hạn vay 12 tháng kể từ ngày 04 tháng 06 năm 2020, lãi suất 12%/năm nhằm thực hiện hoạt động giải phóng mặt bằng cho dự án xây dựng Khu đô thị mới Thịnh Liệt. Hợp đồng được tự động gia hạn tài trợ thêm 1 kỳ hạn với các điều khoản tương đương nếu không có bất kỳ thỏa thuận nào khác. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo. Số dư của khoản vay là 100.000.000 đồng.

42

Vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội theo Hợp đồng vay số 1480-LAV-201700292, số tiền vay 13.500.000.000 đồng, lãi suất cho vay 9,5%, điều chỉnh lãi suất 6 tháng 1 lần theo thông báo cụ thể của ngân hàng. Mục đích vay là để đầu tư 02 dây chuyền may khoan cọc nhồi phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn cho vay 60 tháng tính từ ngày giải ngân. Khoản vay được đảm bảo bằng chính 02 dây chuyền may khoan cọc nhồi này. Số dư của khoản vay tại 31/12/2021 là 10.800.000.000 đồng.

(viii) Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20

Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, bên cho vay sẽ được đảm bảo quyền mua căn hộ của dự án. Thời hạn cho vay đến khi Công ty hoàn tất thủ tục lập hợp đồng mua bán căn hộ cho khách hàng tại dự án, lãi suất cho vay được tính theo lãi suất tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh Hà Long, Toàn bộ Chi phí lãi vay phát sinh trong năm của Các hợp đồng vay cá nhân này, Công ty đang vốn hóa vào dự Dự án chung cư CT7 - Khu đô thị Thịnh Liệt, Hà Nội. Số dư của khoản vay tại 31/12/2021 là 27.186.811.200 đồng.

(viii) Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2

Hợp đồng tín dụng số 16441.17.307.2669135.TD ngày 22 tháng 08 năm 2017, hạn mức cho vay 8.844.500.000 đồng, thời hạn cho vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất quy định tại từng thời điểm theo khung lãi suất nhân nợ. Mục đích vay: Mua 1 máy đào hầm không nổ mìn hiệu Changlin. Khoản vay được thế chấp bằng động sản là Máy khai thác kiểu rung. Số dư khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 1.811.000.000 đồng.

(vi) Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10

Khuyến vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Quảng Ngãi theo Hợp đồng tín dụng số 03/2015/711559/HDTĐ ngày 07 tháng 10 năm 2015, số tiền vay là 22.900.000.000 đồng, mục đích vay đầu tư dự án đầu tư khai thác mỏ đá núi Cà Ty, xã Tịnh Thọ, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi. Thời hạn vay 07 năm kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, thời gian ân hạn khoản vay là 6 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất 10%/năm từ ngày 07/10/2015 đến 31/03/2015, sau đó áp dụng lãi suất thả nổi được điều chỉnh 6 tháng/lần theo quy định của ngân hàng. Tài sản đảm bảo gồm Hợp đồng thế chấp quyền khai thác khoáng sản số 01/2015/711559/HDBĐ ngày 01/10/2015 và các văn bản sửa đổi bổ sung kèm theo hợp đồng thế chấp (nếu có). Số dư của khoản vay tại 31/12/2021 là 1.875.593.288 đồng.

(v) Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỨC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG DỐI KẾ TOÀN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Nhà G1, số 491, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội
TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP
Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

MÀU SỐ B 09 - DN/HN

Khuyến vay dài hạn Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Quận 4 theo Hợp đồng tín dụng số 1402-LAV-201701166 ngày 25 tháng 10 năm 2017, Tổng số tiền vay 2.064.000.000 đồng, Thời hạn vay 84 tháng, Mục đích vay là để thanh toán tiền mua xe ô tô con Mercedes-Benz E300 AMG. Lãi suất cho vay được ghi trên giấy nhân nợ. Tài sản bảo đảm là các tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư của khoản vay tại 31/12/2021 là 832.600.000 đồng.

(iv) Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9

Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 15/2018-HĐCVDADT/NHCT144-CKDA ngày 21 tháng 05 năm 2018. Hạn mức tín dụng: 20.037.000.000 đồng. Mục đích vay: Thành toán các chi phí hợp lý đầu tư mở rộng quy mô, nâng cao năng lực sản xuất nhóm doanh nghiệp Nhà máy Nhóm Đông Anh - Giải đoạn 1. Thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, trong đó thời gian ân hạn là 06 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay: cụ thể trên từng giấy nhân nợ và được điều chỉnh 6 tháng/lần theo thông báo của Ngân hàng, trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 7,5%/năm. Các hình thức bảo đảm tiền vay: các tài sản với hình thức đảm bảo, giải trí tài sản bảo đảm theo các cam kết bảo lãnh/Hợp đồng bảo đảm mà Công ty và/hoặc tổ chức/cá nhân khác ký kết với Ngân hàng và/hoặc các bên pháp bảo đảm khác được xác lập trước, cũng và/hoặc sau thời điểm ký kết Hợp đồng, trong đó có Hợp đồng bảo đảm số 18/2018/HĐBĐ/NHCT144-CKDA ngày 11 tháng 05 năm 2018

Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 12/2017-HĐCVDADT/NHCT144-CKDA ngày 03 tháng 11 năm 2017. Hạn mức cho vay: 11.225.000.000 đồng. Mục đích vay: Thành toán các chi phí hợp lý cho Dự án Đầu tư dây chuyền làm khuôn đúc phụ tùng bằng công nghệ Alphasel công suất 2.000 tấn/năm. Thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay: cụ thể trên từng giấy nhân nợ và được điều chỉnh 6 tháng/lần theo thông báo của Ngân hàng, trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 7,5%/năm. Hình thức bảo đảm tiền vay: các tài sản với hình thức đảm bảo, giải trí tài sản bảo đảm theo các cam kết bảo lãnh/Hợp đồng bảo đảm mà Công ty và/hoặc tổ chức/cá nhân khác ký kết với Ngân hàng và/hoặc các bên pháp bảo đảm khác được xác lập trước, cũng và/hoặc sau thời điểm ký kết Hợp đồng.

(iii) Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi

Khuyến vay theo hợp đồng tín dụng số 02/2017/153707/HĐTD ngày 22 tháng 6 năm 2017 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Đông Hà Nội. Hạn mức tín dụng: 3.900.000.000 đồng. Thời gian vay: 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất thả nổi được tính theo lãi suất tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng Việt Nam. Số dư của khoản vay tại 31/12/2021 là 334.055.945 đồng.

(iii) Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh

21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỨC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG DỐI KẾ TOÀN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Nhà G1, số 491, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội
TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP
Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

MÀU SỐ B 09 - DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Số cuối năm		Tỷ lệ (%)	Số đầu năm	
		VND	VND		VND	VND
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	40,71%	366.406.910.000	366.406.910.000	40,71%	366.406.910.000	
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông	35,00%	315.000.000.000	315.000.000.000	35,00%	315.000.000.000	
Công ty TNHH Đầu tư Gia Cường	19,24%	173.128.880.000	173.128.880.000	19,24%	173.128.880.000	
Vốn góp của các cổ đông khác	5,05%	45.464.210.000	45.464.210.000	5,05%	45.464.210.000	
Cộng	100,0%	900.000.000.000	900.000.000.000	100,0%	900.000.000.000	

Cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Cổ phiếu	Cổ phiếu	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	90.000.000	90.000.000	90.000.000	90.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	90.000.000	90.000.000	90.000.000	90.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	90.000.000	90.000.000	90.000.000	90.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	90.000.000	90.000.000	90.000.000	90.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	90.000.000	90.000.000	90.000.000	90.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000	10.000	10.000

23. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Tổng Công ty có trụ sở đặt tại nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội, đồng thời toàn bộ doanh thu và tài sản của Tổng Công ty kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không phải lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty được chia thành 03 (ba) bộ phận hoạt động: bộ phận kinh doanh Xây lắp; bộ phận kinh doanh hàng hóa Vật liệu xây dựng và bộ phận kinh doanh bất động sản và các hoạt động khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.991.489.294.685	2.189.821.922.798
Doanh thu bán hàng hóa, kinh doanh vật liệu xây dựng	1.426.800.347.261	1.762.684.514.761
Doanh thu cung cấp dịch vụ	24.196.413.721	6.496.758.608
Doanh thu hợp đồng xây dựng	462.654.689.676	404.188.635.385
Doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản	77.837.844.027	16.368.014.044
Doanh thu hoạt động khác	-	84.000.000
Các khoản giảm trừ doanh thu	3.074.488.076	1.854.356.891
<i>Trong đó:</i>		
Hàng bán bị trả lại	1.921.639.270	530.593.000
Giảm giá hàng bán	1.003.314.844	1.323.763.891
Chiết khấu thương mại	149.533.962	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.988.414.806.609	2.187.967.565.907

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa, vật liệu xây dựng	1.298.432.177.065	1.535.363.487.599
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	16.624.441.112	2.191.438.680
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	393.234.600.499	376.345.471.401
Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản	51.193.221.337	6.472.604.936
Trích/ Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.714.838.326)	1.070.775.701
Dự phòng bảo hành công trình	6.158.711.421	-
Giá vốn của hoạt động khác	-	72.151.077
Cộng	1.763.928.313.108	1.921.515.929.394

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	7.373.383.644	12.755.067.128
Cổ tức, lợi nhuận được chia	94.644.892.760	73.212.676.534
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	15.852.827	6.466.703
Lãi từ bán cổ phần Công ty CP Licogi 14	114.046.243.706	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	156.392.712	7.524.000
Cộng	216.236.555.649	85.981.734.365

	Năm nay VND	Năm trước VND
Hoạt động Xây lắp	462.654.689.676	404.188.635.385
Hoạt động kinh doanh hàng hóa Vật liệu xây dựng	1.426.800.347.261	1.762.684.514.761
Hoạt động kinh doanh bất động sản và các hoạt động khác	102.034.257.748	16.368.014.044
Tổng cộng toàn doanh nghiệp	1.988.414.806.609	2.187.967.565.907
Doanh thu thuần từ bán hàng và bên ngoài	1.988.414.806.609	2.187.967.565.907
Chi phí bỏ phần trực tiếp	1.763.928.313.108	1.921.515.929.394
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	224.488.493.501	206.441.636.513
Tổng chi phí mua TSCĐ	3.267.060.941	3.267.060.941
Tài sản không phân bổ	3.444.566.816.541	3.444.566.816.541
Tài sản không phân bổ	1.097.591.719.119	1.097.591.719.119
Tổng tài sản	4.542.158.535.660	4.542.158.535.660
Nợ phải trả và không phân bổ	4.045.207.538.091	4.045.207.538.091
Nợ phải trả không phân bổ	21.547.695.617	21.547.695.617
Tổng nợ phải trả	4.066.755.233.708	4.066.755.233.708

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KE TOÀN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)

	Năm nay VND	Năm trước VND
Hoạt động Xây lắp	462.654.689.676	404.188.635.385
Hoạt động kinh doanh hàng hóa Vật liệu xây dựng	1.426.800.347.261	1.762.684.514.761
Hoạt động kinh doanh bất động sản và các hoạt động khác	102.034.257.748	16.368.014.044
Tổng cộng toàn doanh nghiệp	1.988.414.806.609	2.187.967.565.907
Doanh thu thuần từ bán hàng và bên ngoài	1.988.414.806.609	2.187.967.565.907
Chi phí bỏ phần trực tiếp	1.763.928.313.108	1.921.515.929.394
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	224.488.493.501	206.441.636.513
Tổng chi phí mua TSCĐ	3.267.060.941	3.267.060.941
Tài sản không phân bổ	3.444.566.816.541	3.444.566.816.541
Tài sản không phân bổ	1.097.591.719.119	1.097.591.719.119
Tổng tài sản	4.542.158.535.660	4.542.158.535.660
Nợ phải trả và không phân bổ	4.045.207.538.091	4.045.207.538.091
Nợ phải trả không phân bổ	21.547.695.617	21.547.695.617
Tổng nợ phải trả	4.066.755.233.708	4.066.755.233.708

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

	8. CHI PHÍ KHÁC	
	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ	3.533.486.207	821.321.752
Chi phí khấu hao tài sản cố định dừng hoạt động	15.889.137.124	18.035.886.073
Các khoản bị phạt	10.104.172.469	7.341.529.763
Các khoản chi khác	4.859.242.716	5.791.951.396
Cộng	34.386.038.516	31.990.688.984

	9. CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH	
	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi 2	6.267.928.111	1.263.582.170
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty CP Cơ khí Đồng Anh Licogi	5.282.640.328	7.474.184.849
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đồng Anh	1.385.303.295	2.538.021.764
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9 (Licogi 9)	659.308.475	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty CP Tư vấn Licogi	14.538.163	308.088
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi	192.326	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 10 (Licogi 10)	-	49.883.406
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty TNHH MTV Nhà ở đô thị Licogi	-	15.694.621
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty CP Licogi Quảng Ngãi	-	209.844.944
Cộng	13.609.910.698	11.551.519.842

	10. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU	
	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận/lỗ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	93.413.115.283	9.681.649.717
Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	93.413.115.283	9.681.649.717
Số bình quân giá quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	90.000.000	90.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.038	108

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

	4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH	
	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi tiền vay	156.305.403.894	112.331.341.154
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	102.170.538	20.045.163
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	269.899.442	19.262.913
Dự phòng/hoàn nhập tổn thất đầu tư	(2.174.058.400)	(2.174.058.400)
Chi phí tài chính khác	847.910.636	482.455.748
Cộng	155.351.326.110	110.679.046.578

	5. CHI PHÍ BÁN HÀNG	
	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.432.214.455	1.486.148.857
Chi phí nhân công	22.241.971.081	29.809.171.242
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.561.249.520	1.542.772.173
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.144.778.121	8.825.308.310
Chi phí khác bằng tiền	17.121.708.146	23.053.295.808
Hoàn nhập dự phòng báo hành	(188.888.764)	179.440.589
Cộng	47.313.032.559	64.896.136.979

	6. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP	
	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.874.732.556	7.484.944.744
Chi phí nhân công	76.409.247.049	90.181.641.712
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.232.282.626	7.809.798.113
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng	9.029.011.855	(421.128.100)
Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	50.037.447.389	64.305.543.453
Cộng	147.582.741.475	169.360.799.922

	7. THU NHẬP KHÁC	
	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	4.157.833.147	8.823.973.492
Tiền phạt thu được	225.697.890	2.723.569.273
Thu nhập khác	859.050.798	6.848.507.329
Cộng	5.242.581.835	18.396.050.094

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
Phải thu ngắn hạn khách hàng	4.804.043.818	4.804.043.818	4.970.245.568	4.804.043.818
Công ty CP Thủy điện Bắc Hà	4.804.043.818	4.804.043.818	4.804.043.818	4.804.043.818
Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long	-	-	166.201.750	166.201.750
Trả trước cho người bán	3.695.789.577	3.695.789.577	3.695.789.577	3.695.789.577
Công ty CP Licogi 19	3.695.789.577	3.695.789.577	3.695.789.577	3.695.789.577
Phải thu về cho vay	10.953.740.010	10.953.740.010	11.733.740.010	11.733.740.010
Công ty CP Đầu tư xây lắp và VLXD Đông Anh 8	10.953.740.010	10.953.740.010	11.733.740.010	11.733.740.010
Phải thu khác	4.586.197.912	4.586.197.912	4.604.927.912	4.604.927.912
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Thăng Long	4.337.712.455	4.337.712.455	4.337.712.455	4.337.712.455
Công ty CP Licogi 19	457	457	457	457
Công ty CP Thủy điện Bắc Hà	248.485.000	248.485.000	267.215.000	267.215.000
Công ty CP Đầu tư xây lắp và VLXD Đông Anh 8	2.682.899.716	2.682.899.716	2.682.899.716	2.682.899.716
Phải trả người bán ngắn hạn	1.432.899.716	1.432.899.716	1.432.899.716	1.432.899.716
Công ty CP Licogi 14	1.432.899.716	1.432.899.716	1.432.899.716	1.432.899.716
Công ty CP Đầu tư xây lắp và VLXD Đông Anh 8	1.250.000.000	1.250.000.000	1.250.000.000	1.250.000.000
Vay và nợ tài chính	280.397.295.781	280.397.295.781	249.683.197.156	249.683.197.156
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh BĐS Khu Đông	280.397.295.781	280.397.295.781	249.683.197.156	249.683.197.156
Phải trả khác	60.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh BĐS Khu Đông	60.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000

Thu nhập, thù lao và các khoản phụ cấp của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị trong năm như sau:

	Năm nay		Năm trước	
	VND		VND	
Thu nhập, thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị	1.296.000.000	1.296.000.000	1.296.000.000	1.296.000.000
1. Đinh Việt Tùng	129.000.000	129.000.000	128.000.000	128.000.000
2. Phan Thanh Hải	369.000.000	369.000.000	368.000.000	368.000.000
3. Nguyễn Thanh Hợp	98.000.000	98.000.000	92.000.000	92.000.000
4. Nguyễn Danh Quân	350.000.000	350.000.000	344.000.000	344.000.000
5. Ưng Tiến Đỗ	350.000.000	350.000.000	344.000.000	344.000.000
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	993.000.000	993.000.000	976.000.000	976.000.000
1. Phan Thanh Hải	365.000.000	365.000.000	360.000.000	360.000.000
2. Phan Đức Hùng	314.000.000	314.000.000	308.000.000	308.000.000
3. Phan Lan Anh	314.000.000	314.000.000	308.000.000	308.000.000
Cộng	2.289.000.000	2.289.000.000	2.252.000.000	2.252.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ	
	Công ty CP Licogi 14	Công ty liên kết
Công ty CP Licogi 19	Công ty liên kết	
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Bình Long	Công ty liên kết	
Công ty CP Thủy điện Bắc Hà	Công ty liên kết	
Công ty CP Đầu tư và Vật liệu xây dựng Đông Anh 8	Công ty liên kết	
Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long	Công ty liên doanh	
Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị và các cổ đông lớn	Điều hành Công ty	

Trong năm, Tổng Công ty có các giao dịch phát sinh với các bên liên quan như sau:

	Năm nay		Năm trước	
	VND		VND	
Mua hàng hóa, dịch vụ	4.545.454.544	4.545.454.544	4.545.454.544	4.545.454.544
Công ty CP Đầu tư xây lắp và VLXD Đông Anh 8	4.545.454.544	4.545.454.544	4.545.454.544	4.545.454.544
Thu lại tiền vay	780.000.000	780.000.000	820.000.000	820.000.000
Công ty CP Đầu tư xây lắp và VLXD Đông Anh 8	780.000.000	780.000.000	820.000.000	820.000.000
Cổ tức lợi nhuận được chia	93.586.957.760	93.586.957.760	76.921.190.000	76.921.190.000
Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long	91.211.957.760	91.211.957.760	74.546.190.000	74.546.190.000
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bình Long	2.375.000.000	2.375.000.000	2.375.000.000	2.375.000.000
Các khoản đi vay	161.714.098.625	161.714.098.625	22.143.197.156	22.143.197.156
Công ty TNHH Đầu tư kinh doanh và BĐS Khu Đông	161.714.098.625	161.714.098.625	22.143.197.156	22.143.197.156
Các khoản trả gốc vay	131.000.000.000	131.000.000.000	80.750.000.000	80.750.000.000
Công ty TNHH Đầu tư kinh doanh và BĐS Khu Đông	131.000.000.000	131.000.000.000	80.750.000.000	80.750.000.000

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP
 Nhà G1, số 491, đường Nguyễn Trãi, phường
 Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DNIHN
 Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG

Tổng Công ty ký hợp đồng với Sở Địa chính - Nhà đất Hà Nội theo hợp đồng thuê đất số 146-2003/ĐCND-HĐĐTN tại nhà G1, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân, quận Thanh Xuân, Hà Nội với mục đích làm trụ sở làm việc và điều hành sản xuất trong 30 năm từ ngày 01/01/2003. Diện tích khu đất thuê là 1,928 m². Theo hợp đồng này, Tổng Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà Nước.

Ngoài ra, Các đơn vị thành viên của Tổng Công ty ký hợp đồng thuê đất để sử dụng với mục đích làm văn phòng, nhà xưởng sản xuất. Theo các hợp đồng này, các đơn vị thành viên phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

3. KIẾN TỤNG, TRANH CHẤP PHÁP LÝ

Trong năm 2012, Công ty TNHH MTV Xây dựng Lũng Lô ("Công ty Lũng Lô") đã khởi kiện Tổng Công ty liên quan đến khoản tiền mà Công ty Lũng Lô đã ứng trước cho Tổng Công ty để thực hiện dự án để chân sông Nhà máy lọc dầu Dung Quất theo hợp đồng số 08.1/HĐKT - LCC-Licogi. Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã có quyết định theo bản án số 101/2018/KDTM - PT ngày 14 tháng 08 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng, xây dựng. Tổng Công ty phải hoàn trả Công ty Lũng Lô 19.206.866.091 đồng tiền tạm ứng thừa và 12.656.798.538 đồng tiền lãi chậm trả. Ngày 23 tháng 01 năm 2019, Tổng Công ty có đơn đề nghị xem xét bản án theo thủ tục giám đốc thẩm và hoãn thi hành án. Đơn đề nghị đã được chấp thuận theo quyết định số 02/QĐ-CCTHADS ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chi Cục thi hành án dân sự quận Thanh Xuân và giấy biên nhận đơn đề nghị xem xét lại bản án kinh doanh thương mại của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội ngày 25 tháng 04 năm 2019. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty đang ghi nhận khoản phải trả cho Công ty Lũng Lô là 30.707.123.540 đồng. Từ đầu năm 2022 đến ngày 15 tháng 03 năm 2022, Tổng Công ty đã thanh toán cho Lũng Lô toàn bộ các khoản tiền gốc và lãi theo bản án.

4. SỰ KIẾN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần điều chỉnh hoặc công bố trên thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lê Thị Thanh Nội
 Người lập

Nguyễn Anh Dũng
 Kế toán trưởng

Vũ Nguyên Vũ
 Tổng Giám đốc
 Ngày 30 tháng 03 năm 2022

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
 (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC

Vũ Nguyên Vũ



TỔNG CÔNG TY LICOGI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Số điện thoại: + 84 024 38542365

Số fax: + 84 024 38542655

<http://www.licogi.com.vn/>